

LỜI GIAO ƯỚC

- Lời khẩn nguyện và cầu xin cho Anh Chị Em Tiên Rồng luôn được khỏe mạnh, bình an, và thăng tiến trong hoạt động tổ chức và lãnh đạo Giúp Dân Dựng Nước, nguyện xin Thiên Chúa là Cha Toàn Năng luôn đồng hành cùng chúng con và phù trợ cho những việc mà chúng con đang làm như Lời Chúa giao kết tại Jerusalem hôm nay:

Kính lạy Chúa Giêsu Thánh Thể,

Con, Vincent Phạm Văn Bản

Thay mặt cho anh chị em Tiên Rồng khắp nơi, xin cầu khẩn với Chúa rằng:

Chúng con rất cần Chúa và Chúa cũng cần chúng con trong sứ mệnh thực thi Điều 7 của Tám Mối Phúc Thật: “Ai làm cho người hòa thuận ấy là phúc thật, vì chung sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời vậy” để chúng con vâng theo Thánh Ý Chúa mà thực hiện đại cuộc Giúp Dân Dựng Nước, mang hòa thuận đến cho Toàn Dân Việt Nam bằng Lời Tổ linh huân Kinh và Chính Thuyết Tiên Rồng.

Tại Hội Đường Do Thái ở miền Nazareth trong tháng qua, chúng con khẩn cầu xin Chúa và Chúa đã nhận lời, Chúa đã hướng dẫn chúng con soạn thảo Lời Giao Ước Với Chúa trên hành trình, chúng con theo chân Chúa về Thành Thánh Jerusalem hôm nay, để ký tên và đặt bản văn này lên Mộ Chúa, xin Chúa ấn chứng Chính Thuyết Tiên Rồng và cấu trúc tổ chức chính trị Hoa Tiên Rồng.

Và xin Chúa đồng hành cùng chúng con trong việc tổ chức kể từ ngày hôm nay. Nguyện xin,

Jerusalem lúc 12:00 giờ trưa ngày 18 tháng 11 năm 2019

Vincent Phạm Văn Bản (Ký tên)

KINH

Bàn Thờ Tiên Rồng



Xin Lưu Ý:

Vái 4 cây nhang tượng trưng Thân Trí Tâm Tuệ
Dâng Tổ Tiên, không dùng 3 cây Thiên Địa Nhân
của Tàu như xưa nay



PHẠM VĂN BẢN

KINH

Cải Hóa Con Người và Xã Hội



CON CHÁU TIÊN RỒNG
WASHINGTON
NĂM 2023
HAY NĂM 4902 VIỆT LỊCH

KINH



**CON CHÁU TIÊN RỒNG
XUẤT BẢN & PHÁT HÀNH**



Địa chỉ liên lạc



Phạm Văn Bản

14929 25th Pl W

Lynnwood, WA 98087, USA

(206) 724-9947

Phamvanban1@gmail.com

Tham Khảo 2 Trang Nhà:

<http://www.phamvanban.org>

<http://www.dangtienrong.org>

Giấy Phép Phát Hành số:

ISBN 978-1-3127-3439-5



9 781312 734395



Chân Dung Tác Giả

Nhu Cầu Con Người
Kiến Thức (Knowledge) và Thông Toàn (Wisdom)
của Thời Đại Tin Liệu (Information Age)

LỜI MỞ

Kính thưa Quý Vị và Quý Bạn,

Trước hết tác giả Phạm Văn Bản xin có lời kính thăm quý vị cùng quý bạn trong tình nghĩa đồng bào, và thân mời toàn thể cùng nhau khảo cứu về Kinh. Và Kinh có nghĩa là dân tộc chính của nước Việt Nam – là Người Việt thì được gọi là Kinh.

Kinh được rút tĩa, tổng hợp những tinh hoa tư tưởng của Văn Hóa Việt và Nhân Loại. Kinh được Tổ Tiên chúng ta trang trọng đúc kết thành một hệ thống Biểu Tượng Tiên Rồng, lưu truyền và chỉ đạo Toàn Dân trong hơn năm nghìn năm lịch sử và hơn bốn nghìn năm văn hiến, được gọi là Chính Thuyết Tiên Rồng hay Kinh.

Kinh - sách thơ dân ca mà tác giả học hỏi trong linh huân được gọi là Lời Tổ, dạy rằng: “*Chỉ thấy Con Người và Chỉ lấy Con Người làm tiêu chuẩn căn bản để nhận diện, hay định nghĩa con người và xã hội*” theo nguyên lý 50 thuộc Tiên và 50 thuộc Rồng (50% = 50%). Cho nên đời sống xã hội của Người Việt chúng ta xưa nay “không có duy” như duy tâm, duy linh, duy vật, duy lợi... khác biệt với những văn hóa Kim Tự Tháp đẽ xường “*lấy vật chất đo lường giá trị con người.*”

Kinh - tập thơ lục bát của Người Việt, khai sáng từ Chính Thuyết Tiên Rồng, chớ không dùng tài liệu sách báo hay truyền thông văn học của Trung Quốc như hầu hết người viết xưa nay.

Kinh - một nghìn câu lục bát, một thể thơ đặc biệt của Dân Tộc Việt, mang căn bản 6 âm tiết cộng với 8 âm tiết để hiệp vần trong mỗi câu. Kinh được trích dẫn từ 9 câu chuyện truyền

miệng từ đời này qua đời khác bao gồm (1) Tiên Rồng (2) Trầu Cau (3) Chử Đồng (4) Tiết Liêu (5) An Tiêm (6) Vọng Phu (7) Trương Chi (8) Mỵ Châu (9) Phù Đổng.

Theo đúng luật thơ Việt Nam, tác giả chọn lọc những chữ mang dấu huyền/ hay không dấu gọi là thanh bằng. Đang khi các chữ có dấu sắc, hỏi, ngã, nặng thì gọi là thanh trắc.

Tiếp theo quy tắc, tác giả dùng các chữ thứ 2, 6, 8 mang thanh bằng, thì chữ thứ 4 mang thanh trắc. Sau cùng là hiệp vần gồm có hai loại vần chính: giống nhau phụ âm cuối và khác nhau phụ âm đầu, riêng các thông vần thì gần giống nhau và cũng có t số biến thể.

Kinh được hòa âm theo nhịp điệu thật sự hồn nhiên, nhẹ nhàng, thành thật và thể hiện “đồng bào tính” được ghi nhận trong triết lý Chính Thuyết Tiên Rồng:

*[1] Là người dòng giống Lạc Long
Đồng Bào ta nhớ thuộc lòng chín kinh
Tiên Rồng thứ nhất xác mình
Song Hiệp Hoàn Chinh trọn tình ai ơi
[5] Thứ hai Trầu Cau diễn lời
Thân Thương nguyên lý làm đời sống chung
Thứ ba hương tới trùng phùng
Chử Đồng, Bình Đẳng Tột Cùng là đây
Tiết Liêu thứ bốn dựng xây
[10] An Dân Thịnh Nước xum vầy ấm no
An Tiêm truyền tích chăm lo
Việc Làng Dân Chủ – đạo phò con dân
Vọng Phu thứ sáu góp phần
Chông nào Vợ nấy chuyên cần tăng gia*

KINH

*[15] Trương Chi thứ bảy ấy là
Căn nguyên hạnh phúc – tình ta sáng ngời
Mỵ Châu thứ tám truyền lời
Giúp dân Giữ Nước góp đời sĩ phu
Kết Kinh Phù Đổng diệt thù
[20] Dân thân Cứu Nước cho dù nguy nan
Chín kinh tóm lại chứa chan
Tiên Rồng Chính Thuyết bao ngàn năm qua*

Phải thành thật mà nói rằng, tác giả có duyên may được học hỏi từ các anh Nguyễn Đức Xích, Nguyễn Đức Đơn và Nguyễn Đức Sách thân thương truyền đạt Biểu Tượng Tiên Rồng, rồi được Ôn Mệ Nguyễn Đức Hương chứng nhận làm người con tinh thần trong dòng tộc vào dịp Đầu Xuân Đinh Mão 1987, khi tác giả tới Châu Úc tổ chức Liên Minh Toàn Dân và có dịp viếng thăm.

Tổng quan tác giả dùng lục bát vì Kinh là thể thơ phổ biến trong kho tàng văn hóa dân tộc, từ ca dao tục ngữ cho đến những bài dân ca... Nếu chúng ta so sánh với truyện Kiều của Nguyễn Du, trích dẫn từ Kim Vân Kiều Truyện của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân, tức là một danh nhân văn học Trung Quốc... thì chúng ta thấy rằng mặc dù không ưa Tàu nhưng Người Việt vẫn bị học Tàu trong văn hóa xưa nay.

Ngày nay Kinh là giải pháp kết thúc việc truyền bá văn học Tàu. Thân chúc toàn thể bạn đọc an vui, an lành, an phúc và an hưởng một ngày vui khi bạn mở trang sử Kinh mang trọn tình nghĩa đồng bào Thân Thương Bình Đẳng.

Đa tạ,

Phạm Văn Bản và gia đình

MỤC LỤC



Hình tác giả	13
Bài ca Kinh Việt	14

CHƯƠNG I

Ý Nghĩa KINH	15
Chính Thuyết Tiên Rồng	16
Biểu Tượng khác biệt với Ngôn Từ hay Tư Tưởng	18
Hình Cố Đô Hoa Lư	22
Tiên Rồng	23
Trầu Cau	25
Chữ Đồng	27
Tiết Liêu	29
An Tiêm	30
Vọng Phu	31
Trương Chi	32
My Châu	33
Phù Đổng	33
Tổng Kết	35
Hình Mặt Trời chữ Đức	36

CHƯƠNG II

Con Cháu Tiên Rồng	37
Dòng Giống Tiên Rồng	39

KINH

Truyện Hồng Bàng	40
Tộc Việt khác Tộc Hoa	51
Tộc Tở Tiên Rồng	53
Hình Con Người Tiên Rồng Song Hiệp	55
Hình Văn Miếu	56

CHƯƠNG III

Đại cương KINH	57
Thơ: Tiên Rồng	59
Hình Chùa Kim Ngân	66
Thơ: Trầu Cau	67
Hình Thạp Đồng Đào Thịnh & Lạc Việt	72
Thơ: Chử Đồng	73
Hình Trống Đồng Ngọc Lũ & chử Đức	78
Ba Kinh Nền Tảng	79
Hình Bản đồ Tộc Việt	86
Bài Học Tiên Rồng	87
Hình Con Người Tiên Rồng	89
Hình Cổ Đô và Núi Ngũ Hành	90
Bài Học Trầu Cau	91
Bài Học Chử Đồng	93
Hình Tiên Nhân Chỉ Lộ	96
Thơ: Tiết Liêu	97
Thơ: An Tiêm	103
Hình Cổ Đô Huế	108
Thơ: Vọng Phu	109
Hình Tác Giả Giảng Thuyết	113
Hình Tác Giả Lãnh Bằng Tưởng Lục	114
Thơ: Trương Chi	115
Hình Tượng Đài Đức Mẹ La Vang	120
Bốn Kinh Sống Thực	121
Bài Học Tiết Liêu	123

Hình Hiền Tài là Nguyên Khí Quốc Gia	125
Hình Bàn Thờ Đức Nguyễn Trãi	126
Bài Học An Tiêm	127
Hình Bàn Thờ Đức Đinh Bộ Lĩnh	132
Bài Học Vọng Phu	133
Hình Hành Cung Vũ Lâm	144
Bài Học Trương Chi	145

CHƯƠNG IV

Sách Lược Giữ Nước và Cứu Nước	149
Thơ: My Châu - Sách lược giữ nước	149
Thơ: Phù Đổng - Sách lược cứu nước	159
Hình Hoa Lư Tứ Trấn	162
Hai Kinh Phục Hưng	163
Bài Học My Châu	163
Nhận Hồn Giặc	166
Diễn Tiến Mất Hồn Nước	168
Bài Học Dân Nước	168
Thành Giặc	170
Bài Học Sức Nước	171
Bài Học Đất Nước	173
Áo Tướng Giữ Nước	173
Yếu Tố Giữ Nước	176
Hình Chùa Bái Đính	178
Bài Học Phù Đổng	179
Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính	199

CHƯƠNG V

Hình Bàn Thờ Tổ	201
Phúc Đức	201
Làm Phúc	202

KINH

Hưởng Đức	202
Phúc Phận	202
Cờ Mặt Trời Phúc Đức	210
Giáo Dục	211
Tình Tương Thân	217
Việc Phát Triển	218
Đặc Tính Cuộc Sống	219
Phát Triển, Đấu Tranh, Tiến Hóa	220
Giới Thiệu Boeing Frontier Magazine	222
Tết	223
Lễ Tết	224
Ý Nghĩa Lễ Tết	226
Đôi Tượng Lễ Tết	227
Diễn Đạt Lễ Tết	230
Mùng 5 Tết: Ngày Đại Lễ Kính Trời	232
Tổng Quan	233
Hình Phúc Đức	234
Văn Chúc Tế Tổ	235
Hình Phục Vụ Boeing	238
Giỗ Tổ Hùng Vương	239
Tộc Tổ Ngày 10 Tháng 3	240
Quốc Tổ Hùng Vương	242
Chính Trị Thời Hùng	247
Kết Luận	257
Hình Tác Giả Lãnh Quilt Of Valor	258
Văn Tế Kính Các Đấng Tộc Tổ và Quốc Tổ	259
Tình Ca Đồng Bào	263
Hình Chiêm Tinh Học Thiên Văn	264
Tài Liệu Tham Khảo	265
Cám ơn Bạn Đọc & Hình Tác Giả	266
Ghi ơn & Hình gia đình	268



KINH VIỆT

Việt Bào – Phạm Văn Bản

(Nhạc mở.
) Là người đồng giống Lạc Long, Đồng Bào
 luôn nhớ thuộc lòng chín Kinh : Tiên Rồng thứ nhất xác
 minh Song Hiệp Hoàn Chính trọn tình ai ơi ! Thứ hai Trâu
 Cau điển lễ Thần Thương nguyên lý tạo đời sống chung. Thứ
 ba dẫn đến trung phùng, Chữ Đổng : Bình Đẳng Tội Cùng là
 đây. Tiết Liêu thứ bốn dựng xây An Dân Thịnh Nước sum
 vầy ấm no. An Tiêm kinh tiếp chăm lo Việc Làng Dân
 Chủ đạo phò con dân Vọng Phú thứ sáu góp phần, Chông
 nào vợ nấy nước cần tăng gia. Trương Chi thứ bảy chính
 là Căn Nguyên Hạnh Phúc tình ta sáng ngời. Mỵ Châu thứ
 tám truyền lời làm Kinh Giữ Nước góp đời sĩ phu. Kết,
 Kinh Phù Đổng diệt thù, Dấn thân Cứu Nước cho dù nguy
 nan. Chín Kinh tóm lại chứa chan Tiên Rồng văn hoá bao
 ngàn năm qua.

CHƯƠNG I



Ý NGHĨA KINH

Tập Thơ Nghìn Câu



KINH - tập Huân Ca Tiên Rồng được biên soạn theo thể thơ lục bát gồm có một nghìn câu. Mục đích của Kinh là cải hóa Con Người và Xã Hội sống theo nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính đang ẩn dụ trong chín truyền tích của Dân Tộc Việt Nam: (1) Tiên Rồng, (2) Trầu Cau, (3) Chử Đổng, (4) Tiết Liêu, (5) An Tiêm, (6) Vọng Phu, (7) Trương Chi, (8) My Châu, (9) Phù Đổng.

Những chuyện tích này lại được toàn dân ghi nhớ và truyền miệng từ đời này qua đời khác trong hệ thống làng xã Việt Nam xưa nay, lưu hành qua bao nghìn năm lịch sử và trở thành Đạo Sống Việt.

KINH

Tiếp đến, những truyền tích này được anh em Hoa Tiên Rồng học hỏi, nghiên cứu, soạn thảo và đúc kết thành một hệ thống tư tưởng văn hóa dân tộc, sống động và hiện thực được gọi là Sinh Thức Tiên Rồng, Hệ Tiên Rồng, Kinh Việt hay Chính Thuyết Tiên Rồng, vì thế mà có tập thơ Kinh ra đời.

I. CHÍNH THUYẾT TIÊN RỒNG

Chính Thuyết Tiên Rồng là tinh hoa nền tảng của Văn Hóa Việt, được Tổ Tiên trang trọng đúc kết thành hệ thống biểu tượng Tiên Rồng, lưu truyền trong lòng Dân Tộc trải qua bao nghìn năm lịch sử trong làng nước Việt Nam.

Bổn phận và trách nhiệm của con người Việt Nam, con cháu dân tộc, hay Con Cháu Tiên Rồng như chúng ta, là tìm hiểu học hỏi để nhận biết ý nghĩa của Biểu Tượng Tiên Rồng mà Tổ Tiên muốn nhắn gửi, chắc chắn đang ẩn chứa những điều cao siêu và hiện thực trong đó.

Tiếp đến, Chính Thuyết Tiên Rồng cũng khác biệt với những cái gọi là tứ thư ngũ kinh, cửa Khổng sân Trình, chữ nho hay sách vở kinh kệ của người Trung Quốc (Hoa, Hán, Tàu) – như Kinh Dịch khai triển theo khái niệm Âm Dương, hoặc như Tam tài Thiên – Địa – Nhân (Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng) là những ý niệm trừu tượng, chỉ là thành quả của óc suy luận thuần túy vật chất, là tà thuyết vô tri vô giác, hay lai căng vọng ngoại.

Đang khi Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên chúng ta đặt căn cứ trên Biểu Tượng Tiên Rồng về Con Người – đó là kết tinh tư tưởng của nhận thức hiện thực làm nền tảng cho

con người, là mọi người và mỗi Người đều được tạo thành do Mẹ Tiên Cha Rồng phối hiệp.

Tất cả chúng ta cùng được sinh ra một lần, một lúc trong Một Bọc Trăm Con mà tự xưng mình là đồng bào – đồng có nghĩa là cùng, bào là cái bọc, tức là anh em ruột thịt trong cả nhà hay cả nước, cả quốc gia hay cả nhân loại.

Theo giòng thời gian và đà xác tín quý trọng của toàn dân, chữ Tiên Rồng còn trở thành biểu hiệu cho Hai Vị Tộc Tổ, khai sinh ra dòng giống dân Việt vào khởi đầu lịch sử nhân loại. Bởi thế mà ngày nay mọi người Việt Nam chúng ta hãnh diện và xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng.

Chính Thuyết Tiên Rồng cũng không xuất phát từ chủ nghĩa, chủ thuyết, triết thuyết hay nền tảng học thuyết của tôn giáo nào, mà đã được Tổ Tiên nhận diện đúng thực Con Người và Cộng Đồng Xã Hội, qua sinh hoạt và tâm tư bộc lộ cũng như thể hiện nếp sống văn minh văn hóa trong một xã hội anh em, Xã Hội Đồng Bào, xã hội của con người và làm người trong toàn thể nhân loại đích thực.

Điểm khác biệt trong Lịch Sử Việt là Tổ Tiên truyền khẩu, truyền miệng, truyền cho nhau ghi nhớ Biểu Tượng Tiên Rồng rồng rã hàng bao nhiêu đời con cháu, từ đời này qua đời khác trong bao nghìn năm lịch sử, đã làm nổi bật đặc tính sinh hoạt sống động hiện thực trong nếp sống của toàn thể Dân Tộc Việt, được gọi là Văn Hóa Việt.

Chớ không phải là hệ thống văn từ như đã ghi trong Lĩnh Nam Chích Quái của nhà văn Trần Thế Pháp, mới xuất hiện vào đời Nhà Trần và được ghi nhận là tác giả đã viết theo văn

KINH

hóa thời cuộc, nhằm mang tư tưởng phò thiên triều phương Bắc – “cuồng Trung!”

- **Biểu Tượng khác biệt với Ngôn Từ hay Tư Tưởng**

Bởi thế theo cách lưu truyền của Tổ Tiên, thì văn từ hay tư tưởng đã thường bị bóp méo, hiểu lệch lạc ý nghĩa tùy theo người viết đang sống trong chế độ hiện hành, hoặc theo thời gian mà sửa đổi nội dung ngôn từ, đang khi biểu tượng thì mang tải ý nghĩa trước sau vẫn thế.

Chính Thuyết Tiên Rồng ngày nay được Anh Chị Em Hoa Tiên Rồng phục hưng, khai sáng, trình bày thành một hệ thống tư tưởng mạch lạc rõ rang, nhằm mục đích Giúp Dân Cứu Nước. Do đó, anh chị em nơi đây đang trao chìa khóa cánh cửa tâm tư cho nhau, để cùng nhau mở rộng cửa kho tàng Văn Hóa Việt, tìm lại những báu vật hay Gia Tài của Ông Bà truyền lại, để chúng ta có thể chia sẻ tâm tư cho nhau, cho những ai muốn xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng.

Chính Thuyết Tiên Rồng chẳng những trung thực, mà còn thích hợp, thích nghi với hiện cảnh sống của mọi người, mọi lứa tuổi, không phân biệt giới tính hay thời đại văn minh nhân loại, vì chính thuyết luôn mở rộng cửa đón nhận tất cả những giá trị, tinh hoa tư tưởng trong đời sống nhân sinh, khai triển nếp sống con người, là Đạo Sống Việt trong Xã Hội Đồng Bào, xã hội Thân Thương Bình Đẳng, xã hội anh em từ Bọc Mẹ Trăm Con của truyền tích Tiên Rồng do Tổ Tiên khai sáng.

Chín truyện tích Tiên Rồng, Trầu Cau, Chử Đồng, Tiết Liêu, An Tiêm, Vọng Phu, Trương Chi, Mỵ Châu và Phù Đổng lưu truyền trong dân gian, từ đời này qua đời khác lại

cuu mang những đặc điểm làm nổi bật biểu tượng Tiên Rồng, tức là có hai nhóm đặc tính Tiên và Rồng, được nhận diện nơi Con Người và Đời Sống, kể đến là phần cốt truyện lại nhắc tới thời đại của các Vua Hùng Dựng Nước.

Dù rằng trong 9 truyền tích ấy ẩn chứa nhiều tình tiết ly kỳ dị biệt khó hiểu, nhưng vẫn được Tổ Tiên Ông Bà lưu truyền nguyên vẹn tinh rờng cho chúng ta tới thời đại ngày nay. Bởi thế bổn phận và trách nhiệm của chúng ta là tìm hiểu, học hỏi và khám phá kho tàng Văn Hóa Việt, để tìm lại những báu vật gia tài Dân Nước, và cũng bởi thế mà có Hoa Tiên Rồng ra đời để Giúp Dân Dựng Nước.

Mỗi truyện tích của Chính Thuyết Tiên Rồng lại được nhắc nhớ bằng những biểu hiệu tôn quý trong các dịp Lễ Tết của Dân Tộc Việt Nam.

Tất cả đã kết tinh quan niệm sống của dân tộc, liên hợp chặt chẽ với nhau, tạo thành một hệ thống chỉ đạo minh bạch, mạch lạc, sống động, hiện thực, làm nền tảng căn bản cho toàn thể Văn Hóa Việt – tổng hợp và hệ thống hóa này được gọi là Hệ Tiên Rồng, tức là cái nhìn kiến thức vào thực tế cuộc sống Con Người, đặt căn cứ trên cuộc sống một cách trọn vẹn, thông toàn, không ra khỏi hay xa lìa cuộc sống con người trong thời đại mới, Thời Đại Tiên Rồng (Information Age).

Do đó Hệ Tiên Rồng còn được gọi là Sinh Thức Hệ, tức là Chính Thuyết Tiên Rồng.

Hệ thống biểu tượng Tiên Rồng này không phải do một người, hay nhóm người phát minh, sáng chế ra, mà là cả một nền văn hóa đã và đang sống trong lòng Dân Tộc, dù ý thức có khác biệt ít nhiều, tùy người, nhưng Văn Hóa Việt được

KINH

phát hiện là một hệ thống toàn bích, đang chỉ đạo cho toàn thể cuộc sống Xã Hội Con Người.

Việc tìm hiểu, khảo cứu, áp dụng, ứng dụng để sống thích nghi với hiện cảnh là cả một tiến trình dài, như bao ngàn năm trường tồn của Tộc Việt – khác biệt với Tộc Hoa – vẫn luôn tiếp diễn, cao siêu hiện thực, là đặc điểm của Con Cháu Việt. Có thể nói mỗi chữ, mỗi câu, mỗi mệnh đề của Chính Thuyết Tiên Rồng ngày nay đang biên khảo, như tác giả ghi chép nơi đây, thì cũng đang trông chờ cả một thiên khảo cứu về lịch sử văn hóa của toàn dân Việt Nam.

Bởi thế cho nên, đây cũng là phần mà mọi người trong chúng ta cần tìm hiểu, học hỏi, thảo luận và đừng quên sự đóng góp thêm những khám phá mới của bạn vào kho tàng Văn Hóa Chính Trị cao siêu hiện thực và tuyệt diệu tuyệt vời của Tổ Tiên.

Điểm đặc biệt Ông Bà để lại, là một hệ thống biểu tượng chứ không phải hệ thống ngôn từ hay tư tưởng như trên đã nói, vì rằng ngôn từ hay tư tưởng thường bị tuyên truyền lệch lạc bóp méo nội dung hay ý nghĩa bởi mưu đồ danh lợi của nhà cầm quyền, chế độ hay thời gian.

Nhưng ngược lại, biểu tượng thì trước sau vẫn thế, vẫn còn nguyên vẹn tinh ròng dù cho trải qua ngàn đời con cháu, và cứ tùy thuộc thời đại mà chúng ta dùng ngôn từ thích hợp mà diễn tả biểu tượng, như trong Thời Đại Tín Liệu (Information Age) của nhân loại mà tác giả đang viết hôm nay.

Trong mỗi bài Chính Thuyết Tiên Rồng, là ghi chép những điểm chính yếu cuu mang bài học của Tổ Tiên. Dĩ nhiên, với thời gian cùng với sự phù trợ của Đức Quốc Tổ và Hồn Thiêng

Sông Núi, chúng ta sẽ có bản văn hoàn hảo, đúng thực và trọn vẹn, vì do đón nhận sự đóng góp ý kiến của mỗi người, của mọi người và của toàn dân.

Diễn giải truyền thuyết, là phần có tham vọng đào sâu, tìm hiểu hệ thống biểu tượng tới tận ý nghĩa, và cố gắng đạt đến điểm tốt cùng của suy tư có thể có. Do đó phần diễn giải, đôi khi trở thành khó hiểu cho số người đọc.

Tuy nhiên bạn đọc có thể căn cứ vào lịch sử, vào đời sống dân nước mà rút ra những thí dụ cụ thể, những gương sống thực của các Minh Quân, Văn Thánh Võ Thần, mà chúng ta giúp cho nhau học hỏi, thông toàn bài học của Tổ Tiên.

Sau phần diễn giải trong các bài thơ Huân Ca là phần Tìm hiểu truyền tích/ Chính Thuyết Tiên Rồng. Tiên Rồng được gọi là bài học Nền Tảng, vì trong đó chúng ta có nhận diện, có định nghĩa về Con Người và Xã Hội một cách hoàn chỉnh, toàn diện và đúng thực.

Phần bài này được coi là đúc kết những nét đặc thù của Văn Hóa Việt, khai thác hết những nét đặc thù đó chúng ta có hệ thống tư tưởng chỉ đạo sống động và hiện thực, gọi là Hệ Tiên Rồng, qua nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp để áp dụng vào cơ cấu tổ chức xã hội con người, như biểu tượng Bọc Mẹ Trăm Con.

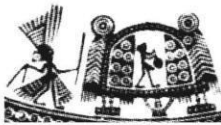


Đền thờ Hoa Lư – Quê hương của Đức Đinh Bộ Lĩnh và là sự nghiệp của các triều đại Nhà Đinh, Nhà Tiền Lê và Nhà Lý

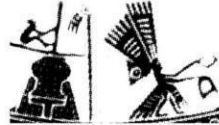


1. TIÊN RỒNG

Tiên Rồng ghi khắc trên
Trống Đồng Ngọc Lũ và Thạp Đồng Đào Thịnh



仙
TIÊN



龍
RỒNG

Bài học nền tảng bởi Tổ Tiên đề ra nguyên lý sinh hóa của vạn vật, đặc biệt căn cứ trên con người, tức nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính.

Với bài học Tiên Rồng, chúng ta có được định nghĩa về con người hoàn chỉnh toàn diện, đúng thực: Thân – Trí – Tâm – Tuệ (Thân lực sinh động, Trí năng tinh biến, Tâm tình thông hiệp, Tuệ linh vĩnh cửu) của con người do Mẹ Tiên Cha Rồng song hiệp.

Từ nguyên lý chúng ta khai triển thành những nguyên tắc áp dụng vào việc tổ chức Tiên Rồng như Cánh Kinh Thương, Cánh Thanh Niên, Cánh Xã Hội và Cánh Chính Trị của một Hoa Tiên Rồng.

KINH

Đặc biệt, Con Người Tiên Rồng, chúng ta khác biệt với những Con Người của nền văn hóa duy vật, duy lợi, duy tâm, duy linh làm tha hóa con người, và con người biến thành sinh vật kinh tế, con thú tiến bộ, động vật lao động trong các hãng xưởng, và chi phối bởi cơ quan truyền thông rợn rùng hàng ngày.

Đó là văn hóa và tổ chức ba góc theo hình Kim Tự Tháp, chúng ta nhận ra là tổ chức chủ nô, trên là chủ nhân – dưới là nô lệ, trên là đấng trị – dưới là bị trị, cho dù cổ súy Chân – Thiện – Mỹ mà thiếu Tình thì chỉ là con người khiếm khuyết hạnh phúc.

Đang khi trong Truyền Thuyết Việt, Tổ Tiên nhận diện Con Người Tiên Rồng một cách đúng thực, và cộng đồng xã hội là Đồng Bào, là anh em từ Một Bọc Trăm Con của Mẹ Tiên Cha Rồng, tức là biểu trưng cho một xã hội thân thương và bình đẳng tột cùng.

Tiên Rồng đưa ra ý niệm về các đặc tính cá biệt của Tiên, của Rồng, và mẹ Tiên cha Rồng đã phối hiệp toàn nhất tương đồng. Bởi thế Tiên và Rồng là kết tinh toàn vẹn cho mọi tương quan sinh hoạt của con người, tương quan anh em nhằm thể hiện Con Người Tiên Rồng.

Biểu tượng Một Bọc Trăm Con của Chính Thuyết Tiên Rồng đã khẳng định Đặc Tính Xã Hội bẩm sinh và ngay cùng một lúc có trăm con người, cũng do kinh nghiệm của cuộc sống gia đình, với mẹ với cha, với anh chị em qua hình ảnh của tổ chức trăm người trăm việc – mỗi người mỗi việc, chớ không bao đồng công tác hay dẫm chân lên nhau.

Trong cuộc sống, con người nhận ra mình không thể sống đơn độc, mà ngay từ lúc bắt đầu sự sống, con người cần có mẹ có cha, có sự chăm sóc bảo bọc của tình thân ruột thịt anh chị em. Vì nếu sống đơn độc, con người không thể phát triển toàn vẹn về cuộc sống xứng đáng là người và làm Người.

Do kinh nghiệm từ đó con người nhận ra mình vừa là một hiệp thể cá biệt toàn vẹn, mà cũng vừa là một thành phần cộng đồng xã hội anh em, và vừa cùng chung một nguồn sống Mẹ Tiên Cha Rồng.

Cũng do kinh nghiệm của cuộc sống trong tình thân với cha mẹ anh chị em, con người nhận ra mình cũng có cùng một nguồn gốc, cùng một sức sống, và cùng chia sẻ cuộc sống với nhau, trong nhau và cho nhau. Con người rút tía kinh nghiệm cuộc sống từ bản thân, quây quần trong gia đình, tuy thể cuộc sống cũng không đóng khung trong tập thể hạn hẹp, mà đã mở rộng với nhiều con người khác nữa.

Vì vậy hai truyền tích Chử Đồng và Trầu Cau đã ghi nhận kinh nghiệm do cuộc sống đồng người, tức xã hội anh em, Xã Hội Đồng Bào.

2. TRẦU CAU

Bài học Trầu Cau chia sẻ trực tiếp với bài học Tiên Rồng, là rút tía hình ảnh từ Bọc Mẹ Trăm Con ra hai anh em sinh đôi, giống nhau như đúc, thương nhau rất mực và chưa hề lia nhau để ứng dụng vào đời sống con người, bằng Nếp Sống Tiên: Thân Thương Tột Cùng của Con Người. Bài học Trầu Cau đã đặt nền tảng tương quan giữa người với người.

KINH

Nghĩa là **“thương nhau trọn tình, sẵn sàng chết vì thương, mà dẫu có chết cũng vẫn còn thương.”** Tương quan anh em và tương quan vợ chồng trong một tổ chức.

Vì là nền tảng tương quan giữa người và người, nên cũng là nền tảng cho Xã Hội Con Người, được tổ chức từ gia đình, gia tộc cho tới cấp dân tộc hay cấp nhân loại theo **nguyên lý Thân Thương Tột Cùng.**

Từ lời linh huấn của Tổ Tiên quá thâm thúy diệu vời đó, cho nên chúng ta đã nhìn nhận xã hội Việt trong đó có bao tấm gương sáng ngời: nào là lòng mẹ bao la như biển Thái Bình, thiếu phụ Nam Xương, Anh phải sống, nuôi chồng trong tù cải tạo, và thành tín với vợ, chung thủy đợi chờ ngày đoàn tụ, dù tới chết cho gia đình hay chết cho quê hương thì cũng vẫn còn thương: “Tình nhà tình nước chết chưa hết tình!”

Cũng do kinh nghiệm cuộc sống thân thương của gia đình, con người nhận ra tình cảm giữa người với người, được xuất phát từ việc chúng ta nhìn nhận nhau là Anh Em, Giống nhau như đúc, và từ tâm thức ấy mà Quyết chẳng lìa nhau.

Tình yêu thương ruột thịt đó lại nhận thêm nhiều kinh nghiệm khi gia đình có thêm những người xa lạ, như người Anh trong truyền thuyết Trầu Cau cưới vợ, và cùng sống chung với người Em dưới một mái ấm gia đình.

Với cuộc sống đầy biến chuyển và trắc trở hiện nay, con người nhận ra rằng, tình thân thương chỉ tồn tại khi ta sẵn sàng đánh đổi cả cuộc sống mình cho những người mình mến thương, Sẵn sàng chết cho nhau, chết vì người thương.

Và rồi dù yêu thương nhau khăng khít, dù vượt thắng mọi trở ngại để bảo vệ tình thân thương, con người cũng trải qua kinh nghiệm qua sự chết, qua việc người thân vĩnh viễn chia lìa bởi đi tìm nhau mà chết, hóa thành trâu thành cau hoặc thành đá vôi.

Nhưng cũng do chính kinh nghiệm thăng hoa thành đá, trâu hay cau đó, do lòng thương nhớ không nguôi, con người lại cảm nhận là sự chết chẳng những không chấm dứt hoặc ngăn cản, mà trái lại, còn giúp chúng ta thể hiện trọn vẹn tình Thân Thương Tột Cùng, Mãi mãi có nhau, và khi đó không còn bất cứ gì có thể ngăn cản chúng ta kết hợp với nhau trong yêu thương, trong bảo bọc.

3. CHỦ ĐỒNG

Nếu như bài học Trâu Cau trong Chính Thuyết Tiên Rồng đã rút tía từ “Bọc Mẹ Trăm Con” ra hai anh em, hai con người để áp dụng nguyên lý “Thân Thương Tột Cùng” của Nếp Sống Tiên, thì để dạy bài học “**Bình Đẳng Tột Cùng**” tức là Nếp Sống Rồng, thì Tổ Tiên lấy lại hình ảnh Tiên Rồng nơi nàng Công Chúa Tiên Dung – đẹp, giàu, sang được yêu thương, kính trọng quyền thế cao cả... tột cùng trong xã hội.

Ta thường nói sướng như tiên, theo chữ nhỏ, chữ nhân ghép với chữ sơn thành chữ tiên, tiên là người ở núi, núi của tức là phần vật chất.

Nàng quả là nàng tiên giáng trần đang khi chàng rồng Chủ Đồng đói khổ lang thang bên bờ sông bãi sù để kiếm ăn. Chàng nghèo khổ đến nỗi chỉ có một cái khổ, mà chàng vì hiếu đã cỡi ra để liệm cho cha chàng lúc người lìa trần, rồi đành với cảnh sống tông ngồng!

KINH

Tổ Tiên muốn dạy điều gì? Vâng muốn sống với nhau, trước tiên phải **thấy nhau bằng con người thật, con người tinh tuyền, con người không bị vật chất lụy là, vàng bạc che phủ...**

Mặt khác, chàng là rồng thì ẩn mình trong lòng đất (thủy phủ) để chờ đợi cho tới khi công chúa Tiên Dung vây màn tấm gôi...

Nàng từ trời xuống, chàng từ đáy sông lên... Nàng giàu sang tuyệt thế, chàng tẻ hơn khổ rách áo ôm!

Xin hỏi, có ai hơn công chúa và ai thua chàng không khổ... thế mà nên duyên, song hiệp... thì thử hỏi, xã hội này còn kẽ hở nào để mà phân cách, phân chia giai cấp?

Chính nhờ sự Song Hiệp Tiên Rồng đó, con người mới được hạnh phúc. Tiên Dung Chử Đổng đã giúp dân. Họ có cả một chương trình phát triển xã hội: giáo hóa dân chúng (dạy dân phép tiên), phát triển kinh tế (lập phố xá), ngoại thương (ra biển đi buôn), phát triển giao dịch, lưu thông (gậy thần rút đất)... và rồi khi họ Về Trời, dân chúng cũng được về theo, nghĩa là tất cả cũng được thành tiên... đẹp như tiên và sướng như tiên, hạnh phúc, cực lạc!

Nhìn lại cuộc sống càng kéo dài và càng có đông người, thì con người càng thêm kinh nghiệm về những khác biệt trong tài năng, trong sức lực, cũng như trong may rủi của cuộc đời... như kinh nghiệm của Tiên Dung và của Chử Đổng. Do đó, do kinh nghiệm đối xử với nhau, và do tâm tình muốn bảo đảm cuộc sống tốt đẹp cho hết mọi người, con người nhận ra rằng mỗi người phải Nhận thực chính mình.

Khi đã biết rõ thân phận Con Người của mình, mỗi người lại phải nhìn nhận và sống với những con người khác như những con người tinh vẹn, không để bất cứ ngoại vật nào làm sai lệch hình ảnh đích thực của con người. Chỉ thấy con người.

Cũng do kinh nghiệm san sẻ trong tình thân, con người nhận ra cách xử dụng thích đáng tài năng và của cải. Tài và của chỉ là những phương tiện để giúp nhau cùng phát triển, Tài của giúp người, để tất cả Mọi người cùng hưởng hạnh phúc và thăng tiến, không trừ ai. Những kinh nghiệm sống đó, Tổ Tiên đã gói ghém tuyệt vời trong truyền thuyết Chử Đồng.

Nhắc tới đây, chắc chắn có nhiều bạn đọc còn hiểu nhiều về chi tiết Văn Hóa Việt hơn cả người viết... còn bao điều muốn nói nữa, nhưng mà làm sao mà nói cho hết được. Vì mỗi con cháu Việt – Con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng siêu việt – thì với tâm hồn Việt, với máu huyết Việt đang luân lưu trong chính con người của bạn, đó là cả một kho tàng Văn Hóa Việt tiềm ẩn trong bạn, xin hãy tự khai thác lấy gia tài Tổ Tiên?

Sau ba truyền thuyết làm Nền Tảng cho con người và cuộc sống con người trong xã hội, Tổ Tiên dạy về một cơ cấu quan trọng nhất, đã chi phối mạnh mẽ tới đời sống con người, đó là Nước, Quốc Gia.

4. TIẾT LIÊU

Nếu như bài học Chử Đồng đề ra nguyên tắc phát triển xã hội, thì bài học Tiết Liêu dạy việc Trị Nước An Dân. Vua Cha muốn truyền ngôi dạy chúng ta dâng lễ vật thờ cúng tổ tiên, trong khi nhiều nền văn hóa khác lại dạy phải kiếm nhiều thủ cấp của dân láng giềng... Và Tiết Liêu vì hiếu, thà lo cho mẹ

KINH

đang mắc bệnh dịch Cô Vi, hơn là làm vua... nên chàng ở nhà, Cầu Tổ... và được Tổ chỉ dạy làm bánh dày bánh chưng... và rồi chàng lại được làm vua!

Đó không phải là nền tảng An Dân Trị Nước sao?

Tiết Liêu có tinh thần dân tộc (thờ cúng Tổ Tiên), hiếu thảo (gia đình là gốc của nước, như trong Trầu Cau), không màng giàu sang, nhưng biết lo cho dân (lấy gạo làm căn bản sống của dân), có sáng kiến, phát triển kinh tế (gạo nấu cơm để lâu dễ bị thiu, nhưng làm thành bánh dày bánh chưng thì để được cả tháng trời)... lại đủ đạo Trời đạo Đất (tròn, vuông)... Con người như thế không đáng trị nước an dân?

Như vậy, Tiết Liêu được Tộc Tổ chỉ dạy, chính là người làm việc nước phải để Hồn Nước hướng dẫn, tức là phải học hỏi, phải thấm nhuần tinh thần và truyền thống dân tộc. Và do đó, làm việc nước cũng có nghĩa là làm cho người dân thể hiện Hồn Nước vào cuộc sống hằng ngày.

Như thế cái tài của người làm việc nước là: **Tài biết tin tưởng vào dân nước, tài giúp dân sống thực truyền thống dân tộc, tài thấu hiểu nhu cầu thực tế của dân, và tài cải tiến cuộc sống người dân.** Trong những tài này, tài cải tiến cuộc sống người dân là công tác thực tiễn và đa đoan.

5. AN TIÊM

Chuyện quả dưa đỏ cũng hình thành bài học tương tự! Thà bị Vua Cha đày oan còn hơn phải trốn theo tàu buôn mà về đất liền làm giặc... Nhưng khi có quả dưa đỏ, dưa hấu, một loại của ngon vật lạ nơi hải đảo đã gọi về dâng vua, biểu nước!

Và từ đó dân ta, đặc biệt nơi miền khô cháy nóng bỏng, được thêm món ăn tươi mát thơm ngon... Chàng chẳng đáng mặt trị nước an dân?

Dưới khía cạnh kinh tế, chúng ta có thể nói, bài học Tiết Liêu phát triển trên đất, nội địa... thì bài học An Tiêm phát triển vùng biển, ngoại thương... và đừng quên bài học Chử Đồng!

Tất cả đều là kinh nghiệm sống, và tất cả đều phát xuất từ tình thân ruột thịt gia đình, từ mẹ, từ cha, từ anh chị em đối xử với nhau. Và cũng vì vậy, mọi cuộc sống mang vết tích con người, mọi cuộc sống xứng đáng con người, mọi cuộc sống tràn đầy ý nghĩa, mọi cuộc sống toàn vẹn đều là những cuộc bộc lộ và thể hiện tình thân giữa người và người.

Bởi thế, Văn Hóa Việt bao gồm mọi con người trong tình thân của Gia Đình. Đối với nếp sống Việt, Làng, Nước và cả Nhân Loại, cũng chỉ là một gia đình!

6. VỌNG PHU

Chông ra đi giúp nước, nàng ở nhà ôm con chờ chàng đến hóa đá! Nghe sao thật đơn sơ! Nhưng biết đến bao giờ chúng ta mới sống trọn bài học “bổn phận làm dân,” và bài học “người nào việc nấy” hay “Tiên nào Rồng nấy” của Chính Thuyết Tiên Rồng!

Vẫn biết mọi người bình đẳng. Nhưng Trời sinh ra mỗi người mỗi khác, và mọi người cũng phải tùy vào tài sức của riêng mình mà góp phần vào việc chung việc nước!

KINH

Chàng là rồng thì chàng phải làm mây, làm mưa với đời. Còn phận thiếp là tiên, lý đâu lại đời làm sấm, làm sét? Biết thế, thiếp đã lo ôm con gánh vác giang sơn nhà chồng... để giúp chàng an tâm mà đem tài năng ra giúp dân cứu nước!

Và rồi biết bao hình ảnh, như mẹ già cuốc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc... vợ hiền ôm con, gồng gánh thăm nuôi chồng đang bị tù cải tạo... và Tổ Tiên đã thưởng công cho nàng, bằng cách cho nàng hóa đá!

7. TRƯƠNG CHI

Bài học Trương Chi, Tổ Tiên tả thẳng vào nỗi niềm thâm sâu nhất là trái tim Con Người, căn cội của hạnh phúc. Chuyện kể chàng lái đò xấu trai Trương Chi, với mối tình của người đẹp nhà giàu Mỹ Nương. Nhưng nàng tương tư qua tiếng sáo của chàng, để khi gặp nhau, thấy thực tế hình dáng chàng thì nàng lại bỗng đứng đưng...

Và tiếng sét ái tình kia, đã làm chàng Trương chết trong tử lạnh... Ôi! Mối tình đầu! Tình lãng mạn, đẹp và buồn!

Tình tuyệt vời và tuyệt vọng! Đã biến trái tim chàng thành chén ngọc, và chàng vẫn mãi chèo đò trong chén ngọc... Đợi chờ cho được một giọt nước mắt của người mình yêu, và chàng chết vì nàng! Chính lúc ấy chén mới tan! Tình mới trọn!

Ai dám bảo Tổ Tiên ta khô cạn sỏi đá? Hay lìa xa tâm hồn con người?

8. MỸ CHÂU

Bài học Giữ Nước! Xây thành làm gì (Cổ Loa Thành), cậ vào khí giới có ích chi (nỏ thần), chờ đợi chi người xa lạ (thần Kim Quy). Xây thành cho dân khổ. Phung phí làm dân cùng cực. Ý nỏ thần mà quên dân... Thành cao, khí giới tốt có ích chi khi chính người con gái yêu, con dân cuối cùng là nàng (tiên Việt) Mỹ Châu cũng còn đối nghịch?

Tổ Tiên dùng câu chuyện thương tâm An Dương Vương, Mỹ Châu và Trọng Thủy, là câu chuyện công chúa làm mất nước để dạy chúng ta về bài học Giữ Nước, tức là phải giữ Hồn Nước, giữ Dân Nước, giữ Sức Nước, và giữ Đất Nước.

9. PHÙ ĐỒNG

Bài học Cứu Nước. Giặc chiếm đã ba (nhiều) năm, và trong ba năm đó, dân chúng sống như một đứa bé: không thể đi, không thể đứng, không thể nói, không thể cười! Nhưng Tổ hiện về (Cụ Già áo đỏ, múa nhảy với bọn trẻ ngoài đầu xóm!) như trong Tiên Rồng, khi Cha Rồng xác tín: “Khi nào cần thì gọi, ta về ngay!”

Vâng lời Tổ, Vua Hùng sai sứ đi tìm người cứu nước. Cậu bé của làng Phù Đổng lắng nghe sứ vua... vươn vai thành người cao lớn, nhảy lên ngựa sắt, cầm roi sắt để đánh giặc Ân. Khi giặc thua thì cậu dùng tre làm roi mà đánh.

Ôi! Bài học nhân thứ, từ roi sắt cậu chuyển sang roi tre để giặc bớt đau khi đã thua chạy.

KINH

Toàn dân toàn diện, dân làng mang gạo, áo giúp cậu ăn mặc, rồi to lớn đến nỗi phải dùng hoa mà kết. Ngựa sắt cũng hết ra lửa! Gốc tre làng cũng hữu hiệu hơn gươm đao... Và lũy tre xanh, hệ thống làng mạc, chẳng những giúp chúng ta thắng giặc cứu nước, mà còn giúp toàn dân Phù Đổng làm lại cuộc đời!

Hạnh phúc như tiên, bay Về Trời!

Phù Đổng chẳng những chỉ phương cách cứu nước cho mỗi người, cho tổ chức, và cho cả một dân tộc, mà đồng thời, lồng trong đó còn có cả một kế hoạch vĩ đại cho việc Cải Hóa Con Người và Cải Hóa Xã Hội!

Cũng như Vua Hùng, bài học này xác định những đức tính thiết yếu của chúng ta là dám nhận thực hiện trạng phủ phàng, dám tin tưởng tuyệt đối vào sức sống, sức mạnh của dân tộc, dám “lột xác” để thích ứng với tình thế mới, dám quyết tâm dẫn thân để làm đến thành công.

Bài học này khởi sự với việc nêu rõ những điều kiện, những đức tính cần thiết để cải hóa từng người, rồi từ một người tới một tổ chức, từ một tổ chức đến mọi người khác ... Phù Đổng duyệt qua từng giai đoạn, từng công tác, từng hành động... từ việc vận động tinh thần, tới các điều kiện đoàn kết, qua phương thức phát hiện tiềm năng, tới cách thể hiện điều hợp, ứng biến và tập trung sức mạnh.

Phù Đổng còn nêu rõ vấn đề vai trò của các chủ lực, cả những thái độ và những phương thức để khỏi rơi vào tròng độc tài, áp bức bất công. Tất cả được Tổ Tiên chỉ dẫn từng bước cụ thể, từng giai đoạn thực tế, để từng người, từng nhóm người và toàn thể nhân loại trở về với Con Người đích thực,

và để Xã Hội cũng trở thành đích thực trọn vẹn là xã hội của loài người. Vạn vật, con người, xã hội, đất nước đều có, nhưng Tổ Tiên vẫn không quên cá nhân từng người.

Trong bài học Mỹ Châu, Tổ Tiên chém chết nàng công chúa làm mất nước! Nàng cố tội với nước thì bị xử phạt thích đáng, hầu răn dạy những người khác tránh tội. Làm mất nước là tội không thể tha thứ!

Nhưng tình nhà, nàng đã chung thủy với chồng, thương chồng và nghe chồng đến nỗi làm mất nước! Tổ Tiên ta xét đoán phân minh: Làm mất nước là tội tử hình!

Nhưng trọn tình nhà thì cho nàng thăng hoa thành ngọc (Máu Mỹ Châu chảy xuống biển, trai ăn thành ngọc). Và ngọc đó chỉ được rửa bóng khi lấy nước trong giếng sâu nơi chồng nàng, Trọng Thủy tự tử để đền tội với vợ!

Đừng quên Tiên Rồng: Nước và Nhà! Và cũng đừng quên Trầu Cau: Thương nhau trọn tình, chết vì người mình thương, và dẫu có chết cũng vẫn còn thương!

II. TỔNG KẾT

- Ở cấp Tình Nước, những người An Dân Trị Nước như Tiên Dung Chủ Động thành Tiên, Phù Động thành Thần... Tiên, Thần là phần thưởng công, phần thăng hoa hay tinh túy của linh thiêng.

- Ở cấp Tình Nhà, Trầu Cau qua chuyện người em hóa đá, máu Mỹ Châu trọn tín thác chồng thì hóa ngọc, trái tim Trương Chi ôm mối tình câm, chỉ vì con người phân chia đẹp

KINH

xấu, giàu nghèo... thì cũng hóa ngọc. Đá, ngọc là kết tinh, tinh túy của vật chất!

Và nói đến cả hai phần vật chất và tinh thần (siêu linh), Tiên Rồng trong mỗi Con Người, đều được thăng hoa thành đá, thành ngọc, thành Tiên, thành Thần... thì chúng ta đã trở về với Chính Thuyết Tiên Rồng gồm linh thiêng và vật chất của Con Người.

Vậy có sự an ủi và niềm hãnh diện nào hơn, là được làm Con Cháu Tiên Rồng. Vậy bạn hãy mang Chính Thuyết Tiên Rồng siêu việt của Tổ Tiên để đi xây dựng tổ chức chính trị Tiên Rồng, nhằm mục đích Giúp Dân Cứu Nước và thể hiện Sức Mạnh Hồn Việt trong thời đại mới, Thời Đại Tín Liệu của Con Người ngày nay.

Đó là bổn phận và là trách nhiệm của mỗi người Việt Nam chúng ta vậy.



德
ĐỨC

**Thập + Tứ + Nhất + Tâm:
14 Người Một Lòng = Đức**

CHƯƠNG II



CON CHÁU TIÊN RỒNG



Từ ngàn xưa sách sử Trung Quốc đều ghi nhận rằng các chiến công ở Giao Chi (Việt Nam) là của lão tướng thời danh Mã Viện, được Hoàng Đế Quang Vũ triều đại Đông Hán tấn phong Phục Ba Tướng Quân, đem quân xâm chiếm nước ta.

Theo Mã Viện Truyện thì Đại Lão Tướng Phục Ba dẫn hơn hai vạn kỵ binh và hai ngàn chiến thuyền tiến xuống phương Nam.

Sau chiến thắng Mã Viện cho dựng một cột đồng với lời thề độc “Đồng trụ chiết Giao Chi diệt” – cọc đồng này mà đổ thì toàn dân Việt Nam bị diệt vong.

Bởi thế có truyền khẩu trong đại chúng là ai đi ngang qua phải cầm đá ném vào trụ đồng, vì sợ cột đổ thì lương dân bị giết oan nghiệt.

KINH

Nhưng đã hơn hai ngàn năm qua, Câu chuyện đồng trụ và lời thề độc ác của Mã Viện có giá trị gì? Công dụng gì? Hệ quả của dân nước ta ra sao?

Chắc chắn phải có lý do hay nguyên nhân gì thầm kín và quan trọng, để khiến cho đại lão tướng thời danh Trung Quốc phải thốt ra lời trù yểm nặng nề tới sinh mệnh của cả một dân tộc, một đất nước, một lịch sử, và một giống dòng.

Chắc chắn chính ông đã phát giác ra cái tinh thần chiến đấu vì Đồng Bào của Chính Thuyết Tiên Rồng, cái tinh hoa tư tưởng Giúp Dân Cứu Nước theo lời linh huấn của Tổ Tiên, và cái tinh túy đạo sống làm người trong xã hội Việt Nam hùng mạnh bền vững tựa như đồng trụ, đồng bào, đồng thuận và đồng lực tạo ra sức mạnh hay thần lực cho cả một dân tộc, nên ông mới nói ra lời nguyên rủa ấy.

Việt Nam trong suốt hai ngàn năm trường kỳ chiến đấu và trải qua bao triều đại, trải qua bao thế hệ, trải qua bao biến cố, trải qua bao thăng trầm đã khiến cho sử gia Đại Hán và văn nhân thi sĩ Giao Chỉ xưa nay, dù vô tình hay cố ý, xử dụng cách chép sử bất lương, nhằm thực hành Lời Thề Mã Viện bằng những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống nhằm đánh phá Chính Thuyết Tiên Rồng và mong đập đổ đồng trụ/đồng bào.

Bởi thế, chúng ta cần tìm hiểu và xác tín Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên là đồng trụ nâng đỡ bảo bọc đất nước Việt Nam và dòng giống Con Cháu Tiên Rồng.

1. DÒNG GIỐNG TIÊN RỒNG

Ngay từ ngàn xưa Dân Tộc Việt Nam đã được gọi là dòng giống Tiên Rồng, để căn cứ vào nguồn gốc mà chúng ta cảm nhận rằng mình khác biệt hay trội vượt hơn các sắc dân khác.

Trong suốt lịch sử dòng giống Con Cháu Tiên Rồng đã thành nền tảng tâm linh sâu vững nhất trong tư tưởng, trong huyết quản, và thể hiện ra trong đời sống của mọi người dân Việt, qua danh xưng “Đồng Bào” là anh em ruột thịt từ Một Bọc Trăm Con của Mẹ Tiên Cha Rồng, tức là một mà trăm và trăm mà một, mình vì mọi người và mọi người vì mỗi người.

Đang khi Đại Chúng Việt hãnh diện và phát huy Sinh Thức Tiên Rồng của Tổ Tiên thành Đạo Sống Việt với quan niệm Phúc Đức, thì lớp người được cho là có địa vị, có ăn học, có nghiên cứu sách vở Hán học đã soạn thảo ra những tài liệu nói giáo cho giặc, phỉ báng Tổ Tiên, đánh phá truyền thuyết dân tộc một cách mù quáng.

Lớp người trí thức lại tỏ ra lúng túng trong việc giải thích về nguồn gốc, về văn hóa, về truyện tích trong Chính Thuyết Tiên Rồng.

Họ thường dùng những điển tích, những câu văn, những lời sáo ngữ trong Hán học, làm khuôn vàng thước ngọc áp dụng vào Xã Hội Việt Nam, đồng thời họ cũng lấy những tề đoan của xã hội Trung Quốc mà gán ghép, phỉ báng, phê phán vào cộng đồng xã hội ta và viết thành những bài phiếm luận nhằm chê bai văn hóa Việt.

Quả là những kẻ “phận mỏng cánh chuồn” hoặc cái nhìn “duy vật biện chứng” mà bàn chuyện "nghìn năm dân tộc," xin

KINH

hỏi việc làm phản dân hại nước của họ, có xứng danh con cháu Tiên Rồng chẳng? Có xứng đáng thân phân con người chẳng? Chắc hẳn họ đã nói giáo cho giặc?

2. TRUYỆN HỒNG BÀNG

Tài liệu hiện nay là Truyện Hồng Bàng trong sách Lĩnh Nam Chích Quái của nhà văn Trần Thế Pháp, viết vào khoảng năm 1370 – 1400, giải thích nguồn gốc dân tộc Việt Nam nhằm làm lung lạc tinh thần dân tộc. Mặt khác, cũng có thể đã có những sách vở soạn thảo về lịch sử dân Việt một cách đúng đắn, nhưng đã bị Trung Quốc cướp phá trong những trận xâm lăng.

Trước hết, Truyện Hồng Bàng đã để lộ âm mưu đồng hóa dân tộc nhằm “phò Trung,” tin Tàu, phục Tàu, bái Tàu làm thầy. Tác giả cố ý gán ghép truyền thuyết Con Cháu Tiên Rồng của dân tộc Việt Nam – (Tiên và Rồng là hai biểu tượng linh thiêng của Tộc Việt, tượng trưng cho Ông Bà Khởi Tộc/Tộc Tổ)

Ông Pháp kể thêm lai lịch gốc gác và làm sai lạc truyền thuyết dân tộc theo kiểu nói thêm một hoặc bớt một của ngành tình báo/ phản gián Hoa Nam, với mưu đồ đem nguồn gốc Tộc Việt gán vào Tộc Hoa mà đánh gãy cọc đồng và thi hành Lời Thề Mã Viện!

Truyện Hồng Bàng đề cao người đẹp họ Âu (Âu Cơ) thành tên bà tổ Tộc Việt. Theo khảo cổ học, vào thế kỷ thứ ba trước công nguyên, khoảng 2300 năm thì sắc dân Âu Việt tràn vào vùng đất Lạc Việt mà thành lập ra nước Âu Lạc.

Bởi thế câu truyện này ghép chữ bằng cách cho hai họ Lạc Việt và Âu Việt thành ra tên của hai vợ chồng Lạc Long Quân và Âu Cơ đặt làm tổ tổ của Trăm Việt (Bách Việt).

Từ câu truyện của dân tộc theo cha truyền con nối, thì Truyện Hồng Bàng của Ông Pháp cũng ghi lại địa giới rộng lớn của Tộc Việt, nhưng lại cho đó là thuộc quyền cai trị của vua Hán đã có từ bao ngàn năm trước. Truyện gán ghép nguồn gốc người Hoa cho thành ra tổ của người Việt, tác giả còn đánh lộn vùng đất ngàn năm mà người Việt sinh trưởng thành đất của người Hoa. Ông Pháp này cố ý hành nghề “cò đất” ăn theo nhóm lợi ích của “người xứ lạ” bán nước Việt cho Trung Quốc.

Ông Pháp mô tả rằng Sùng Lãm gốc Hoa, nhưng là người gian manh háo sắc vô lương tâm, dùng thủ đoạn chiếm đoạt vợ của người anh chú bác ruột của mình, rồi khi hấn có gia đình lại bỏ bê trách nhiệm nuôi nấng chăm sóc vợ con. Mặt khác, Âu Cơ cũng thế, tuy là dân Hoa, nhưng lăng loàn mắt nết và trốn chồng theo trai.

Ông Pháp dùng hình ảnh hai vị khởi tổ của Tộc Việt bài bác để trở thành người khiếm khuyết đạo đức nhằm tạo ra những thế hệ chỉ biết sống vô ơn bạc nghĩa với Tổ Tiên, lấy vật chất để đo lường giá trị con người mà quên tình đồng bào ruột thịt, quên quê hương dân tộc, quên Chính Thuyết Tiên Rồng.

Toàn thể dân Việt lại chỉ nhận biết mình thuộc dòng dõi người Hoa, muốn theo mẹ Âu Cơ đi về Bắc quốc. Nhưng về không được nên mới ở lại nước Nam. Đang khi vua nước Nam lại đã nhắm tâm mà bỏ nước về thủy phủ, phó mặc cho mẹ con nàng Âu chia nhau cai trị dân Nam.

KINH

Truyện Hồng Bàng ản mưu đồ xâm lược và đồng hóa nguồn gốc của dân tộc Việt Nam, nhằm thực hiện câu thần chú “Giao Chỉ Diệt” của Mã Viện, thì tác giả đã xuyên tạc truyền thuyết Tộc Việt, đánh cướp Đất Việt mà còn nặng lời nhục mạ Dân Việt.

Đây chính là nhát búa tạ bổ vào đầu chúng ta, mỗi khi đọc Truyện Hồng Bàng, thế mà nhiều sử gia ngày nay vẫn chưa nhận ra, vẫn tán tụng “kỳ tài Trần Thế Pháp,” nhằm tán tụng và cổ vũ cho lời thề “Đồng Trụ Chiết” chẳng?

Bởi thế, chúng ta cần tìm hiểu tường tận, đích xác, đúng thực về nguồn gốc dân tộc của mình, và những sự kiện liên quan giữa dân Việt với sắc dân khác, đặc biệt với người Tộc Hoa, nhằm loại bỏ ản mưu “đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt” đã có từ ngày Mã Viện tới nay.

Nhất là chúng ta lại bị người Việt Nam như Trần Thế Pháp đã dùng bút chép sử nói giáo cho giặc đâm trúng tim Đồng Bào của mọi người chúng ta, có nỗi đau thương nào hơn?

Khởi truyện là Vua Đế Minh, cháu ba đời của Viêm Đế, đi thăm dân vùng Ngũ Lĩnh, lấy Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục được Đế Minh cho làm vua vùng đất đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến Hồ Động Đình, nam đến nước Hồ Tôn Tinh.

Lộc Tục lấy con vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm thay cha làm vua, lấy hiệu là Lạc Long Quân. Sùng Lãm cướp vợ yêu của Đế Lai tên là Âu Cơ, nhưng tác giả thời sau, như Học Giả Trần Trọng Kim sửa đổi Âu Cơ con Đế Lai, thay vì là vợ của Đế Lai.

Âu Cơ sinh cái bọc chứa 100 trứng, nở ra trăm con trai. Sùng Lãm đi vắng, Âu Cơ dẫn bầy con về Bắc quốc, nhưng về không được, đành trở lại. Sùng Lãm liền chia con làm hai, 50 đứa theo Sùng Lãm xuống thủy phủ, 50 đứa theo Âu Cơ ở lại trên đất để cai trị dân... Một trăm đứa con trai đó là những vị tổ đầu tiên của Trăm Việt.

Cũng theo Truyện Hồng Bàng thì Sùng Lãm và Âu Cơ sinh ra 100 đứa con trai trở thành thủy tổ của sắc dân Trăm Việt trong đó có dân tộc Việt Nam. Bà nội của Sùng Lãm có tên là Vụ Tiên sinh sống ở vùng núi Ngũ Lĩnh.

Mẹ của Sùng Lãm tên là Long Nữ (nàng họ Long) là con của vua Động Đình dưới thủy phủ. Ông tổ, ông nội, ông cha của Sùng Lãm đều là người thuộc giống dòng Tộc Hoa, và Sùng Lãm lên ngôi lấy hiệu là Lạc Long Quân.

Âu Cơ (nàng họ Âu) cũng là người Tộc Hán, vợ của Đế Lai, cho nên Âu Cơ muốn dẫn trăm con về Bắc Quốc mà không thành. Trong số 100 con trai lại được chia đôi: 50 theo Sùng Lãm về ở thủy phủ, 50 theo Âu Cơ ở lại nước Nam và chia nước mà cai trị.

Dưới sự cai trị của người thuộc dòng dõi Tộc Hoa đó, đại chúng Việt chỉ là đám dân đen nghèo khổ, ngoan ngoãn phục vụ thiên triều Trung Quốc và bị vua quan “Phò Hoa” hành hạ, áp bức, bóc lột.

Địa phận vùng đất của Tộc Việt là vùng phía nam sông Dương Tử và nam Ngũ Lĩnh. Vùng đất này thuộc quyền của vua Tộc Hoa, nhưng sau chia lại cho Lộc Tục nên mới trở thành miền đất của Tộc Việt.

KINH

Truyện Hồng Bàng ghi lại nhiều chi tiết của truyền thuyết Con Cháu Tiên Rồng đang lưu truyền phổ quát trong toàn thể người dân Việt từ bao ngàn năm trước, nhưng mô tả thêm lai lịch của các nhân vật theo óc suy luận thuần túy “duy vật biện chứng” để trở thành phiếm luận!

Từ ngàn xưa, dân tộc ta xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng, thì Truyện Hồng Bàng cũng phải xác nhận điều này, nhưng tác giả chế tạo thêm ra bà nội và mẹ của Sùng Lãm. Bà nội của Sùng Lãm cũng có tên với chữ tiên, là Vụ Tiên, và mẹ của Sùng Lãm có họ là Long – Long Nữ (rồng theo giọng Tộc Hoa phát âm ra long).

Từ ngàn xưa, dân tộc ta tin rằng mình phát xuất ở vùng Ngũ Lĩnh thuộc Hồ Động Đình. Truyện Hồng Bàng cũng đã xác nhận là quê hương của Vụ Tiên và của Long Nữ. Và từ ngàn xưa, dân tộc ta tuyên xưng là họ Lạc (Mẹ Tiên) thì Truyện Hồng Bàng giải thích là phát xuất do tên hiệu của Lạc Long Quân (Cha Rồng), để đem chế độ mẫu hệ của Tộc Việt trở thành phụ hệ của Tộc Hoa.

Cũng theo Truyện Hồng Bàng thì chồng của Âu Cơ là Đế Lai, “Nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần gặp tiên nữ,” nên Đế Lai cũng đi theo và như vậy Âu Cơ đã không thể là tiên.

Từ ngàn xưa, dân ta quan niệm biểu tượng Rồng là Cha, ở dưới nước, thiên biến vạn hóa, và Tiên là Mẹ, ở trên đất dưỡng nuôi bảo bọc. Truyện Hồng Bàng cũng làm nổi bật những đặc tính này nơi Lạc Long Quân và Âu Cơ

Biểu tượng 50 con theo Mẹ, 50 con theo Cha là truyền thuyết Việt. Tuy nhiên, Truyện Hồng Bàng lại cho rằng 50

đưa theo cha về luôn thủy phủ, giao quyền cai trị dân Việt trong tay 50 đứa theo bà mẹ người Hoa.

Như vậy thì làm sao vẫn còn đủ 100 để làm tổ cho Trăm Việt?

Câu Cha Rồng dặn: “Khi cần thì gọi, ta về ngay” cũng là xác định nền tảng của truyền thuyết Việt. Truyện Hồng Bàng lặp lại ba lần trong ba trường hợp khác nhau. Truyện Hồng Bàng xác định địa vực của Bách Việt là toàn thể vùng Nam Dương Tử và Nam Ngũ Lĩnh. Dầu trái với tham vọng quyền lực của người Hoa, Truyện Hồng Bàng cũng phải ghi lại tỉ mỉ biên cương của Tộc Việt, và như thế, chắc chắn, đây là sự kiện hiển nhiên đương thời.

Truyền thuyết mọi người dân đều có cùng nguồn gốc Tiên Rồng, đều từ Một Bọc Trăm Con, là của dân ta. Dầu trong suốt bài, Truyện Hồng Bàng chỉ quanh quẩn với dòng họ một triều vua, thì câu cuối lại phải liên kết Bọc Mẹ Trăm Con với Bách Việt: “Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt vậy.” Như thế Truyện Hồng Bàng mặc nhiên xác nhận là đã có hai tộc dân Việt và Hoa khác nhau, với hai nền văn hóa khác nhau, và đã sinh sống trên hai vùng đất khác nhau.

Xét về phương diện lãnh thổ, Truyện Hồng Bàng xác nhận truyền thuyết Tộc Việt phát xuất từ vùng Hồ Động Đình, sau đó phát triển trên một vùng rộng lớn, bao gồm từ Nam Dương Tử xuống tới Bắc Trung Phần Việt Nam ngày nay. Với việc đồng hóa nguồn gốc Bách Việt thành con cháu của Lạc Long Quân, Truyện Hồng Bàng đã phải xác nhận ảnh hưởng lớn mạnh của Lạc Việt thời ấy.

Tham khảo sách sử trong Thư Viện, chúng ta nhận ra rằng mấy ngàn năm trước khi tiếp xúc với Tộc Hoa, chẳng những

KINH

xã hội Tộc Việt đã phát triển ổn định và thịnh vượng về dân số, mà còn mở rộng vùng địa bàn sinh sống, đặc biệt dân ta đã có nếp sống xã hội nông nghiệp và ngư nghiệp hiện đại. Chớ nào cần phải có Truyện Hồng Bàng dẫn giải nguồn gốc, hay quan lại Trung Quốc trong Truyện Sĩ Nhiếp sang đô hộ và dạy dỗ dân ta cách thức làm nông nghiệp hay bắt ốc mò cua?

Xã hội Việt đã tiến triển và trỗi vượt về Nếp Sống Việt và Văn Hóa Việt, được ghi nhận và lưu truyền qua kỹ thuật tinh xảo về đồ đồng. Cả đến thời nay đỉnh đồng và trống đồng của Việt Nam vẫn là những tuyệt tác vô song! Bởi thế giờ chúng ta có dịp ôn lại dĩ vãng của dân tộc mình và tâm tình với Thánh Vương Quốc Tổ và Hồn Thiêng Sông Núi trải qua bao ngàn năm văn hiến.

Từ Chính Thuyết Tiên Rồng của Tộc Việt, Truyện Hồng Bàng đã có nhiều điểm thêm bớt khác biệt, nhằm xuyên tạc truyền thuyết và lịch sử của dân tộc ta. Theo truyền khẩu phổ quát trong toàn dân, thì Tộc Việt do Bọc Mẹ Trăm Con, có Mẹ là Tiên có Cha là Rồng.

Truyện Hồng Bàng lại chép rằng, cha là Sùng Lãm mẹ là Âu Cơ. Bên dòng họ nội của nhân vật Sùng Lãm là người Hoa, và phía Âu Cơ cũng thuộc Tộc Hoa. Và 100 đứa con trai, chỉ có bà nội mang họ Long – Long Nữ – đang khi bà bà cố nội có tên Tiên (Vụ Tiên). Như vậy thì không đúng với truyền thuyết Mẹ Tiên Cha Rồng.

Bởi vì biết dân Việt chú trọng phía họ mẹ (mẫu hệ), thì Truyện Hồng Bàng thêm bớt rằng, bà nội và bà cố nội có tên Tiên, rồi để tạo ra chính mẹ Âu Cơ lại là người Hoa. Truyện Hồng Bàng lại chú trọng phía họ cha (phụ hệ), gom cả Tiên lẫn Rồng vào một dòng máu, vào một biệt hiệu là Lạc Long

Quân; đang khi mẹ Âu Cơ lại không dính dáng gì với truyền thuyết Tiên Rồng.

Theo truyền thuyết của dân tộc ta, thì toàn thể mọi người trong nước là đồng bào, là anh em ruột thịt với nhau – đồng là cùng, bào là bọc – cùng do Một Bọc Trăm Con, Cha Rồng Mẹ Tiên sinh ra.

Truyện Hồng Bàng lại có một trăm đứa con của Sùng Lãm đã thuộc về dòng dõi mấy đời cha ông người Hoa tiếp nối nhau làm vua, và chia nước mà cai trị. Đây chính là biểu trưng của nhóm đặc quyền như trong chế độ tư bản hay như tư bản đồ thời nay, chớ đâu phải là “tinh thần đồng bào” ghi trong Chánh Thuyết của dân tộc Việt Nam?

Truyện Hồng Bàng cho dù có kết thúc bằng câu “Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt,” thì câu truyện này ghi nhận rằng quanh Sùng Lãm đã có dân chúng của Tộc Việt sống đông đúc và xây dựng thành một quốc gia độc lập và rộng lớn.

Như thế, thì làm sao 100 đứa con của Sùng Lãm, lại có thể là thủy tổ của những người đang sống trước họ, hoặc đang sống dưới quyền cai trị của họ. Cũng theo chính tác giả thì đã có 50 con theo Sùng Lãm về ở dưới thủy phủ, và chỉ còn 50 đứa ở lại trên mặt đất.

Vậy làm sao còn đủ 100 con để gọi là tổ cho Trăm Việt?

Từ khởi thủy cho tới thời điểm hai ngàn năm cách nay, xã hội Việt thiên về mẫu hệ, con cháu dòng họ đều lấy bên họ mẹ làm chính. Không ai có thể chối cãi sự kiện dân Việt Thời Hùng sống trong chế độ mẫu hệ, cũng như cuộc sống xã hội nằm trong ảnh hưởng của mẫu quyền.

KINH

Trong sách “Hậu Hán Thư” của Trung Quốc cũng ghi lại nhiều đặc điểm mẫu hệ sâu đậm trong xã hội Việt vào thời đầu dương lịch. Gần 250 năm sau Thời Hùng, năm 39 sau Công Nguyên, trong số các vị anh hùng lật đổ ách đô hộ, có nhiều Nữ Tướng và đội nữ binh.

Ví dụ điển hình Hai Bà Trưng rồi tới năm 544 thời Triệu Nữ Vương, và phải 300 năm sau dân ta mới ghi nhận có phái nam làm thủ lĩnh đầu tiên, là Lý Nam Đế.

Trái lại, Truyện Hồng Bàng kể dòng họ của cha là chính. Tất cả dòng bên nội được ghi chép tỉ mỉ, với cả tên riêng, tên hiệu từng người. Đang khi đó, Truyện Hồng Bàng không hề đề cập đến ông bà ngoại, dòng họ bên ngoại, cũng không có tên riêng của mẹ.

Theo mẫu hệ thì gái là chính, nhưng Truyện Hồng Bàng chú trọng phía con trai, từ Đế Minh tới Lộc Tục, rồi Sùng Lãm, và 100 con trai. Vậy Truyện Hồng Bàng thuộc ảnh hưởng của văn hóa “phụ hệ” của Trung Quốc, và đi ngược với truyền thống ‘mẫu hệ’ của dân tộc Việt Nam.

Về phần quốc hiệu, dân ta xưng là Lạc Việt. Ví dụ: vua, quan, dân, ruộng đều ghi là Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc dân, Lạc điền. Vì vậy, theo quan niệm mẫu hệ thì Lạc phải là biểu hiệu của Bà Tổ. Họ Lạc nhắc nhớ hình ảnh của Tiên, của chim Lạc trên Trống Đồng Ngọc Lũ. Bởi thế, đúng đắn nhất chúng ta có thể gọi Hai Vị Khởi Tổ với danh xưng Lạc Cơ và Long Quân – cơ là vãn, quân là võ, hay đơn giản hơn là Mẹ Tiên Cha Rồng.

Nhưng trong Truyện Hồng Bàng lại ghi họ Lạc thành một phần trong biệt hiệu của người cha Sùng Lãm là Lạc Long Quân. Sau khi đã lấy chữ Lạc gắn thành hiệu của cha, tác giả lại cho dân Lạc Việt một họ mẹ mới, họ Âu, nhằm thuộc về họ người Hoa thuần chủng, Âu Cơ!

Chẳng những đã xuyên tạc nguồn gốc, Truyện Hồng Bàng lại còn xuyên tạc về vùng Đất Tổ, dân Lạc Việt xác quyết mình là tộc dân của miền Hồ Động Đình và Ngũ Lĩnh, thì tác giả cho đó là quê hương của Vụ Tiên và Long Nữ. Nhưng ngoài bà cố nội Vụ Tiên, và bà nội Long Nữ có liên hệ tới truyền thuyết, thì tất cả dòng họ nội ngoại của 100 đứa con trai đều là người Hoa.

Vậy mà theo chủ trương phụ hệ của người Hoa, thì thân thế và xuất xứ của người nữ đã chẳng những không còn quan trọng, mà cũng chẳng còn có giá trị xác định nào. Bởi vì, Truyện Hồng Bàng đã chỉ chú trọng tới nguồn gốc Hoa, và chủ trương phụ hệ của người Hoa. Sự hoán chuyển của Trần Thế Pháp rất thâm độc, vì không chấp nhận mang họ mẹ thì dân Việt sẽ lần lượt bớt chú tâm tới “yếu tố mẹ” mà xa lìa nguồn gốc.

Thứ đến, vì chữ Lạc đã mang âm hưởng thiêng liêng ngàn năm, cho nên, dầu nay thành hiệu của cha, thì dân Việt cũng thấy còn quen thuộc, và từ đó, dần dà là chấp nhận phụ hệ. Truyện Hồng Bàng đã thực hành lời thề Mã Viện một cách thành công êm ái phi thường: “Đồng bào mất - Giao Chỉ diệt.”

Đất Tổ của Tộc Việt là vùng phát xuất ra dân Việt, và cũng là vùng dân Việt sinh sống trong suốt mấy ngàn năm. Do đó, chính Vùng Đất Tổ là một cái nôi góp phần quan trọng trong việc xuất hiện và phát triển một hệ thống tư tưởng chỉ đạo

KINH

sống động và hiện thực được gọi là Chính Thuyết Tiên Rồng, một sinh thức, một đồng thuận, một tổ chức chính trị đồng bào và là đồng trụ của dân tộc Việt Nam.

Theo khảo cổ học, Tộc Việt phát khởi từ vùng Hồ Động Đình ở trung lưu sông Dương Tử. Ngày nay vùng đất này thuộc tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc. Địa bàn khởi thủy của Tộc Hoa là vùng Hoàng Hà. Khi người Tộc Hoa lan dần xuống miền Nam, gặp Tộc Việt, thì Tộc Việt đã phát triển mạnh và đã có một nền văn hóa cao.

Sở dĩ ngày nay có nhiều lầm lẫn về liên hệ giữa Việt và Hoa, vì chẳng những có sự pha trộn giữa hai tộc dân, mà còn vì phần lớn vùng đất trước kia thuộc Tộc Việt, nay là lãnh thổ của Trung Quốc. Lưu vực sông Dương Tử là đất khai nguyên của Tộc Việt, và sau đó dân Lạc Việt phát triển rộng ra Lĩnh Nam. Dân Việt đã sinh sống tại đây suốt mấy ngàn năm trước khi người Hoa được biết tới.

Vậy mà Truyện Hồng Bàng lại cho rằng, đó là lãnh thổ của Tộc Hoa; rồi vì Đế Minh trao tặng nên mới trở thành nơi cư ngụ của Bách Việt.

Từ ngàn xưa, đối với người Hoa, dân Việt đã là một tộc dân hoàn toàn khác biệt, và có hai nền văn hóa cũng hoàn toàn khác biệt nhau. Để phản kháng sự xâm lấn của người Hoa, thì dân Việt tất nhiên đã biết cách tổ chức vững mạnh về mọi phương diện từ chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội, giáo dục, tín ngưỡng.

Vì sống dọc theo bờ Biển Nam nên dân Việt chủ tế về ngành hàng hải và ngư nghiệp. Với ưu thế địa dư và sự trôi vượt của dân Việt trên vùng nước ven biển, với kết hợp núi

non hiểm trở bao quanh đã tăng phần bảo vệ cho tiểu quốc Việt sống tự cường tự lập và thoát khỏi sự thống trị cường quyền của Trung Quốc.

3. TỘC VIỆT KHÁC TỘC HOA

Ngay từ ngàn xưa, đối với người Hoa, luôn luôn gọi dân Việt là “Nam man,” trong nhóm người man, ri, mọi, rợ. Tiếng “Nam man” là chỉ sắc dân không thuộc Tộc Hoa ở phía Nam, đặc biệt từ Nam sông Dương Tử, vùng được gọi là Giang Nam, Lĩnh Nam (Việt Nam). Sử Trung Quốc cũng luôn coi đó là sự kiện hiển nhiên. Các thái thú và thứ sử người Hoa thống trị, bao giờ cũng coi dân “Nam man” là ngoại tộc, không phải người Hoa.

Trong suốt mấy ngàn năm qua, đối với người Hoa, đất Giang Nam và Lĩnh Nam đều là đất của Việt. Và ngay cả thời nay, vùng Nam Trung Quốc vẫn còn được gọi là vùng Bách Việt. Hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây cũng vẫn còn được gọi là Việt Đông và Việt Tây, gọi chung là Lương Việt.

Các sắc dân ở vùng phía nam sông Dương Tử, vẫn còn có tên chỉ nguồn gốc là nhánh Tộc Việt. Người dân tỉnh Giang Tây hiện nay là dân Đông Việt. Người tỉnh Chiết Giang là dân U Việt.

Người tỉnh Phúc Kiến là dân Mân Việt. Người vùng Lương Việt được gọi là dân Nam Việt... Ngay cả thời nay, người dân trong vùng Trầm Việt vẫn tự xưng là Việt Nhân, chớ không phải là Hoa nhân.

KINH

Trăm Việt dùng chỉ tập hợp các sắc dân Việt phần lớn cư ngụ tại miền nam sông Dương Tử, mà người Hoa gặp gỡ trên đường bành trướng từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam.

Lãnh thổ của Trăm Việt, bắc giáp Hồ Nam, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Tứ Xuyên, đông giáp Biển Nam Hải (Biển Đông của Trung Quốc). Ví dụ: Ai Nam Quan, thuộc Nam khác thuộc Bắc (Trung Quốc).

Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, khoảng thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên, ghi nhận có các nước Hồ Việt ở Hồ Nam, U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Âu Việt ở Quý Châu và Quảng Tây, Điền Việt ở Vân Nam, Chiêm Việt ở đảo Hải Nam, và Lạc Việt ở bắc Việt Nam.

Các quốc gia này nằm kế tiếp nhau, từ miền nam sông Dương Tử qua lưu vực sông Hồng, rồi xuống tận bình nguyên sông Mã. Đó là chưa kể những nhóm người Việt sống rải rác miền tây nam Trung Quốc, và chưa tổ chức thành quốc gia mà người Hoa gọi là dân Bách Bộc.

Khi nhà Tần thống nhất miền bắc Trung Quốc và những lãnh thổ của miền nam sông Dương Tử, các tiểu quốc Trăm Việt lần lượt bị xâm chiếm, và chỉ có Mân Việt, Đông Việt, Nam Việt bao gồm Nam Việt, Âu Việt, và Lạc Việt còn là những quốc gia tự trị.

Tới thế kỷ thứ nhất Công Nguyên, các nước Việt này cũng bị nhà Hán thôn tính, mặc dầu các nhóm Trăm Việt vẫn còn sống rải rác ở khắp miền nam Trung Quốc. Và trải qua hai ngàn năm lịch sử, phần lớn vùng Đất Tổ của Trăm Việt đã bị sát nhập vào bản đồ Trung Quốc, và nền văn hóa văn minh

Trăm Việt, Chính Thuyết Tiên Rồng cũng bị phần nào đồng hóa vào Tộc Hoa “Đông Trạ Chiết” là vậy.

Theo công trình nghiên cứu khảo cổ và nhân chủng học cho thấy người Trăm Việt đã vượt sông Dương Tử rất lâu, trước khi có nền văn minh Trung Hoa thành hình.

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, người Trăm Việt đã sống rải rác trong các vùng Hoa Bắc, tức là nước Sở ở Hồ Bắc ngày nay. Nước Tề ở Sơn Đông hay nước Tấn ở Sơn Tây, Hà Bắc cũng là của Tộc Việt.

Vào thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên, vùng Chiết Giang là Giang Tô có nước Việt và Việt Vương Câu Tiễn. Triều đình Việt ngày ấy có người đẹp Tây Thi, cười khuynh nước nghiêng thành, mà thời trung học của chúng ta ít nhiều mộng tưởng, lưu luyến và đem ép hoa vào trong tim.

Vào năm 917 sau Công Nguyên, quốc gia ở vùng Phúc Kiến, tự xưng là Đại Việt rồi sau này mới đổi tên là Nam Hán theo Tộc Hoa.

4. TỘC TÔ TIÊN RỒNG

Nhìn chung, Hai Vị Khởi Tổ của Tộc Việt, chính là hai người mà con cháu của các Ngải, theo thời gian và phát triển thành giống dân Việt ngày nay. Các Ngải đã sống vào thời khuyết sử, không ai có thể xác định Hai Ngải mang tên họ gì, hoặc sinh hoạt đời sống ra sao.

Tuy nhiên, với thời gian theo dòng đời Văn Hóa Việt được thành hình, rồi với sự trôi vượt các nền văn hóa khác qua

KINH

những nhận định xác đáng, đúng thực về Con Người và diễn đạt qua biểu tượng Tiên Rồng song hiệp.

Với đà phát triển, với tình kính quý, với lòng biết ơn sâu xa về Hai Vị Khởi Tổ từ mấy ngàn năm trước, Tổ Tiên chúng ta đã tôn Hai Ngài thành biểu tượng linh thiêng, Tiên và Rồng.

Dân Việt từ đó, đã âu yếm gọi Hai Ngài là Mẹ Tiên Cha Rồng, và hãnh diện tự xưng mình là con cháu Việt hoặc là Con Cháu Tiên Rồng.

Giờ đây Hồn Thiêng của Hai Ngài vẫn linh hiển, và với sứ mạng Trời cho, đã sinh ra cả một giống dân đông đúc siêu việt, là Tô trên hết các Tổ của Tộc Việt, là Nguồn sinh mọi Thần Thánh Anh Linh Việt, địa vị Hai Ngài thật là cao trọng và uy thế khôn tả, đáng để mọi người chúng ta ngày nay tôn vinh và khẩn cầu. Xin hỏi có ai thương con cái hơn cha mẹ?

Tóm lại, Lời Thề Mã Viện đã được nhiều tác giả dùng ngòi bút chép sử thêu dệt và làm lung lạc tinh thần trách nhiệm Giúp Dân Cứu Nước của bao lớp thanh niên thời đại, nhằm thực hiện âm mưu đồng hóa, hợp thức hóa cho các đặc khu kinh tế hóa Trung Quốc, thực thi chính sách mượn đất đã có từ thời Hán Vũ Đế.

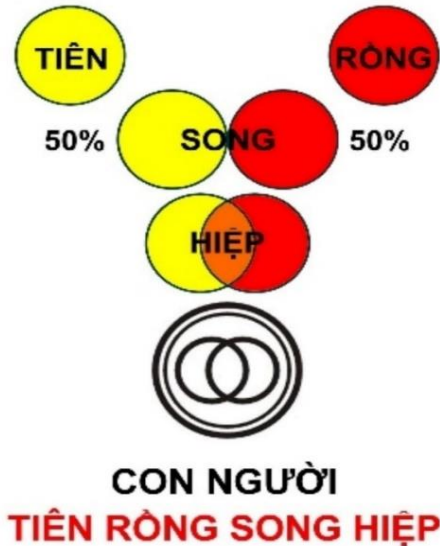
Ngày nay Lời Thề Mã Viện cũng được những chính quyền Trung Quốc khai triển và thực hành tiếp nối “chính sách mượn đất” bằng phương châm “Nhất đai nhất lộ” (Sáng kiến một vành đai một con đường, Belt and Road Initiative), hay “Sáng kiến chiến lược phát triển toàn cầu” và “Sáng kiến chiến lược an ninh toàn cầu”

Bởi thế, chúng ta cần tìm hiểu, học hỏi về Chính Thuyết Tiên Rồng trong tinh thần của người con cháu Việt hiếu thảo,

biết ơn và khâm phục Tổ Tiên, mà còn đặt trọn niềm tin tự hào về quá khứ, hăng say xây dựng trong hiện tại, và hiên ngang bước vào đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước để tổ chức, để thực thi sứ mạng và để mở ra một trang sử huy hoàng cho Dân Nước Việt Nam phú cường thịnh vượng.

“Con không chê cha mẹ khó... chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng và kiến thiết một đất nước Việt Nam tuyệt đẹp, tuyệt trần tuyệt diệu và siêu việt, vì chúng ta có đủ điều kiện hoàn cảnh phương tiện mới, khả năng mới, ý thức trách nhiệm của những con người mới trong cuộc Dựng Lại Kỳ Đài Bách Việt.

Ngày nay mà không cứu được nước, thề không xứng làm người. Đó là Lời Thề Việt Nam để đáp lại Lời Thề Mã Viện.





Văn Miếu

CHƯƠNG III



Đại Cương Kinh

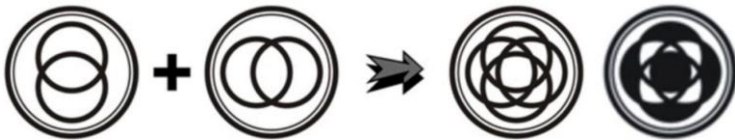
Cờ Chử Đức: Mặt Trời Đỏ 14 Tia Sáng



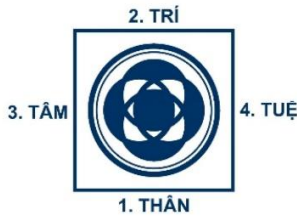
[1] Là người dòng giống Tiên Rồng
Đồng Bào ta nhớ thuộc lòng chín kinh
Tiên Rồng thứ nhất xác minh
Song Hiệp Hoàn Chính trọn tình ai ơi
[5] Thứ hai Trầu Cau diễn lời
Thân Thương nguyên lý làm đời sống chung

KINH

Thứ ba hướng tới trùng phùng
Chữ Đồng, Bình Đẳng Tột Cùng là đây
Tiết Liêu thứ bốn dựng xây
[10] An Dân Thịnh Nước xum vầy ấm no
An Tiêm truyền tích chăm lo
Việc Làng Dân Chủ – đạo phò con dân
Vọng Phu thứ sáu góp phần
Chồng nào Vợ nấy chuyên cần tăng gia
[15] Trương Chi thứ bảy ấy là
Căn nguyên hạnh phúc – tình ta sáng ngời
Mỹ Châu thứ tám truyền lời
Giúp dân Giữ Nước góp đời sĩ phu
Kết Kinh Phù Đổng diệt thù
[20] Dẫn thân Cứu Nước cho dù gian nan
Chín kinh tóm lại chứa chan
Tiên Rồng Chính Thuyết bao ngàn năm qua.



1. TIÊN RỒNG



CON NGƯỜI TIÊN RỒNG:

Thân Lực sinh động

Trí năng tinh biên

Tâm tình thông hiệp

Tuệ linh vĩnh cửu



Khai nguyên minh triết nước ta
Tiên Rồng phối hiệp – xây gia dựng đình
[25] Từ đây thấm đượm ân tình
Trăm con chung bọc – mẹ sinh một lần
Trọn tình trọn nghĩa ái ân
Mẹ cha xác quyết đôi phần như sau
Con người – hai nửa khác nhau
[30] Năm mươi theo mẹ lên mau núi rừng

Nửa phần còn lại reo mừng
Theo cha xuống biển tung bồng hoan ca
Cha Rồng còn nhắn nhủ là
“Khi cần thì gọi – Có Ta về liền!”

[35] Tiên Rồng phát triển thường xuyên
Cháu con Tộc Việt khắp miền núi sông
Tuyệt thay Chính Thuyết Tiên Rồng
Ông Bà xây dựng cộng đồng an vui
Căn nguyên Nhận Diện Con Người

[40] Tiên Rồng Song Hiệp – tạo đời toàn năng
Cha Rồng – biểu tượng nói rằng
Lực thân sinh động – Trí năng biến hòa
Và Tiên hiện hữu trong ta

Làm nên người thật ấy là nhân sinh
[45] Mẹ Tiên – biểu tượng chứng minh
Tâm tình thông hiệp – Tuệ linh vĩnh tồn
Con Người – nền tảng lập ngôn
Trí-Thân-Tâm-Tuệ trường tồn là đây
Tiếp theo công cuộc dựng xây

[50] Cộng đồng Xã Hội xum vầy như sau
Hiệp hai hoàn chỉnh nhiệm màu
Trăm Con Một Bọc cùng nhau giúp đời

Trăm người trăm việc ai ơi
Căn cơ gia tộc tuyệt vời là đây
[55] Chẳng như tà thuyết phương Tây
Duy tâm, duy lợi... chất đầy bất công
Phân ngôi định cấp cộng đồng
Đặt ra thống trị: chủ ông – tớ đây
Của tài vợ vét hàng ngày
[60] Bất dân đóng góp kéo cày như trâu
Cấp trên cứ mãi làm giàu
Lừa khinh cấp dưới tóm râu lợi quyền
Nào là đảng trị chính chuyên
Tự do – cũng bọn tuyên truyền hại dân
[65] Con người đau khổ muôn phần
Biến thành con thú – ta cần xóa tan
Thay bằng xã hội thịnh an
Tiên Rồng – hồi phục dung nhan con người
Quân bình tỷ lệ: năm mươi
[70] Số con theo mẹ bằng người theo cha
Tương đồng tuyệt đối ấy là
Song hiệp hoàn chỉnh – làm đà phát huy
Nguyên sinh vạn vật gấm suy
Phê bình tiến hóa – cứu nguy loài người

- [75] Kỹ nguyên cải hóa sáng ngời
Tiên Rồng Mở Hội – tiếng cười hoan ca
Núi – sông giao hữu hài hòa
Siêu linh – vật chất thăng hoa muôn đời
Lý – tình minh định tuyệt vời
- [80] Thân thương – bình đẳng bao thời khắc ghi
Nước – nhà lúc thịnh lúc suy
Hợp tan – tan hợp diệu kỳ ngàn thu
Mỗi người: sống nét đặc thù
Trong nền Phúc Đức luyện tu hàng ngày
- [85] Tinh thần – thể chất tỏ bày
Hiền hòa – dũng cảm hăng say giúp đời
Lo ăn mặc – cũng thanh thoi
Cá nhân – tập thể xin mời lo toan
Sống nhân – lẫn trí kiện toàn
- [90] Hợp tình – hữu lý hiền ngoan Tiên Rồng
Gia đình: thuận vợ thuận chồng
Thương yêu kính trọng – hòa đồng việc chung
Sống tình lẫn nghĩa – ung dung
Vô nam dụng nữ – cũng cùng như nhau
- [95] Vợ chồng, con cháu trước sau
Việc làng việc nước – hãy mau trau dồi

Gái trai – hiếu thảo xứng đôi
Kính thờ Quốc Tổ – nhớ nôi Tiên Rồng
Cộng đồng: trên dưới, nhưng không
[100] Lạm quyền thống trị: chủ ông – tớ dầy
Thời nào mà chẳng nghèo – giàu
Chung giàn cuộc sống bí – bầu chẳng phân
Tước thiên mà có tước nhân
Lý – tình đạo sống mười phân vẹn mười
[105] Gia đình – gia tộc, loài người
Từ làng đến xã vui cười đoàn viên
An dân chính trị gắn liền
Vua – quan vì nhiệm khắp miền ấm no
Đức – tài lãnh đạo chăm lo
[110] Chẳng vì chức vị tự do lộng hành
Nào đâu quân chủ chính chuyên
Thực ra dân chủ khắp miền lân bang
Phép vua thua với lệ làng
Chứng minh cuộc sống nhịp nhàng vì dân
[115] Chấn dân mà lại ân cần
Đáp ứng nguyện vọng toàn dân tỏ bày
Mưu cơ – đạo lý thẳng ngay
Quang minh chính đại – ra tay cứu đời

KINH

Sống theo văn hóa sáng ngời

[120] Với người khuất mặt – với đời nhân sinh

Xét về kinh tế xứ mình

Thực thi bình sản dân tình an khang

Không thừa không thiếu rõ ràng

Kiệm cần liêm chính – lại càng thanh thoi

[125] Tác vàng tác đất ai ơi

Mặc bèn ăn chắc là lời huấn linh

Trắng thanh gạo trắng hữu tình

Tạo ra của cải là vì thân thương

Con người gắn bó quê hương

[130] Quốc phòng quân sự khắp phương thuận hòa

Xã làng – tổ chức nước ta

Vừa làm kinh tế – vừa là chiến khu

Giữ làng giữ nước – bao thu

Toàn dân là lính diệt thù lập công

[135] Có văn lẫn võ – hòa đồng

Giữ nhà giữ nước vợ chồng dân binh

Hỡi cô du kích chung tình

Bên anh diện địa – có mình có ta

Vừa lo giết giặc – mà là

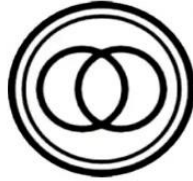
[140] Cứu người lương thiện – Tình Ca Đồng Bào

Tiên Rồng – Đạo sống tự hào
Thờ Trời mà cũng đề cao Thờ Người
Tại tâm – thể hiện vui tươi
Lễ nghi – chứng tỏ con người thiện tâm
[145] Trên dương sống mãi như âm
Tùng người – toàn thể đồng tâm giúp đời
Bao điều tôn giáo tuyệt vời
Thế nhưng chỉ nhận những lời thích nghi
Gia Tiên – Quốc Tổ khắc ghi
[150] Tình chân thiện mỹ – không gì sánh hơn
Ngày nay nhân loại gặp cơn
Khiếm khuyết hạnh phúc – oán hờn kiếp sinh
Gây ra bao cảnh bất bình
Đấu tranh giai cấp – đoạn tình anh em
[155] Xin mời thế giới đến xem
Con đường nhân bản sẽ đem hiệp đồng
Đó là Chính Thuyết Tiên Rồng
Giúp cho nhân loại – chờ trông cứu người
Trăm Con Một Bọc tuyệt vời
[160] Công bình bác ái sáng ngời là đây
Từ bi hỷ xả chứa đầy
Ta vâng Thánh Ý – đi xây Con Người



Ngôi chùa cổ xây dựng từ thế kỷ 10 dưới thời Đức Lê Đại Hành, Chùa thuộc vùng Cổ Đô Hoa Lư

2. TRẦU CAU



HOA SONG HIỆP

Thứ hai: diễn tả tình người

Ông Bà dẫn chứng cuộc đời Trầu Cau

[165] Sinh đôi – hai đứa giống nhau

Trăm con một bọc – cơm rau cạnh kê

Có nàng chớm tuổi cặp kê

Luống mong mình có tóc thè sánh vai

Nàng nhìn tư cách cả hai

[170] Kính trên nhường dưới – đức tài ngang nhau

Giúp nàng suy tính trước sau

Trao duyên gởi phận – lựa vào người anh

Chuyện tình đậm nét xuân xanh

Vợ chồng hiệp nhất – anh em một nhà

[175] Ngày kia trông cuộc hóa gà

Gặp em – nàng tưởng lầm là “hôn phu”

Phận em đành quyết chu du
Dẫu rằng xa cách – cũng vì thương anh
Hành trình biển nhớ đoạn đành
[180] Sóng thiêng thác gởi – hóa thành đá vôi
Nhưng anh lòng luống bồi hồi
Nhớ em – chàng kiếm chốn đời xa xăm
Khóc thương – tảng đá em nằm
Người anh cũng chết biển nhằm cây cau
[185] Thương chồng – nàng mãi âu sầu
Đến nơi chồng chết – hóa trầu giây leo
Từ đây lẽ tét, cưới cheo
Ăn trầu – tập tục giàu nghèo như nhau
Gẫm suy bài học Trầu Cau
[190] Giống như hai đứ – nhắc nhau Tiên Rồng
Bởi chung Bọc Mẹ hòa đồng
Thân Thương – nguyên lý sống lòng trong kính
Để cùng Bình Đẳng phân minh
Chứa chan nhân nghĩa – dân tình nước ta
[195] Trăm Con Một Bọc – sinh ra
Đồng Bào – cùng bọc mẹ cha sinh thành
Chu toàn trách nhiệm làm anh
Sánh duyên thiếu nữ – đặt thành tương quan

Đến khi xảy chuyện bất an

[200] Tình Người – giải quyết hoà chan sáng ngời

Chẳng như thiên hạ – xử đời

Vợ chồng khi cưới – sống rời anh em

Tổ Tiên ta lại những xem

Cuộc đời xung khắc đính kèm yêu thương

[205] Cả ba – cùng chọn một đường

Đồng sinh đồng tử – tình thương vẹn toàn

Dương âm – hằng sống bình an

Trầu Cau âu yếm che tàn Đá Vôi

Vị cay thơm ngát hương môi

[210] Hoà nhau thành máu – Chết rồi vẫn thương

Tích truyền nhân loại tổ tông

Thương nhau trọn kiếp – nhẫn nhường khắc ghi

Sấn sàng phải chết – xá chi

Dẫu rằng có chết – cũng vì thân thương

[215] Sống trong xã hội bình thường

Trầu Cau – nền tảng là đường dựng xây

Gia đình gia tộc – xum vầy

Họ hàng làng nước – sống đầy thương yêu

Tương quan xét đến các chiều

[220] Từ làng đến nước – một điều thân thương

Sáng soi chân lý ngàn phương
Trầu Cau – lời dạy thành chương dẫn đầu
Toàn dân – thực sống chung tàu
Thân Thương Bình Đẳng – mưu cầu phát huy
[225] Nước nhà – lâm cảnh phân ly
Hiến thân bảo vệ – chẳng tùy cứ ai
Tiên Rồng văn hóa thoát thai
Ông bà, chú bác – nói dài kỷ cương
Anh em, con cháu – tỏ tường
[230] Diễn tình cốt nhục Thân Thương Tột Cùng
Hôm nay tà thuyết nói chung
Phân chia giai cấp – sao cùng yêu thương?
Bồi chung nền tảng khinh thường
Gây bao tàn sát – nhiều nhường hận thù
[235] Nhân quyền, cải tiến, nhà tù
Bất công chồng chất – mặc dù đấu tranh
Ta xem sự thể rành rành
I – you, nị – ngộ... tị ganh hàng ngày
Đồng đẳng – là chữ giải bày
[240] Phân ngôi định cấp – tở thày là đây
Ta nhìn văn hóa phương Tây
Độc tài đa đảng – chứa đầy bất công

Nhưng theo Chính Thuyết Tiên Rồng
Trầu Cau – căn cội Cộng Đồng Thân Thương
[245] Tình Người – ta hãy am tường
Tâm Tụê nơi Mẹ – yêu thương dẫn đầu
Triển khai truyền thuyết nhắc câu
Cả hai diễn tả nhiệm màu “chữ Song”
Trầu Cau liên kết Chữ Đồng
[250] Hình thành “chữ Hiệp” – Tiên Rồng là đây
Căn nguyên Song Hiệp giải bày
Trăm Con Một Bọc – đi xây cuộc đời
Thân Thương Bình Đẳng – sáng ngời
Chứng minh Sử Việt – ngàn đời đã qua
[255] Tới nay bốn phận chúng ta
Giúp Dân Cứu Nước – phục hồi quê hương
Tái sinh xã hội kỷ cương
Đề cao nguyên lý Thân Thương Tột Cùng

KINH



Thạp Đồng ĐÀO THỊNH

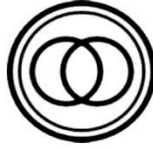


貉
LẠC



越
VIỆT

3. CHỦ ĐỒNG



Hoa Song Hiệp

Thứ ba: truyền thuyết Sông Chung

[260] Tổ Tiên thuật chuyện Tiên Dung – Chủ Đồng

Sống trong xã hội Tiên Rồng

Căn nguyên Bình Đẳng – hòa đồng việc chung

Có nàng Công Chúa Tiên Dung

Trăng tròn lẽ bóng – dạo cùng khắp nơi

[265] Như tiên tung cánh giữa trời

Luống mong tìm đến một nơi thanh bình

Kể ra cho rõ sự tình

Chủ Đồng vất vưởng mỗi mình ven sông

Thương thay kiếp sống Cha Rồng

[270] Áo cơm không đủ – chất chồng cô đơn

Sớm khuya lòng luống mong ơn

Tiên Rồng Song Hiệp thoát cơn đọa đày

Đợi chờ cũng đến một ngày
Ước sao nên một – kiếp này thanh thoi
[275] Sáng nay công chúa ghé nơi
Vây màn tắm gội – đất trời thặng hoa
Hiện thân – mình ngọc tay ngà
Nào ngờ – dưới cát vốn là ẩn nhân
Nước trong – cuốn sạch bụi trần
[280] Trôi theo lớp cát – hiện thân Chử Đồng
Cao xanh đã thất chỉ hồng
Thấp cao hiệp nhất – vợ chồng nên duyên
Mẹ Tiên – vội xuất bạc tiền
Xây làng dựng phố – khắp miền ấm no
[285] Con dân – ra sức chăm lo
Dựng nên cuộc sống tự do thanh bình
Cha Rồng cũng góp phần mình
Phép tiên đã luyện – tận tình dạy dân
Tạo ra sung túc muôn phần
[290] Cộng đồng phát triển – đang cần bình an
Đòi người lẫm chuyện liên can
Những gì thịnh vượng – vua quan lo sâu
Tiên Rồng – biến hóa nhiệm màu
Dân làng – mọi sự tóm thâu Về Trời

[295] Căn nguyên Nền Tảng tuyệt vời
Làm Con Người Thật là lời khuyên chung
Đề cao Bình Đẳng Tột Cùng
Tổ Tiên diễn tả nội dung Tiên Rồng
Tích xưa – thiên hạ thổi phồng

[300] Công nương hoàng tử - mới đồng sánh đôi
Thứ dân – cũng loại hoa khôi
Môn đăng hộ đối – tranh ngôi sang giàu
Tạo ra giai cấp khác nhau
Ăn trên ngồi trốc “bí – bầu” đấu tranh

[305] Bất công xã hội rành rành
Chủ nô chế độ – đoạ đày anh em
Tiên Rồng triết thuyết lại đem
Cành vàng lá ngọc – dân đen hợp hòa
Tiên Dung trẻ đẹp như hoa

[310] Giàu sang quyền thế – vậy mà yêu dân
Chữ Đồng không khổ che thân
Nghèo nàn mặt rệp – hưởng phần cưới tiên
Nàng Tiên lưu lạc khắp miền
Chính mình nhận thức – và tiên lên bờ

[315] Chàng Rồng nào dám hững hờ
Ẩn mình dưới cát – đợi chờ cơ duyên

Thấp cao – ván đã đóng thuyền
Sinh Con Trăm Đứa – hưởng quyền quốc gia
Nhu dân – trong nước một nhà
[320] Lấy chi tài của – khiến ta chia lia
Tiên Rồng văn hóa sáng tia
Đùng cho ngoại vật ngăn chia cuộc đời
Nơi đây Chỉ Thấy Con Người
Toàn dân hạnh phúc – tiếng cười đoàn viên
[325] Thực thi Bình Đẳng như Tiên
Ta noi gương Mẹ – dùng tiền nuôi dân
Gương Cha – cũng được góp phần
Tài năng biến hóa – chuyên cần dạy khuyên
Giúp dân Sống Thực căn nguyên
[330] Phát huy toàn diện – vang truyền gần xa
Cháu con noi đức mẹ cha
Tài năng của cải chỉ là hổ tương
Chớ dùng tài của đo lường
Phân ngôi định cấp – thân thương xa lia
[335] Mà gieo tai họa đầm đìa
Ăn trên ngồi trốc – phân chia giàu nghèo
Gây ra cuộc sống cheo leo
Khinh khi cốt nhục – rắc gieo tương tàn

Tiên Rồng – xã hội thịnh an

[340] Mọi người cùng hưởng – sẻ san gia tài

Chẳng dành hạnh phúc riêng ai

Về Trời – dẫn tới tương lai thanh bình

Từ người tới vật hữu sinh

Hoàn toàn được hưởng trong tình Thân Thương

[345] Tuy rằng cũng có ít phùng

Tham quyền lạm chức nhiều nhưng dân lành

Để răn những kẻ lộng hành

Toàn dân khinh bỉ – Sĩ xanh chê cười

Chẳng như văn hóa xứ người

[350] Chủ nô – cỗ võ coi người như trâu

Cấp cao sẵn thế làm giàu

Đạp lên đồng loại – tóm thâu lợi quyền

Và nền Đạo Việt lại khuyên

Góp chung Phúc Đức – lưu truyền nghìn thu

[355] Sống theo nguyên lý đặc thù

Tột Cùng Bình Đẳng – chân tu Con Người

KINH



Trống Đồng NGỌC LŨ



A. BA KINH NỀN TẢNG



Ba bài huấn ca Tiên Rồng, Trầu Cau và Chữ Đồng mô tả những nét đặc trưng và tiềm tàng trong chín câu chuyện truyền miệng đang kể cho nhau nghe về Biểu Tượng Tiên Rồng, đã có từ đời người này qua đời người khác, trải qua bao nghìn năm lịch sử, từ thời Dựng Nước Việt Nam tới nay. Truyền tích lưu hành trong lòng Dân Tộc được gọi là Kinh Việt hay Chính Thuyết Tiên Rồng.

Chính Thuyết Tiên Rồng là tinh hoa nền tảng của Văn Hóa Việt, được Tổ Tiên trang trọng đúc kết thành Biểu Tượng Tiên Rồng, lưu truyền trong lòng Dân Tộc trải qua bao nghìn đời.

Bồn phận và trách nhiệm của những người Con Cháu Dân Tộc như chúng ta ngày nay, là tìm hiểu học hỏi để nhận biết ý nghĩa trọng đại của Biểu Tượng Tiên Rồng mà Tổ Tiên muốn nhắn gởi, và chắc chắn đang ẩn chứa bao điều cao siêu hiện thực trong đó.

KINH

Điều khiếm khuyết lịch sử là xưa nay, chúng ta đã không có chữ viết, mà phải dùng Hán Tự hay chế độ khoa cử luôn dùng sách vở, văn chương, điển tích của Trung Quốc mà diễn giải. Vì giặc không muốn chúng ta nhớ đến Cội Nguồn Dân Tộc, mà tất cả chỉ học hỏi, hiểu biết về những danh nhân khoa bảng Trung Quốc.

Có lẽ do ảnh hưởng của kinh tế Trung Quốc, cho nên từ bài thơ Thần “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt, Bạch Đằng Giang Phú của Trương Hán Siêu, cho đến Truyện Kiều của Nguyễn Du, Chính Phụ Ngâm Khúc của Đặng Trần Côn, Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều... có tác phẩm nào mà không viết bằng Hán Ngữ? Hoặc không dùng điển tích, tài liệu văn học truyền thông Trung Quốc mà trùm phủ lên văn hóa và đời sống của người dân Việt Nam?

Từ ngày Dựng Nước, Dân Tộc Việt Nam được gọi là dòng giống Tiên Rồng, và Con Cháu Tiên Rồng căn cứ vào nguồn gốc mà cảm thấy mình khác biệt hay trội vượt hơn các dân tộc khác, chẳng hạn khác biệt với người Hoa... mà chúng ta không thấy bài vở nào nhắc tới, hoặc có chăng đã bị giặc thiêu hủy.

Và trong suốt giòng lịch sử, Chính Thuyết Tiên Rồng trở thành nền tảng tâm linh sâu vững nhất trong tư tưởng, trong huyết quản, trong đời sống của mọi người Việt chúng ta, qua danh xưng “Đồng Bào” và là anh em ruột thịt từ “Bọc Mẹ Trăm Con” của Mẹ Tiên Cha Rồng.

Nhưng đang khi Đại Chúng Việt hãnh diện và phát huy Sinh Thức Hệ Tiên Rồng của Tô Tiên, thì những lớp người trí thức được gọi là có ăn có học, có nghiên cứu tài liệu chữ Nho, đọc sách Thánh Hiền, cửa Khổng sân Trình, có chức tước

bồng lộc, thì họ lại tỏ ra lúng túng trong việc giải thích về nguồn gốc/ về truyền thuyết của dân tộc mình?

Tại sao nhiều người còn ngổ nghịch, phủ nhận, và mặt sát truyền thuyết của ta không tiếc lời? Phải chăng đã tới thời điểm “Đồng Trụ Chiết, Giao Chỉ Diệt” nếu như chúng ta không ý thức?

Chính Thuyết Tiên Rồng khác biệt với cái gọi là Tứ Thư Ngũ Kinh, Cửa Khổng Sân Trình, hay chữ Hán Nho trong kinh sách của người Trung Quốc. Điển hình, Kinh Dịch khai triển theo khái niệm Âm Dương, hay Tam Tài Thiên – Địa – Nhân (Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng) là những ý niệm trừu tượng và là thành quả của óc suy luận thuần túy về Vật Chất vô tri vô giác.

Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên lại đặt căn cứ trên Biểu Tượng Tiên Rồng về Con Người – đó là kết tinh của nhận thức hiện thực làm nền tảng cho con người, là mọi người và mỗi Người đều được tạo thành do Mẹ Tiên Cha Rồng phối hiệp.

Tất cả cùng được sinh ra một lần, một lúc trong Một Bọc Trăm Con mà chúng ta tự xưng mình là đồng bào – đồng có nghĩa là cùng, bào là cái bọc, tức là anh em ruột thịt trong cả nước – nhà.

Theo giòng thời gian và theo đà xác tín quý trọng của toàn dân, chữ Tiên Rồng trở thành biểu hiệu cho Hai Vị Tộc Tổ, khai sinh ra dòng giống dân Việt vào khởi đầu lịch sử nhân loại. Bởi thế mà ngày nay mọi người Việt Nam chúng ta hãnh diện và xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng.

KINH

Chính Thuyết Tiên Rồng cũng không xuất phát từ chủ nghĩa, chủ thuyết, triết thuyết hay một nền tảng học thuyết của tôn giáo nào, mà được Tổ Tiên nhận diện đúng thực Con Người và Cộng Đồng Xã Hội, qua sinh hoạt và tâm tư bộc lộ cũng như thể hiện nếp sống văn minh văn hóa trong một xã hội anh em, Xã Hội Đồng Bào, xã hội của con người và làm người đích thực.

Điểm khác biệt trong Lịch Sử Việt là Tổ Tiên truyền khẩu, truyền miệng, truyền cho nhau ghi nhớ Biểu Tượng Tiên Rồng rờng rã hàng bao nhiêu đời con cháu, từ đời này qua đời khác, làm nổi bật đặc tính sinh hoạt sống động hiện thực trong nếp sống của toàn thể Dân Tộc Việt, được gọi là Văn Hóa Việt.

Chớ không phải hệ thống văn từ như đã ghi trong Lĩnh Nam Chích Quái của nhà văn Trần Thế Pháp, mới xuất hiện vào đời Nhà Trần và được ghi nhận là tác giả viết theo văn hóa thời cuộc nhằm mang tư tưởng phò thiên triều phương Bắc.

Bởi thế theo cách lưu truyền của Tổ Tiên, thì văn từ hay tư tưởng đã thường bị bóp méo, hiểu lệch lạc ý nghĩa tùy theo chế độ hiện hành, hoặc theo thời gian mà sửa đổi nội dung ngôn từ, đang khi biểu tượng thì mang tải ý nghĩa trước sau vẫn thế.

Chính Thuyết Tiên Rồng ngày nay được anh em trong tổ chức Hoa Tiên Rồng phục hưng và khai sáng nhằm mục đích Giúp Dân Cứu Nước.

Chúng ta trao chìa khóa cánh cửa tâm tư cho nhau, để cùng nhau mở rộng cửa kho tàng Văn Hóa Việt, cùng nhau bước

vào mà tìm lại những báu vật là Gia Tài Tổ Tiên để lại cho những ai xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng.

Chính thuyết chẳng những trung thực, mà còn thích hợp, thích nghi với hiện cảnh sống cho mọi người, mọi lứa tuổi, không phân biệt giới tính hay thời đại văn minh nhân loại.

Vì chính thuyết luôn mở rộng cửa đón nhận tất cả những giá trị, tinh hoa tư tưởng trong đời sống nhân sinh, khai triển nếp sống con người, là Đạo Sống Việt trong Xã Hội Đồng Bào, xã hội thân thương bình đẳng, xã hội anh em từ một Bọc Mẹ Trăm Con của truyền thuyết Tiên Rồng.

Chín truyện tích được lưu truyền trong Toàn Dân Việt từ đời này qua đời khác lại cu r mang những đặc điểm làm nổi bật biểu tượng Tiên Rồng, tức là có hai nhóm đặc tính Tiên Rồng được nhận diện nơi Con Người và Cuộc Sống, kể đến là phần cốt truyện lại nhắc tới thời đại của các Vua Hùng Dựng Nước.

Dù rằng trong chín câu truyện ấy ẩn chứa nhiều tình tiết dị biệt ly kỳ, nhưng vẫn được Ông Bà lưu truyền nguyên vẹn tinh ròng cho chúng ta tới thời nay. Và bốn phận trách nhiệm của chúng ta là tìm hiểu, khám phá kho tàng Văn Hóa Việt để tìm lại những báu vật gia tài Dân Nước, bởi thế mà có Hoa Tiên Rồng ra đời nhằm Giúp Dân Cứu Nước, tổ chức tương quan lực lượng và đấu tranh chính trị với các loại giặc nước.

Mỗi truyện tích của Chính Thuyết Tiên Rồng lại được nhắc nhớ bằng những biểu hiệu tôn quý trong các dịp Lễ Tết của Dân Tộc Việt Nam.

KINH

Tất cả đã kết tinh quan niệm sống của dân tộc, và liên hợp chặt chẽ với nhau, tạo thành một hệ thống chỉ đạo mạch lạc, sống động và hiện thực, làm nền tảng căn bản cho toàn thể Văn Hóa Việt – tổng hợp và hệ thống hóa này được gọi là Hệ Tiên Rồng, tức là chúng ta có cái nhìn vào thực tế cuộc sống Con Người, đặt căn cứ trên cuộc sống một cách trọn vẹn, và không ra khỏi hay xa lìa cuộc sống con người.

Do đó Hệ Tiên Rồng còn được gọi là Sinh Thức Hệ, tức là Chính Thuyết Tiên Rồng. Hệ thống biểu tượng Tiên Rồng này không phải do một người, hay nhóm người phát minh sáng chế ra, mà là cả một nền văn hóa đã và đang sống trong lòng Dân Tộc, dù ý thức có khác biệt ít nhiều, tùy người, nhưng Văn Hóa Việt được phát hiện là một hệ thống toàn bích, đang chỉ đạo cho toàn thể cuộc sống Xã Hội Con Người.

Việc tìm hiểu, khảo cứu, áp dụng, ứng dụng để sống thích nghi với hiện cảnh là cả một tiến trình dài như bao ngàn năm trường tồn của Tộc Việt – khác biệt với Tộc Hoa – vẫn luôn tiếp diễn, cao siêu và hiện thực, là đặc điểm của Con Cháu Việt.

Có thể nói mỗi chữ, mỗi câu, mỗi mệnh đề của Chính Thuyết Tiên Rồng ngày nay đang biên khảo, thì cũng đang trông chờ cả một thiên khảo cứu về lịch sử văn hóa của Dân Tộc Việt.

Bởi thế cho nên, đây cũng là phần mà mọi người trong chúng ta cần tìm hiểu, học hỏi, thảo luận và đừng quên sự đóng góp thêm những khám phá mới của bạn, của chính bạn vào kho tàng Văn Hóa Chính Trị cao siêu hiện thực và tuyệt vời của Tổ Tiên.

Điểm đặc biệt Tổ Tiên để lại, là một hệ thống biểu tượng chứ không phải hệ thống ngôn từ hay tư tưởng, vì rằng ngôn từ, tư tưởng thường bị tuyên truyền lệch lạc bóp méo nội dung hay ý nghĩa bởi mưu đồ danh lợi của nhà cầm quyền, chế độ hay thời gian.

Nhưng ngược lại, biểu tượng thì trước sau vẫn thế, vẫn còn nguyên vẹn tinh ròng dù cho trải qua ngàn đời con cháu, và cứ tùy thuộc thời đại mà chúng ta dùng ngôn từ thích hợp mà diễn tả biểu tượng, như trong Thời Đại Tin Liệu (The Information Age) của nhân loại hôm nay.

Trong mỗi bài chính thuyết của dân tộc, là ghi chép lại những điểm chính yếu, cuu mang bài học của Tổ Tiên. Dĩ nhiên, với thời gian cùng với sự phù trợ của Đức Quốc Tổ và Hòn Thiêng Sông Núi, chúng ta sẽ có bản văn hoàn hảo, đúng thực và trọn vẹn, vì do đón nhận sự đóng góp ý kiến của nhiều người, của toàn dân.

Diễn giải chính thuyết, là phần có tham vọng của người viết là đào sâu, tìm hiểu hệ thống biểu tượng tới tận ý nghĩa, và cố gắng đạt đến điểm tột cùng của suy tư thâm sâu nhất có thể có.

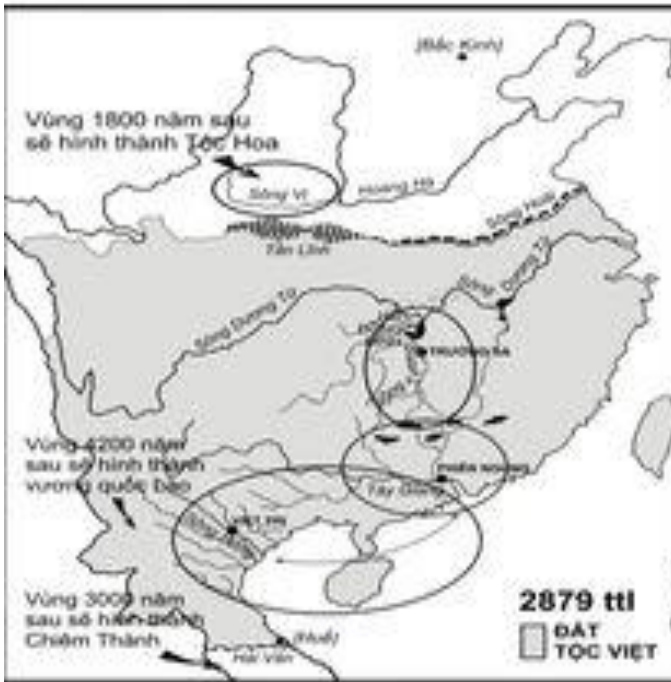
Do đó phần diễn giải, đôi khi trở thành khó hiểu cho một số người đọc, tuy nhiên bạn đọc có thể căn cứ vào lịch sử, vào đời sống dân nước mà rút ra những thí dụ cụ thể, những gương sống thực của các vị Minh Quân, Văn Thánh Võ Thần mà cùng giúp cho nhau học hỏi, thông toàn bài học của Tổ Tiên.

Sau phần diễn giải là phần Tìm hiểu chính thuyết. Tiên Ròng được gọi là bài học Nền Tảng đầu tiên, vì trong đó chúng

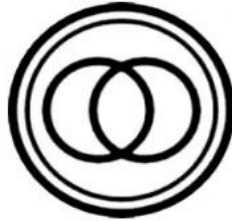
KINH

ta có nhận diện, có định nghĩa về Con Người và Xã Hội một cách hoàn chỉnh, toàn diện và đúng thực.

Phần bài này được coi là đúc kết những nét đặc thù của Văn Hóa Việt, khai thác hết những nét đặc thù đó chúng ta có hệ thống tư tưởng chỉ đạo sống động và hiện thực, gọi là Hệ Tiên Rồng, qua nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp để áp dụng vào cơ cấu tổ chức xã hội con người, như biểu tượng Bọc Mẹ Trăm Con.



1. BÀI HỌC TIÊN RỒNG



HOA SONG HIỆP

Tiên Rồng là bài học nền tảng căn bản của Tổ Tiên, vì đề ra nguyên lý sinh hóa của vạn vật, đặc biệt căn cứ trên con người, tức nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính.

Với bài học Tiên Rồng, chúng ta có được định nghĩa về con người hoàn chỉnh toàn diện, đúng thực: Thân – Trí – Tâm – Tuệ (Thân xác sinh động, Trí năng tinh biến, Tâm tình thông hiệp, Tuệ linh vĩnh cửu) của con người do Mẹ Tiên Cha Rồng song hiệp.

Và từ nguyên lý mà chúng ta khai triển thành nguyên tắc áp dụng vào việc tổ chức như Cánh Kinh Thương, Cánh Thanh Niên, Cánh Xã Hội và Cánh Chính Trị của một Hoa Tiên Rồng.

Đặc biệt, Con Người Tiên Rồng, chúng ta khác biệt với những Con Người của nền văn hóa duy vật, duy lợi, duy tâm, duy linh đang làm tha hóa con người, và con người biến thành sinh vật kinh tế, con thú tiến bộ, động vật lao động trong hăng

KINH

xưởng, và chi phối bởi cơ quan truyền thông rộn ràng hàng ngày.

Văn hóa và tổ chức ba góc theo hình Kim Tự Tháp trước mắt, chúng ta nhận ra đó là tổ chức chủ nô, trên là chủ nhân – dưới là nô lệ, trên là đẳng trị – dưới là bị trị, cho dù cổ súy Chân – Thiện – Mỹ mà thiếu Tình thì chỉ là con người khiếm khuyết hạnh phúc.

Đang khi trong Truyền Thuyết Việt, Tổ Tiên lại nhận diện Con Người Tiên Rồng một cách đúng thực, và cộng đồng xã hội là Đồng Bào, là anh em từ Một Bọc Trăm Con của Mẹ Tiên Cha Rồng, tức là biểu trưng cho một xã hội bình đẳng tột cùng và thân thương tột cùng.

Tiên Rồng đưa ra ý niệm về các đặc tính cá biệt của Tiên, của Rồng, và mẹ Tiên cha Rồng đã phối hiệp toàn nhất tương đồng. Bởi thế Tiên và Rồng là kết tinh toàn vẹn cho mọi tương quan sinh hoạt của con người, tương quan anh em nhằm thể hiện Con Người Tiên Rồng.

Biểu tượng Một Bọc Trăm Con của Chính Thuyết Tiên Rồng đã khẳng định Đặc Tính Xã Hội bẩm sinh và ngay cùng một lúc có trăm con người, cũng do kinh nghiệm của cuộc sống gia đình, với mẹ với cha, với anh chị em qua hình ảnh của tổ chức trăm người trăm việc – mỗi người mỗi việc, chớ không bao đồng công tác hay dẫm chân lên nhau.

Trong cuộc sống, con người nhận ra mình không thể sống đơn độc, mà ngay từ lúc bắt đầu sự sống, con người cần có mẹ có cha, có sự chăm sóc bảo bọc của tình thân ruột thịt anh chị em. Vì nếu sống đơn độc, con người không thể phát triển toàn vẹn về cuộc sống xứng đáng là người và làm Người.

Do kinh nghiệm từ đó con người nhận ra mình vừa là một hiệp thể cá biệt toàn vẹn, mà cũng vừa là một thành phần cộng đồng xã hội anh em, và vừa cùng chung một nguồn sống Mẹ Tiên Cha Rồng.

Cũng do kinh nghiệm của cuộc sống trong tình thân với cha mẹ anh chị em, con người nhận ra mình cũng có cùng một nguồn gốc, cùng một sức sống, và cùng chia sẻ cuộc sống với nhau, trong nhau và cho nhau. Con người rút tĩa kinh nghiệm cuộc sống từ bản thân, quây quần trong gia đình, tuy thế cuộc sống cũng không đóng khung trong tập thể hạn hẹp, mà đã mở rộng với nhiều con người khác nữa.

Vì vậy hai truyền tích Chử Đồng và Trầu Cau đã ghi nhận kinh nghiệm do cuộc sống đông người, tức xã hội anh em, Xã Hội Đồng Bào.



CON NGƯỜI TIÊN RỒNG



Cố Đô Hoa Lư và Núi Ngũ Hành

2. BÀI HỌC TRẦU CAU



HOA TIÊN RỒNG

Bài học Trầu Cau chia sẻ trực tiếp với bài học Tiên Rồng, là rút tía hình ảnh từ Bọc Mẹ Trăm Con **ra hai anh em sinh đôi, giống nhau như đúc, thương nhau rất mực và chưa hề lìa nhau** để ứng dụng vào đời sống con người, bằng Nếp Sống Tiên: Thân Thương

Tột Cùng của Con Người. Bài học Trầu Cau đã đặt nền tảng tương quan giữa người với người. Nghĩa là **“thương nhau trọn tình, sẵn sàng chết vì thương, mà dẫu có chết cũng vẫn còn thương.”** Tương quan anh em và tương quan vợ chồng trong một tổ chức.

Vì là nền tảng tương quan giữa người và người, nên cũng là nền tảng cho Xã Hội Con Người, được tổ chức từ gia đình, gia tộc cho tới cấp dân tộc hay cấp nhân loại theo nguyên lý Thân Thương Tột Cùng.

Từ lời linh huẩn của Tổ Tiên quá thâm thúy diệu vời đó, cho nên chúng ta đã nhìn nhận xã hội Việt trong đó có bao tấm gương sáng ngời: nào là lòng mẹ bao la như biển Thái Bình,

KINH

thiếu phụ Nam Xương, Anh phải sống, nuôi chồng trong tù cải tạo của cộng sản, và thành tín với vợ, chung thủy đợi chờ ngày đoàn tụ, dù tới chết cho gia đình hay chết cho quê hương thì cũng vẫn còn thương: “Tình nhà tình nước chết chưa hết tình!”

Cũng do kinh nghiệm cuộc sống thân thương của gia đình, con người nhận ra tình cảm giữa người với người, được xuất phát từ việc chúng ta nhìn nhận nhau là Anh Em, Giống nhau như đúc, và từ tâm thức ấy mà Quyết chẳng lìa nhau.

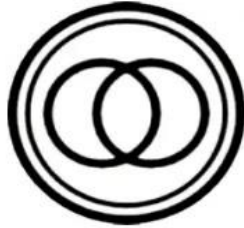
Tình yêu thương ruột thịt đó lại nhận thêm nhiều kinh nghiệm khi gia đình có thêm những người xa lạ, như người Anh trong truyền thuyết Trầu Cau cưới vợ, và cùng sống chung với người Em dưới một mái ấm gia đình.

Với cuộc sống đầy biến chuyển và trắc trở hiện nay, con người nhận ra rằng, tình thân thương chỉ tồn tại khi ta sẵn sàng đánh đổi cả cuộc sống mình cho những người mình mến thương, Sẵn sàng chết cho nhau, chết vì người thương.

Và rồi dù yêu thương nhau khăng khít, dù vượt thắng mọi trở ngại để bảo vệ tình thân thương, con người cũng trải qua kinh nghiệm qua sự chết, qua việc người thân vĩnh viễn chia lìa bởi đi tìm nhau mà chết, hóa thành trầu thành cau hoặc thành đá vôi.

Nhưng cũng do chính kinh nghiệm thăng hoa thành đá, trầu hay cau đó, do lòng thương nhớ không nguôi, con người lại cảm nhận là sự chết chẳng những không chấm dứt hoặc ngăn cản, mà trái lại, còn giúp chúng ta thể hiện trọn vẹn tình Thân Thương Tột Cùng, Mãi mãi có nhau, và khi đó không còn bất cứ gì có thể ngăn cản chúng ta kết hợp với nhau trong yêu thương, trong bảo bọc, trong tình nghĩa đồng bào.

3. BÀI HỌC CHỦ ĐỒNG



HOA SONG HIỆP

Nếu như bài học Trầu Cau trong Chính Thuyết Tiên Rồng, rút tía từ “Bọc Mẹ Trăm Con” ra hai anh em, hai con người để áp dụng nguyên lý “Thân Thương Tột Cùng” của Nếp Sống Tiên, thì đề dạy bài học “Bình Đẳng Tột Cùng” và làm sáng tỏ Nếp Sống Rồng, Tổ Tiên lấy lại hình ảnh Tiên Rồng trong cặp Tiên Dung – Chử Đồng.

Công Chúa Tiên Dung là người đẹp, giàu, sang được mọi người yêu thương kính trọng, quyền thế cao cả tột cùng trong xã hội – Chúng ta thường nói sướng như tiên, theo chữ nhỏ, chữ nhân ghép với chữ son thành chữ tiên, tiên là người ở núi, núi của, vật chất.

Cô Gái Việt tuổi trăng tròn thì chỉ có người thương mến qua dung nhan xinh đẹp, tính tình hiền hòa, ăn nói mặn mà có duyên. Bởi Vua Cha còn có người không ưa, nhưng Công Chúa thì lại được cả triều thần quý trọng, khiến bao trai thanh gái lịch thầm mơ kết bạn với nàng!

KINH

Giờ đây Công Chúa Tiên Dung quả là tiên giáng trần, viếng thánh địa nơi chàng rồng Chử Đồng đối khổ, lang thang bên bờ sông bãi sù để kiếm ăn. Chàng nghèo đến nỗi chỉ có cái khổ (cái quần đùi), mà vì hiếu thảo với cha nên Chử Đồng phải cởi ra để liệm cho cha lúc người lìa trần.

Rồi sau đó chàng phải đành sống với cảnh tồng ngồng (không mặc quần) không khổ! Nghèo tới cỡ đó là cùng! – Chử Đồng quả thực đang biểu hiện cho phần tinh thần, linh thiêng. Tiên Dung là biểu hiện của phần của cái, vật chất... và khi Tiên Rồng song hiệp! Hai thành phần linh thiêng và vật chất trong con người chúng ta đều được thăng hoa!

Tổ Tiên muốn dạy chúng ta điều gì vậy? Vâng, muốn sống với nhau, trước tiên chúng ta phải Thấy Nhau bằng con người thật, con người tinh tuyền, con người không bị lụy là gấm vóc vàng bạc, vật chất tài của che phủ...

Quan niệm này đã khác biệt với những con người của xã hội đương đại vì họ lấy vật chất mà đo lường giá trị con người, chớ họ không nhìn nhận, không thấy nhau bằng con người thật như lời Tổ dạy.

Mặt khác, chàng là rồng thì ẩn mình trong lòng đất (thủy phủ) để chờ đợi cho tới khi công chúa Tiên Dung vây màn tắm gội... Nàng từ trời xuống, chàng từ đáy sông lên... Nàng giàu sang tuyệt thế, chàng tẻ hơn khổ rách áo ôm!

Xin hỏi, có ai hơn công chúa và ai thua chàng không khổ... thế mà nên duyên, mà song hiệp, mà hoàn chỉnh... thì thử hỏi, xã hội này còn kẽ hở nào để mà phân cách, mà phân ngôi định cấp, phân chia giai cấp hay đấu tranh giai cấp?

Chính nhờ sự Song Hiệp Tiên Rồng đó, con người mới được hạnh phúc. Tiên Dung Chử Đồng đã giúp dân. Họ có cả một chương trình phát triển xã hội: giáo hóa dân chúng (dạy dân phép tiên), phát triển kinh tế (lập phố xá), ngoại thương (ra biển đi buôn), phát triển giao dịch, lưu thông (gây thần rút đất) ... và rồi khi họ Về Trời, dân chúng cũng được về theo, nghĩa là tất cả cũng được thành tiên... đẹp như tiên, sướng như tiên, hạnh phúc cực lạc!

Nhìn lại cuộc sống càng kéo dài và càng có đông người, thì con người càng thêm kinh nghiệm về những khác biệt trong tài năng, trong sức lực, cũng như trong may rủi, bất toàn của cuộc đời... như kinh nghiệm của Tiên Dung và của Chử Đồng. Do đó, do kinh nghiệm đối xử với nhau, và do tâm tình muôn bảo đảm cuộc sống tốt đẹp cho hết mọi người, con người nhận ra rằng mỗi người phải Nhận thực chính mình.

Khi đã biết rõ thân phận Con Người của mình, mỗi người lại phải nhìn nhận và sống với những con người khác như những con người tinh vẹn, không để bất cứ ngoại vật nào làm sai lệch hình ảnh đích thực của con người. Chỉ thấy con người.

Cũng do kinh nghiệm san sẻ trong tình thân, con người nhận ra cách xử dụng thích đáng tài năng và của cải. Tài và của chỉ là những phương tiện để giúp nhau cùng phát triển, Tài của giúp người, để tất cả Mọi người cùng hưởng hạnh phúc và thăng tiên, không trừ ai.

Những kinh nghiệm sống đó, Tổ Tiên đã gói ghém tuyệt vời trong truyền thuyết Chử Đồng.

KINH

Nhắc tới đây, chắc chắn có nhiều bạn đọc hiểu nhiều về chi tiết Văn Hóa Việt hơn cả người viết... còn bao điều muốn nói nữa, nhưng mà làm sao mà nói hết được.

Vì mỗi con cháu Việt – Con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng siêu việt như các bạn đọc – với tâm hồn Việt, với máu huyết Việt luân lưu trong chính con người của bạn, đó là cả một kho tàng Văn Hóa Việt tiềm ẩn trong bạn, xin bạn hãy tự khai thác Gia Tài Tổ Tiên trong bạn?

Sau ba truyền thuyết làm Nền Tảng cho con người và cuộc sống con người trong xã hội, Tổ Tiên dạy chúng ta về một cơ cấu quan trọng nhất, đã chi phối mạnh mẽ tới đời sống con người, đó là Nước, là quốc gia, là chính quyền trong Bộ Bốn Sống Thực.



TIÊN NHÂN CHỈ LỘ

4. TIẾT LIÊU



HOA TIÊN RỒNG

Thứ tư: Tình Nước sáng tươi
Tiết Liêu – bài học Con Người An Dân
Làng giàu nước đẹp phải cần
[360] Mẫu người tài đức giúp dân thái hòa
Vua Hùng – thánh chỉ ban ra
Cúng dâng lễ vật thì là truyền ngôi
Và rồi khắp chốn xa xôi
Đã bao hoàng tử nổi trôi đi tìm
[365] Tiết Liêu vốn tính lặng im
Suốt ngày quanh quẩn chẳng tìm đâu xa
Một hôm chàng gặp Cụ Gia
Dạy làm kiểu bánh đậm đà hương say

Bánh chưng cùng với bánh dày
[370] Ché từ lúa gạo – thường ngày nuôi dân
Rồi chàng luyện tập chuyên cần
Dâng lên cửa lễ – xúng phần làm vua
Từ đây lễ tết đầu mùa
Dày Chưng – là bánh tiến đưa bàn thờ
[375] Có ai đã mấy khi ngờ
Việc vua việc nước – cần nhờ sứ nhân
Nước ngoài – văn hóa chỉ cần
Mẫu người cai trị thông phần dụng binh
Giết người cướp của mặc tình
[380] Miễn tranh vương giả – điển hình sử xanh
Nhưng nền Đạo Việt tinh anh
Phải tìm lễ vật – mới dành ngôi vua
Khởi công bài học thi đua
Nhờ ơn Tộc Tổ – làm vua phải cần
[385] Mang ra giáo hóa toàn dân
Tri ân thủ nghĩa – góp phần dựng xây
Non sông trăm họ xum vầy
Cùng nhau ăn quả – nhớ cây người trồng
Vẫn theo tiêu chuẩn nghĩa công
[390] Ông bà nhắc chuyện Tiên Rồng với câu

Long Quân Thánh Tổ – nhiệm màu
Khi cần thì gọi – nơi đâu cũng về!
Bao phen linh ứng lời thề
Tổ là Hồn Nước – cận kề với dân
[395] Đã bao hoàng tử vong thân
Đua nhau vọng ngoại – tảo tần phương xa
Quên luôn báu vật quê nhà
An Dân Thịnh Nước – mới là xứng ngôi
Cần chi những cửa xa xôi
[400] Gây ra mâu thuẫn – vua tôi trị vì
Nhưng đây truyền thuyết lại ghi
Tài tìm lễ vật – những gì An Dân
Tiết Liêu vận dụng toàn phần
Tâm Tuệ – tìm vật giúp dân hưởng nhờ
[405] Thức ăn từ gạo đơn sơ
Thêm tài cải tiến – nào ngờ thơm ngon
Làm theo hình thể vuông tròn
Bảo Bình – hàm ý sống còn trong tên
Tuyệt thay chiếc bánh chưng rền
[410] Lá xanh gạo trắng – nói lên thanh bình

Ta nhìn tấm bánh xinh xinh
Bên trong gói ghém bao tình quân dân
Muối tiêu đường đậu thịt nhân
Ngọt bùi cay đắng – chia phần sẻ san
[415] Dựng nên cảnh sống thịnh an
Mọi người cùng hưởng – chứa chan công bằng
Cũng trong buổi hội hoa đăng
Bánh Dày nhuần nhuyễn – xin rằng chớ quên
Thời suy – loạn lạc nổi lên
[420] Cứu nguy xã tắc – đạ tên không sờn
Sứ Nhân nặng nợ công ơn
Trước là Sống Thực – biết hơn biết mình
Hai là Hồn Nước quang vinh
Cầu xin Tộc Tổ thương tình giúp cho
[425] Ba là Lộét Xác nguyên do
Giã từ cái cũ – ta lo sửa trì
Dân Thân – điều chót nhớ ghi
Anh em cộng tác – xá gì gian lao
Là con cháu Việt tự hào
[430] Thực thi truyền thống đề cao Tiên Rồng
Tiết Liêu gương sáng khởi công
Sống theo Hồn Nước – hoà đồng toàn dân

Quyết tâm lột xác dần thân
Dân an nước thịnh – tỏ phần tài năng
[435] Truyền thuyết Tổ đã dạy rằng
Phải luôn cải tiến – phát tăng nhu cầu
Đưa ra quốc sách khởi đầu
Cộng theo cơ chế – nghèo giàu thích nghi
Cố công tìm kiếm những gì
[440] Giúp dân sống thực – chớ vì quyền uy
Làm vua – tuân giữ nội quy
Thực hành Lời Tổ – cứu nguy dân lành
Lợi dân ích nước – hoàn thành
Cộng đồng hạnh phúc – sáng danh Tiên Rồng
[445] Trong bài Dựng Nước Chử Đồng
Phúc thay! Toàn thể thưởng công Về Trời
Có Làng – Có Nước xây đời
Tiết Liêu hướng dẫn những lời An Dân
Căn cơ Việc Nước tạo phần
[450] Quê hương thịnh vượng toàn dân huy hoàng
Hiệp theo thực thể rõ ràng
Việc Làng – phát triển nơi chàng An Tiêm
Biểu trưng đưa hầu uy nghiêm
Biển vùng sỏi đá thành niềm ước mong

- [455] Tổ Tiên muốn nói chữ Song
Tiên Rộng Song Hiệp – như trong từng bài
Tiết Liêu – Rộng lại trở tài
Làm phần biến hóa – giúp Ngài gặp Tiên
Lời khuyên của Tổ gắn liền
- [460] Trường Tôn – nền tảng nơi Tiên đây rồi
Hai phần hoàn chỉnh – truyền ngôi
Tạo ra hiệp nhất một đôi song toàn
Đạo Làm Vua – Đạo Làm Quan
Sống Tiên – Việc Nước hòa chan hai đảng
- [465] Sống Rộng – nền tảng Việc Làng
Nước Làng Song Hiệp – vẻ vang giống dòng
Tiết Liêu – gói ghém bên trong
Công ơn Thánh Tổ – ghi lòng cháu con
Tình người tình nước – sắt son
- [470] Thực thi nguyện vọng sống còn nước dân
Chung Dày – biểu tượng minh phân
Thanh bình – loạn lạc, điều cần giải nguy
Giúp dân sống thực gấm suy
Mẫu Người Lãnh Đạo ẩn quy trong bài
- [475] Nơi đây nói đến chữ tài
Cái tài thịnh nước – cùng tài an dân

5. AN TIÊM



HOA TIÊN RÔNG

Thứ năm: chú trọng “Trí Thân”

Việc Làng Phát Triển trong phần An Tiêm

Con dân bày tỏ nỗi niềm

[480] Về nền dân chủ trang nghiêm nước nhà

Lời đồn sự nghiệp dèm pha

Người vua Hùng phạt chính là con nuôi

An Tiêm vừa chớm đôi mươi

Phải dày ra đảo vắng người hoang vu

[485] Dầu chàng gắng sức công phu

Khai hoang khẩn đất đền bù ơn vua

Nhưng rồi cuộc sống vẫn thua

Càng thêm đói rách – ruộng chua nước phèn

Lang thang chốn lạ chưa quen

[490] Mỗi mong hạnh phúc bao năm đi tìm

Sáng nay gặp gỡ cánh chim
Làm rơi hạt giống im lìm mọc lên
Thành giây dưa hấu mang tên
Vỏ xanh ruột đỏ dòn mềm thơm ngon
[495] Chàng Tiêm ghi dấu dưa tròn
Thả trôi xuống biển – mỗi mòn trông tin
Lượm dưa – dân kéo đến xin
Dựng thành làng xã – giữ gìn quê hương
Miền hoang phát triển phi thường
[500] Toàn dân trừ phú kỹ cương thuận hòa
An Tiêm thay mặt làng ta
Chọn dăm trái hấu làm quà dâng vua
Từ đây lễ tết đầu mùa
Trái dưa Cúng Tổ – tiến đưa lên bàn
[505] Truyền tích Sóng Thục chứa chan
Việc Làng Dân Chủ – tương quan Tiên Rồng
Sống trong thể chế hiệp đồng
Nước làng minh định việc công rõ ràng
Thân thương bình đẳng trong làng
[510] Thuận trên hòa dưới nhịp nhàng kỹ cương
Nói lên chủ nghĩa tổ tông
Căn cơ gia tộc là đường dựng xây

Họ hàng lối xóm xum vầy
Sẻ san đùm bọc sống đầy tình thương
[515] Đồng bào ra sức tự cường
Đắp nền dân chủ địa phương vững bền
Lễ nghi trống rộn chiêng rền
Tay cày tay súng tạo nên thanh bình
Lúa vàng nặng hạt ân tình
[520] Tre xanh che chở có mình có ta
Đó đây vang vọng ê, a...
Trầm hương đình miếu chan hòa khí thiêng
Rồng An Tiêm – vốn tính siêng
Trở tài vùng vẫy lán giềng – đảo hoang
[525] Cố công khai phá dựng làng
Đào kinh dẫn thủy mở mang gieo trồng
Cũng như hình ảnh Chử Đồng
Bờ sông bên nước giúp Rồng gặp Tiên
Thoát cơn hoạn nạn triền miên
[530] Trút bao thống khổ ưu phiền bơ vơ
Cơ trời nào mấy ai ngờ
An Tiêm – Chim Lạc tình cờ gặp nhau
Dầu như gió thoảng qua mau
Tiên Rồng Song Hiệp – đổi màu xanh tươi

[535] Để mang hạnh phúc cho người
Lợi dân ích nước tiếng cười hân hoan
Phân minh cấp độ lo toan
Nước – Làng hai việc chu toàn khác nhau
Dấn thân – Việc Nước truyền rao
[540] Nặng phần Tâm – Tuệ quy vào Tiết Liêu
Nêu cao truyền thống là điều
Sức Dân Hồn Nước – theo chiều lòng dân
Quốc gia vững mạnh phải cần
Tài năng sáng tạo góp phần canh tân
[545] Việc Làng – cấp độ dấn thân
Nặng về Thân – Trí như phần An Tiêm
Thể theo đại chúng ngưỡng chiêm
Cửa – Tài thực tế là niềm ước mong
Thông điệp nêu rõ chữ Song
[550] Tiên nào Rồng nấy – thong dong bao thời
Nói lên Hoàn Chính tuyệt vời
Khác nền xã hội ngược đời hiện nay
Chủ trương cai trị phơi bày
Đấu thầu dân chủ – hằng ngày rêu rao
[555] Mỹ dân – chính sách đề cao
Phổ thông đầu phiếu – nhưng nào vì dân?

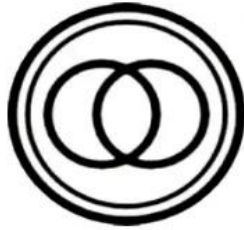
Trọng tâm tham chính chỉ cần
Cậy tài ý của bất dân phục tòng
Vẽ rào pháp chế làm vòng
[560] Quản cai trực chỉ từng lòng nhân dân
Tiên Rồng thể chế tuyệt trần
Nước Làng quyền bính định phân rõ ràng
Tạo thành hệ thống dọc – ngang
Chính quyền căn cứ theo làng mà thôi
[565] Thuế sưu, lính tráng, tài bồi
Phân chia, cắt bỏ... trong nô bảo bình
Quan niệm Phúc Đức chứng minh
Tận tâm vì nước – tỏ tình cháu con
An Tiêm có trái cây ngon
Dâng vua biểu nước làm tròn việc chung
[570] Chàng Rồng đại diện dân vùng
Nói lên liên hệ nước cùng làng đây
Thực hành bài học xum vầy
Quê hương dân tộc tràn đầy tự do
Cái làng là chốn ấm no
[575] Do dân tự lập – tự lo việc làng
Mở ra nếp sống huy hoàng
Toàn dân cùng hưởng thiên đàng Việt Nam

KINH



CÓ ĐÔ HUẾ

6. VỌNG PHU



HOA SONG HIỆP

Đơn sơ hát khúc tình lòng
Diễn phần Trường Cửu như trong đề tài
[580] Bồng con ru điệu Nam Ai
Trông chồng – thương mãi thương hoài ngàn năm
Quê nhà – em vốn lo chăm
Quản chi bao chốn xa xăm tảo tần
Nuôi con – phụng dưỡng song thân
[585] Ruộng vườn canh tác – mộ phần sửa sang
Việc nhà cho chí việc quan
Chiều chiều đứng ngóng tin chàng phương xa
Eo xèo chì bắc rầy rà
Vững chân bàn thạch – nàng là Vọng Phu

[590] Hóa thành núi đá ngàn thu
Trông ra cửa biển mịt mù lửa binh
Vào thời đất nước chiến chinh
Bao chàng trai Việt đáp tình non sông
Giã nhà thực hiện nghĩa công

[595] Tỏ phần “biến hóa” của Rồng là đây
Gia đình – nền tảng dựng xây
Việc chung làm trọng niềm tây phải nhường
Quê hương lâm cảnh tai ương
Giúp chồng – ra tuyến tiền phương diệt thù

[600] Hậu phương – em tiếp quân nhu
Ấm con mong đón chiến khu khải hoàn
Nước nhà – phận sự song toàn
Chồng nào vợ nấy – lo toan đắp bồi
Và nền văn hóa thẳng ngời

[605] Chức năng nam nữ – hiệp đôi Tiên Rồng
Gia đình thể hiện việc công
Tình nhà tình nước – vợ chồng cùng xây
Khác nền văn hóa phương Tây
Phong trào giải phóng đã gây sai lầm

[610] Con người – tan nát lương tâm
Cộng đồng cực hóa – dương âm một chiều

Ngụy danh – chính sách thủ tiêu
Chức năng làm mẹ – tạo điều kiện cơ
 Khiến người con gái bơ vơ
[615] Hóa thân đực rựa – hững hờ quyền sinh
 Phá tan hạnh phúc gia đình
 Biến thành loài thú đực tình mà thôi
 Trầu Cau – nền tảng lừa dối
Thương nhau trọn kiếp – chết rồi vẫn thương
[620] Như em – gia đạo kính nhường
Hóa thành Người Đá – thăng hương chan hòa
 Vọng Phu – trọn đạo nước nhà
 Biến lên Núi Đá – thăng hoa trọn đời
 Tổ Tiên nhấn nhủ những lời
[625] Chức năng cha mẹ – góp đời Đứa Con
 Chẳng như cảnh vợ chồng son
Đứa Con – biểu tượng Sống Còn Nước Dân
 Nói lên điểm phúc tuyệt trần
 Góp cho xã hội – sứ nhân Con Người
[630] Kìa trông thiếu phụ đôi mươi
Thương chồng – thương với tiếng cười trẻ thơ
 Đảm đang kết chỉ se tơ
Tháng năm sừng sững nàng chờ chinh phu

Đăm chiêu đứng ngóng chiến khu
[635] Mong chàng hăng hái diệt thù cứu nguy
Việc chung – chồng xứng vợ tùy
Tiên Rồng Song Hiệp – hội quy Đồng Bào
Anh thời việc nước đề cao
Giúp em – thể hiện phần nào làm dân
[640] Em ơi – đang gánh góp phần
Giúp anh – làm trọn nghĩa ân với nhà
Nước non – phận sự đôi ta
Cùng nhau gánh vác sơn hà Việt Nam
Nghĩa công – chồng vợ cùng làm
[645] Rồng sống nhờ nước – như Vàm Cỏ Long
Trở tài vùng vẫy khắp giòng
Tổ phần biến hóa – mà hòng gặp Tiên
Non cao Hòn Vọng Phú Yên
Bồng con – nàng đợi đoàn viên cùng chàng
[650] Nước non – cơ nghiệp của nàng
Chàng đi vì nước – vì nàng mà đi
Cho nên lý tưởng thực thi
Tiên Rồng Nền Tảng chẳng vì lợi danh
Chẳng như xã hội hiện hành
[655] Tham gia chiến đấu chỉ tanh mùi tiền

Tạo ra cảnh sống đảo điên
Nhìn nhau giá trị đồng tiền mà thôi
Tích truyền – hướng dẫn khúc nhô
Chồng nào vợ nấy – xứng đôi Tiên Rồng



Tác giả là Thuyết Trình (Keynote Speaker)



Tác giả lãnh Bằng Tưởng lục của Boeing Defense

7. TRƯƠNG CHI



HOA TIÊN RỒNG

[660] Vang lên sóng nước Cửu Long
Tiếng tiêu sào nhớ nổi lòng Trương Chi
Nhặt khoan theo tuổi xuân thì
Rộn ràng chèo chống cũng vì tình nhân
Lênh đênh trôi nổi xa gần
[665] Thuyền rồng lẽ bóng thoáng phần gặp tiên
Cũng ngay trong phút giao duyên
Mỵ Nương – say đắm triền miên tháng ngày
Mơ chàng trai đẹp làng này
Mộng chàng nghệ sĩ tỏ bày tâm tư
[670] Sánh duyên với bậc tiểu thư
Trai tài gái sắc – đẹp như tình hồng
Sớm mai – chớm buổi lập đông
Thiên hương – gặp mặt chàng rồng Trương Chi

Ngỡ ngàng – duyên phận so bì
[675] Gặp chàng tàn phé – nàng thì đứng dung!
Chàng Trương, trái lại thăm mừng
Say mê người đẹp – ngỡ chừng tơ duyên
Thế rồi nhưng nhớ triền miên
Khiến chàng chết gục trong niềm yêu thương
[680] Trái tim – chén ngọc chàng Trương
Đưa đò thổi sáo – hiện trường tình ca
Ước mong xum họp một nhà
Nước non xa cách – tình ta chia lìa
Thương chàng nghệ sĩ canh khuya
[685] Mỵ Nương nhỏ lệ - sao kìa chén tan
Âm dương – xa cách muôn ngàn
Khi tình song hiệp – hòa chan Tiên Rồng
Tổ Tiên diễn đạt tình hồng
Tích truyền hướng dẫn cộng đồng yêu thương
[690] Trái tim – lẽ sống chàng Trương
Căn nguyên hạnh phúc – tổ tông là đây
Con Người – nền tảng xum vầy
Tình yêu – nguyên tắc dựng xây cuộc đời
Sống trong xã hội đương thời
[695] Lắm tên tàn ác – sống rời thương yêu

Nguyên do khoa học lầm điều
Con người phản xạ theo chiều thú y
Tạo ra xã hội suy vi
Yếu thua mạnh thắng – là vì không yêu
[700] Đấu tranh giai cấp khê nhiêu
Làm cho đời sống thủ tiêu Tình Người
Tiên Rồng chánh thuyết tuyệt vời
Thân Thương Bình Đảng là lời sống chung
Trở thành nguyên lý tốt cùng
[705] Toàn dân chung hưởng – khắp vùng yêu thương
Trải qua thời buổi nhiều nhương
Lai căng văn hóa khinh thường tình yêu
Tống Nho – lập luận một chiều
Trọng nam khinh nữ – xóa điều Trầu Cau
[710] Môn đảng hộ đối – mè màu
Phá tan chánh thuyết – còn đâu Chữ Đồng
Gia đình – phân hóa vợ chồng
Tam tông tứ đức – Tiên Rồng lãng quên
Chữ Đồng – nền tảng nói lên
[715] Gặp nhau trọn vẹn – đôi bên “đi tìm”
Con người sống thực trong tim
Tiên Rồng hoàn chỉnh – đắm chìm tình yêu

Trương Chi – khác hẳn một điều
Hai người đôi ngả – tình nhiều trái ngang
[720] Thương ai trong cảnh phũ phàng
Nhớ ai mà nhớ có nàng My Nương
Trở về sinh hoạt – ngày thường
Chàng Trương – ray rút nhớ thương cô nàng
Tương tư lá ngọc cành vàng
[725] Dẫn chàng tiến tới thiên đàng tình yêu
Mộng mơ nhan sắc diễm kiều
Khiến chàng chết đứng trong chiều thu sương
Trái tim hóa ngọc yêu thương
Giúp chàng sống mãi trên đường ái ân
[730] Quản chi năm tháng tảo tần
Đưa dò thổi sáo đơn thân đợi chờ
Tích truyền – người đẹp mộng mơ
Sống trong nhung lụa – nàng chờ bóng ai
Chiêm bao hiện rõ hình hài
[735] Về chàng nghệ sĩ xấu trai hôm nào
Bởi nàng trả giá thấp cao
Khiến chàng gục chết – để vào tình thương
Làm người sáng tỏ bước đường
Sống thiêng thác gợi – tình tường nơi đây

[740] Lạ thay! Tình được xum vầy
Khi nàng bật khóc đáp đầy tình yêu
Lạ thay – người đẹp diễm kiều
Vừa rơi giọt lệ mỹ miều khóc thương
Phút giây nhắc nhớ chàng Trương

[745] Chén tan tình trọn – âm dương hợp hòa
Tích truyền – nhắc đến thăng hoa
Cảm thông chấp nhận – nhạt nhòa tình yêu
Cuộc tình gắn bó sớm chiều
Cho nhau trọn vẹn – sống điều Thân Thương

[750] Tình-chân-thiện-mỹ là đường
Con người sống thực – kỷ cương thuận hòa





Tượng Đài Đức Mẹ La Vang

B. BỐN KINH SỐNG THỰC



Trước khi chúng ta tiếp tục khai triển “Bộ Bốn Sống Thực” và “Bộ Hai Phục Hưng,” xin được nhắc lại tổng kết sơ lược “Bộ Ba Nền Tảng” của Chính Thuyết Tiên Rồng – một tuyệt tác chính trị của Tổ Tiên Việt Nam.

- Tiên Rồng, Chữ Đòng, Trầu Cau là Bộ Ba Nền Tảng, sở dĩ gọi là nền tảng vì chúng ta có được nhận diện hay định nghĩa về một con người thật và một cộng đồng xã hội một cách hoàn chỉnh, tổng hợp, toàn diện, đúng thực.

Đúc kết nét đặc thù và khai thác các truyền tích truyền khẩu sẵn có mang trong lòng dân tộc qua bao ngàn năm lịch sử, chúng ta có được một hệ thống tư tưởng chỉ đạo sống động và hiện thực, được gọi là Sinh Thức Tiên Rồng, một hệ thống tư tưởng chỉ đạo cho toàn dân rất sống động và hiện thực – Hệ Tiên Rồng.

Từ đây chúng ta có được Nguyên Lý Tiên Rồng Song Hiệp để áp dụng vào cấu trúc tổ chức cộng đồng xã hội Bọc Mẹ Trăm Con, xã hội đồng bào, xã hội anh em mà không một văn

KINH

hóa hay tôn giáo nào có thể đạt đến cấu trúc tổ chức và lãnh đạo đồng bào.

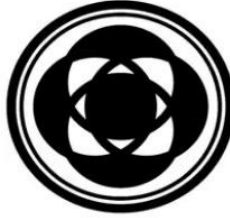
Nhân đây Phạm Văn Bản tuyên bố rằng mình chỉ “Đi Tìm Mùa Xuân Cho Dân Tộc,” – là người đi tìm chân lý, và may mắn đã gặp gỡ chân lý ấy ẩn tàng trong 9 câu chuyện truyền miệng sẵn có trong lòng Dân Tộc Việt Nam. Vì thế chúng tôi xin mời các bạn cùng cầm chìa khóa cánh cửa tâm tư, để cùng mở và bước vào kho tàng văn hóa ưu việt, để cùng tìm kiếm lại những ý tưởng báu vật làm gia tài của Tổ Tiên truyền lại.

Đặc biệt chúng ta là người khởi xướng Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên, sau hơn bốn ngàn năm Dựng Nước và Giữ Nước mà bao lớp cha anh chưa thực hiện hoàn thành ước nguyện chung của Dân Tộc Việt trong công việc làm cho dân giàu nước đẹp.

Sau đây chúng ta tiếp tục đào sâu hai truyền tích Tiết Liêu và An Tiêm tới tận ý nghĩa thâm thúy nhất, có thể có. Chúng ta cũng rút tĩa kinh nghiệm về việc Dựng Nước – Dựng Làng của hai chàng rồng này, và cũng đừng quên chuyện “tiên nào rồng nấy.”

Gọi là Tự Lập, thì chúng ta cần (1) Lập Quốc như Tiết Liêu (2) Lập Làng như An Tiêm (3) Lập Gia như Vọng Phu (4) Lập Thân như Trương Chi.

4. BÀI HỌC TIẾT LIÊU



HOA TIÊN RỒNG

Nếu như Chủ Đổng đề ra nguyên tắc phát triển xã hội, thì Tiết Liêu định đặt việc Thịnh Nước An Dân. Vua Cha muốn truyền ngôi, đã hướng dẫn chúng ta đi tìm lễ vật dâng kính Tổ Tiên. Đang khi nhiều văn hóa khác lại cổ vũ bạo lực, điều binh khiển tướng đi chinh phục lân bang và kiếm nhiều thủ cấp của dân láng giềng, hoặc bắt người về làm nô lệ.

Trước hết, Tiết Liêu có tinh thần dân tộc (thờ kính Tổ Tiên), làm con hiếu thảo (đặt gia đình là nền tảng căn bản, là gốc của nước như Trầu Cau), không màng sang giàu nhưng biết lo cho dân (lấy gạo làm căn bản cuộc sống ấm no của dân), có sáng kiến và phát triển kinh tế (gạo nấu cơm để lâu dễ thiu, nhưng làm bánh dày bánh chưng thì để dành trong thời gian dài hơn), lại mang đầy đủ ý nghĩa của đạo Trời đạo Đất.

Xin hỏi, con người như thế không đáng thịnh nước an dân đó sao? Không xứng tầm tổ chức và lãnh đạo chính trị?

KINH

Khi các hoàng tử lên đường đi tìm của lễ vọng ngoại phương xa, Tiết Liêu vì hiếu chàng ở nhà (stay home) lo cho mẹ lâm bệnh dịch Cô Vi. Vì bình tâm sáng tạo Tiết Liêu đã gặp Tổ hiển hiện và chỉ cách làm bánh dày bánh chưng, lại mang đủ ý nghĩa đời sống Đạo Đức Tiên Rồng của toàn dân.

Vâng Lời Tô, Tiết Liêu làm bánh dày bánh chưng là chàng đã đem hết tâm thành, hết tài trí, hết sức lực để thực hiện truyền thống đạo đức siêu việt của dân tộc. Chẳng những Tiết Liêu làm ổn định đời sống người dân, mà còn biết xử dụng quyền lực nhằm bảo đảm và giảm bớt những cách ngăn, những chướng ngại trong cuộc sống chung.

Chàng dùng luật lệ giúp mọi người thực sự san sẻ tài năng của cải cho nhau, nhằm thoát nạn bất công hay cách biệt giàu nghèo như bao xã hội hiện hành.

Dấu chỉ của độc tài thống trị là hận thù chia rẽ, đấu tranh giai cấp, chia dân để trị. Để đạt đến quyền lợi cai trị, nhà cầm quyền làm phân tán đại chúng, làm cho người dân trở thành đơn độc, bơ vơ, lạc lõng không nơi nương tựa.

Và khi dân chúng trở thành con số đơn độc như an sinh xã hội, thì lúc đó quyền lực thống trị dễ bề thao túng áp bức và chiếm đoạt tài sản quốc gia mà đặc quyền đặc lợi.

Tiết Liêu cũng xử dụng quyền lực, tuy có thể gây phiền toái cho số người, nhưng cần thiết để bảo đảm cuộc sống chung, giúp mọi người thừa hưởng lợi ích, tạo cuộc sống chung, cộng đồng đồng tiến trong một Xã Hội Đồng Bào. Và từ đó toàn dân kết thành một khối đồng nhất, đồng thuận với chính quyền để tạo dựng nếp sống hương vị, dinh dưỡng, tồn tại lâu đời.

Cái tài của Tiết Liêu, của người làm việc nước là “Tài biết tin tưởng vào dân nước, Tài giúp dân sống thực truyền thống dân tộc, Tài thấu hiểu nhu cầu thực tế của dân, Tài cải tiến cuộc sống người dân.

Trong hoạt động phục vụ dân nước, với 4 tài năng, thì tài cải tiến cuộc sống người dân là công tác thực tiễn và đa đoan.

Tiết Liêu chẳng những nấu xôi chín, tức là làm cho cuộc sống người dân đầy đủ đúng mức, mà cố gắng quết giã cho tất cả trộn lẫn vào nhau, và xôi quánh lại một khối thơm ngon. Nghĩa là chúng ta dùng quyền lực làm cho mọi người cùng nhau chia sẻ tài năng và của cải, giúp đỡ đùm bọc nhau trong đời sống Tiên Rồng, ở thời bình cũng như thời loạn.



HIỆN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA



Bàn Thờ Đức Nguyễn Trãi

5. BÀI HỌC AN TIÊM



HOA TIÊN RÒNG

Chuyện quả dưa đỏ đã hình thành bài học dựng làng. Thà bị Vua Cha đày oan còn hơn là trốn theo tàu buôn về đất liền làm giặc. Nhưng khi có được thành quả lao động với những trái dưa hầu là loại của ngon vật lạ ở nơi hải đảo xa xôi, An Tiêm đã gọi về dâng vua biểu nước.

Từ đó dân ta, đặc biệt vùng miền khô cát nóng có được món ăn tươi mát, bổ dưỡng, thơm ngon. Chàng ròng này chẳng đáng mặt thịnh nước an dân sao?

Dưới khía cạnh kinh tế, chúng ta có thể nói Tiết Liêu phát triển trên đất, nội địa thì An Tiêm phát triển vùng biển, ngoại thương.

Việc phát triển Nước của Chủ Đồng thì người chủ động là thành phần Tiên (Tiên Dung). Nhưng trong việc phát triển

KINH

Làng, tuy cũng là Tiên Rồng nhưng phần chủ động và đặc trách công tác lại khác biệt nhau, đó là thành phần Rồng.

Tiên chủ động trong việc Phát Triển Nước, là yếu tố Trường Cửu, truyền thống dân tộc, lòng dân song hiệp với nước là chính yếu, là động lực nhằm vận động mọi người xây dựng kiến thiết quốc gia.

Cũng vậy, việc Phát Triển Làng và đời sống người dân, tuy cần có sức sống và tinh thần chung của dân tộc, nhưng thành phần Rồng chủ động. Và An Tiêm nhấn mạnh tới cuộc sống thực tế, tài năng của cải trước mắt, là yếu tố Biến Hóa.

Theo truyền tích: “An Tiêm con nuôi của Vua Hùng bị đày ra đảo hoang,” Tổ Tiên giới thiệu quan niệm đặc biệt về vị trí của người dân lập làng, bị đày ra đảo hoang xa cách triều đình. An Tiêm tự lực cánh sinh, tự túc tự cường, tự chủ tự quyết thì lúc đó dân tộc mới có tự do dân chủ và nhân quyền.

Với truyền thuyết An Tiêm, Tổ Tiên giới thiệu nếp sống đặc biệt của làng thôn Việt Nam. Khác biệt với tổ chức chính trị của các văn hóa khác, quyền hạn vua quan ta chẳng những không can thiệp trực tiếp vào đời sống từng người, mà cũng không xâm phạm vào nếp sinh hoạt của làng thôn.

Đối với triều đình, mỗi làng được xem là một hải đảo ở tận ngoài biển khơi, người dân phải tự quyết tự lập cho chính mình. Đây chính là chế độ tự do dân chủ thực sự của làng xã Việt, bởi “Phép vua thua lệ làng.”

Nếu chỉ để thu tích của cải lợi lộc vật chất, dù dưới bất cứ hình thức nào như chủ trương của xâm lăng đế quốc, tư bản hay cộng sản thì cũng không giúp ích gì cho con người, mà

còn tạo ra cho chúng ta thêm khốn khổ, biến chúng ta thành nô lệ, thú tiến bộ hay sinh vật kinh tế.

Làng Nước Việt Nam là một hệ thống cấu trúc sinh hoạt độc lập tự do. Nếp sống thân thương bình đẳng, làng thôn tự thành nơi bảo toàn lực lượng dân quân, bảo vệ, nung đúc tinh thần yêu nước của toàn dân, và cũng là nơi bảo tồn đời sống dân chủ thuần túy trong thời bình cũng như thời loạn.

Đặc tính của định chế Làng Nước, là người dân tự ý tới ở và quy tụ thành làng. Tuy cách khởi lập có khác nhau, nhưng điều kiện tiên quyết trong việc dựng làng là lợi ích tự quyết của những người quy tụ, chớ không dùng quyền hành mà bắt buộc ai.

Làng được thành lập không chỉ vì lợi ích vật chất, biến nơi khô cằn hoang vu thành miền phì nhiêu trù phú, mà còn vì lợi ích tinh thần. Làng giúp cho người dân thoát nạn sống cảnh bơ vơ, thiếu nơi nương tựa, giúp cho mọi người có cuộc sống ấm no xum họp trong một xã hội anh em Đồng Bào.

Tự họp thành làng, mọi người chia sẻ cảnh sống vui buồn sướng khổ có nhau, giúp nhau vượt thắng những khó khăn, cùng nhau gánh vác trách nhiệm, cùng nhau xây đắp cho đời, cho làng cho nước ngày thêm giàu đẹp.

Và cũng không một thường dân nào bị bó buộc phải cư trú tại một nơi nhất định; dân chúng có thể tùy thích tới ở hay tự ý bỏ đi, miễn là tự quyết và chấp nhận Lệ Làng là nơi mình muốn gia nhập cư ngụ.

Khác với tổ chức chính trị của nhiều quốc gia, quyền hạn vua quan Việt chẳng những không can thiệp vào đời sống từng

KINH

người dân, mà cũng không xâm phạm vào nếp sống sinh hoạt của các làng thôn. Đối với triều đình, mỗi làng Việt là một quốc gia thu hẹp có chủ quyền và độc lập; việc làng thì dân chúng tự lập và tự quyết.

Làng tự lập, có một ban quản trị riêng do chính dân bầu ra, điều lệ riêng cho hệ thống hành chính của làng. Làng có một ngôi đình để thờ Thành Hoàng riêng, với nghi thức tế lễ do truyền thống riêng.

Làng có tổ chức trị an riêng với tiêu chuẩn thưởng phạt do làng quy định. Làng cũng có tài sản riêng và toàn quyền xử dụng ngân sách theo nhu cầu.

Khi góp phần vào việc nước, làng là đơn vị đại diện người dân. Theo truyền thống chính trị Tiên Rồng, người dân không trực tiếp với vua quan mà qua làng trong tất cả mọi việc, từ tiếp xúc, lệnh truyền, tới sưu thuế, lính tráng. Nước chỉ căn cứ vào làng, liên lạc với làng, và theo khả năng của làng mà định phần đóng góp.

Làng thôn Việt Nam không phải là nếp sống ngẫu nhiên, mà được Tổ Tiên tạo thành một thể chế chính trị độc đáo, nhân bản tuyệt vời và được gọi là Định Chế Làng Nước.

Tổ Tiên phân biệt rõ ràng hai loại công tác chính trị, việc làng việc nước là hai việc khác nhau, khác biệt từ phần chủ động tới cấp độ dần thân, khả năng tài trí, và các vấn đề nhu yếu khác. Bởi thế chúng ta có hai loại công tác làng và công tác nước.

Người dân ai cũng có thể làm việc làng, và ai cũng có quyền can dự vào việc tổ chức, điều hành, bầu cử, hay quyết định của làng.

Nhưng để đủ tầm vóc để làm việc nước thì người đó phải học hành ở trường sở, phải thông thạo những khoa chính trị thịnh nước an dân, và thi cử như thi hương, thi hội, thi đình để xác định khả năng tài trí của người làm quan.

Với chủ trương chính đáng về bổn phận của người lãnh đạo, vua quan trong thể chế làng nước, việc chung được quan niệm và thực sự là việc giúp ích cho mọi người.

Khi vua quan đem hết tâm hồn và tài trí chăm lo cho toàn dân hạnh phúc, và khi người dân được thực sự sống trong tự do dân chủ đúng nghĩa, thì đóng góp vào việc chung là một đồng tâm hiệp lực, một tương trợ cần thiết để bảo đảm cho hạnh phúc chung của nhau.

Đi làm việc chung chính là ta đem tài trí giúp ích cho đời.

Tuy nhiên, nhiều khi việc chung cũng vượt quá nếp sống thường ngày và ít mang lại kết quả lợi lộc trước mắt. Vào thời loạn, gánh vác việc chung còn kèm theo cả nguy hiểm tánh mạng, do đó việc chung thường đòi hỏi tầm nhìn xa trông rộng, và cũng thường làm nhiều người ái ngại.

Nhìn vào lịch sử chúng ta thấy rằng vua quan cũng xây thành, nhưng thành thị không phải là nơi tập trung sức nước. Thủ đô hay thủ phủ cũng chỉ là cái làng lớn với số cơ sở thích ứng, cần thiết cho nhu cầu hành chánh, nghi lễ ngoại giao.

KINH

Khi nguy cấp, vua quan sẵn sàng bỏ thủ đô mà về chiến đấu trong địa bàn làng xã mà chống giặc cứu nước, và không ảnh hưởng tới dữ kiện mất nước. Do đó làng là trung tâm sinh hoạt tự lập tự chủ của mọi người dân, mà cũng là sức mạnh của toàn thể đất nước.

Dưới khía cạnh quân sự làng là nơi đào tạo huấn luyện toàn dân trở thành nghĩa sĩ, có hệ thống canh gác nghiêm ngặt, có lớp người túc trực, có những lò võ thuật tạo ra nhiều cấp lãnh đạo chỉ huy tài ba. Làng cũng là nơi phát xuất sức mạnh dân tộc về mọi phương diện.



Bàn Thờ Đức Định Bộ Lĩnh

6. BÀI HỌC VỌNG PHU



HOA TIÊN RỒNG

Trên quê hương ta, nhiều núi đá được gọi là Hòn Vọng Phu. Từ Đồng Đăng ở Lạng Sơn, xuống tới Thanh Hóa, Bình Định, Khánh Hòa, vào mãi tới Hà Tiên, và ra tận Côn Sơn, nơi nào cũng có Hòn Vọng Phu. Trên khắp đất nước và trong suốt dòng lịch sử, không có một sự tích nào lại được đem đặt tên cho nhiều danh sơn thắng cảnh là Hòn Vọng Phu.

Sự phổ biến sâu rộng của chuyện tích, và nhất là việc trở thành địa danh cho nhiều đồi núi trên toàn đất nước, chứng tỏ truyện tích Vọng Phu đã chiếm một địa vị quan trọng trong tâm hồn và nếp sống dân Việt.

Ngoài ra, cũng như Người Em trong truyện tích Trầu Cau, nàng Vọng Phu cũng hóa thành đá. Chuyện người hóa đá, nhất

KINH

là hóa thành ngọn núi cao, là dấu chỉ của biểu tượng những bài học quý báu của Tổ Tiên.

- Tình Yêu Thể Hiện

Đứa con vừa là hình ảnh hạnh phúc gia đình, vừa là biểu hiệu của vinh dự và trách nhiệm, vật chất lẫn tinh thần, của những người được diễm phúc sinh dựng thêm một Con Người.

Với đứa con, tình yêu phối hợp của hai vợ chồng được sống thực và kết quả. Nơi đứa con, hai cuộc sống, hai tâm hồn, hai con người, đã hòa hiệp thành một cuộc sống tự tại mới.

Đứa con là tình yêu thể hiện của hai vợ chồng, là thực tại của Tiên Rồng song hiệp. Vì vậy, chẳng những đứa con đã không ngăn trở, mà còn tăng thêm sự kết hiệp của hai vợ chồng, trong tình yêu cũng như trong cuộc sống.

- Chức Năng Nam Nữ

Hai vợ chồng vui sướng bên đứa con thơ, cuộc sống thật tuyệt vời. Nhưng hạnh phúc của gia đình đầm ấm đã không làm hai người quên những bổn phận khác.

Đã quen với nếp sống nâng đỡ đùm bọc nhau của đại gia đình và của làng xóm, họ nhận biết rằng sở dĩ họ được yên vui là nhờ nhiều người khác đang tham gia vào việc chung, đang đánh giặc ngoài tiền tuyến để giữ làng giữ nước, để giúp cho họ có được một cuộc sống tự do thanh bình ở hậu phương.

Cũng vì vậy họ luôn luôn sẵn sàng đóng góp phần họ. Và rồi, khi tới dịp, người chồng đã ra đi làm bổn phận công dân.

Ở các văn hóa khác, việc làng nước, việc chung thường được coi là công tác phục vụ cho giai cấp thống trị. Trái lại, trong văn hóa Việt, với chủ trương chính đáng về bổn phận vua quan và thể chế làng nước.

Việc chung được quan niệm và thực sự là việc giúp ích cho mọi người. Khi vua quan cư xử như cha mẹ, đem hết tâm hồn và tài trí chăm lo cho người dân được hạnh phúc (Chữ Đổng, Tiết Liêu), và khi người dân được thực sự sống trong tự do và dân chủ đúng nghĩa (An Tiêm), thì đóng góp vào việc chung chính là một đồng tâm hiệp lực, một tương trợ cần thiết, để bảo đảm nếp sống hạnh phúc chung của nhau.

Đi làm việc chung chính là đem tài trí giúp ích cho đời. Tuy nhiên, việc chung nhiều khi lại vượt quá nếp sống thường ngày và ít có kết quả lợi lộc ngay trước mắt.

Vào thời loạn, gánh vác việc chung còn kèm theo cả nguy hiểm tánh mạng. Do đó, việc chung thường đòi hỏi tầm nhìn xa rộng, và cũng thường làm nhiều người ái ngại.

Vì vậy, việc cưỡng bách, dưới một số hình thức, cũng là chuyện thường tình. Và cũng vì vậy, dần thân làm việc chung luôn được mọi người coi là một hành động đáng khâm phục.

- Việc Nhà

Truyện tích Vọng Phu chú trọng đến người vợ hiền đang ở lại nhà. Tâm trạng và công việc của người ở nhà cũng không phải nhẹ nhàng. Chồng đã ra đi, người vợ phải tự lo liệu cho cuộc sống của chính nàng.

KINH

Trước kia, khi chồng ở nhà, có nhiều việc nàng không cần động tay, không cần nghĩ tới. Giờ đây, một mình nàng phải cáng đáng tất cả.

Trước kia thì chồng cày vợ cấy, bây giờ để em cày em cấy mặc lòng em đây. Công việc chẳng những nặng nhọc hơn, mà còn cô quạnh buồn tẻ hơn nhiều.

Nỗi cô đơn đó còn tăng thêm gấp bội, khi nàng còn phải một mình chăm sóc con thơ. Chẳng những phải lo ăn mặc, thuốc men mà còn phải dạy dỗ cho con nên người.

Trước kia nàng chỉ là bà mẹ hiền, giờ đây nàng phải gánh luôn vai trò của người cha nghiêm... Công việc, trách nhiệm và nỗi cô đơn vây bọc người ở nhà.

Ngoài ra, nàng còn có trách nhiệm đối với đại gia đình. Dĩ nhiên, nàng cũng được họ hàng thân thích giúp tay đỡ đần.

Nhưng không phải vì vậy mà nàng có thể quên phần vụ của mình trong đại gia đình. Lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng.

- Chia Nhau Công Tác

Ở thời suy thoái, quan niệm gái việc nhà trai việc nước đã bị cực hóa đến độ phụ nữ bị nhốt trong bốn vách tường. Trong khi đó, đàn ông lộng hành, coi mình vượt xa trên nữ giới.

Tuy nhiên, ca dao tục ngữ, cũng như quan niệm về nếp sống bình dân, tức là những phản ảnh trung thực của văn hóa Việt, luôn luôn thể hiện tinh thần Vọng Phu.

Ca dao Việt Nam:

- Anh đi em ở lại nhà
Hai vai gánh vác
ác mẹ già con thơ
Làm than bao quản nắng mưa
Anh đi anh cố chen đưa với đời
- Anh ơi phải lính thì đi
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em
Tháng chạp là tiết trồng khoai
Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà
Tháng ba cày vỡ ruộng ra
Tháng tư gieo mạ thuận hòa mọi nơi
Đến khi gặt hái xong rồi
Trời đổ mưa xuống nước trôi đầy đồng
Anh ơi giữ lấy việc công
Để em cày cấy mặc lòng em đây

Người vợ Việt luôn ý thức rõ ràng bổn phận của mỗi người, của chồng cũng như của chính nàng, đối với việc chung. Nhưng nàng cũng ý thức rằng trong thực tế, chàng có nhiều điều kiện hơn nàng để lo việc chung, cũng như nàng có nhiều thuận lợi để lo việc nhà hơn chàng.

Vì vậy, thay vì mỗi người phải tự mình làm tròn nhiệm vụ vừa đối với nhà vừa đối với nước, người phụ nữ Việt đã mạnh dạn thúc dục chồng ra đi lo việc nước, gánh thêm phần vụ việc chung của nàng, trong khi nàng khẳng khái đứng ra lãnh phần chu toàn việc nhà thay cho chàng.

Mỗi người tùy theo cấu trúc và điều kiện thuận hợp riêng, mà chu toàn công tác ứng hợp với khả năng mình. Chính nhờ chia nhau công tác, nhờ phân công theo chức năng, mà cuộc

KINH

sống bớt khó khăn, bớt nặng nhọc, và thêm vui tươi, thêm trọn vẹn, thêm hạnh phúc.

- **Bổ Túc Hồ Tương**

Như vậy Vọng Phu xóa bỏ sự phân cách giả tạo giữ những đặc tính nam nữ. Vì không thấy Con Người trong việc phối hiệp vợ chồng, mà chỉ thấy từng cá nhân đơn độc, nên những dị biệt nam nữ đã trở thành dấu hiệu chia cách, hơn là sự mời gọi hiệp nhất.

Sự phân cách đó đã đưa tới hậu quả tai hại như trọng nam khinh nữ, coi việc chung là đặc quyền của nam nhi, coi phụ nữ chỉ xứng đáng quay mặt vào bếp, nuôi con thờ chồng.

Trái lại Vọng Phu nhấn mạnh tới sự hiệp nhất bổ túc hồ tương giữa nam và nữ. Chàng đi lo việc nước, không phải chỉ vì đó là bổn phận của người trai, mà còn vì chàng được nàng ủy thác.

Cũng vậy, chàng ra đi không phải để trốn tránh việc nhà, mà vì đã có nàng gánh vác thay chàng.

Trong chàng có nàng và trong nàng có chàng.

Mỗi người đều ủy thác và nhận ủy thác. Họ phân công trong toàn bộ, trong liên nhiệm của hai người đã hiệp nhất Thành Một Đơn Vị xã hội.

- **Gia Đình Và Con Người**

Chàng đã lên đường. Với hệ thống giao thông và liên lạc thô sơ thời xưa, ra đi là biệt tăm.

Vì vậy, nàng chờ chàng từng ngày. Chiều chiều, khi công việc nhà đã tạm yên, nàng bông con đứng ngóng, mong được thấy bóng chồng thấp thoáng ở cuối chân trời.

Có hình ảnh nào cảm động bằng cảnh người vợ hiền bông con đứng ngóng chồng trong lúc chiều tà. Hình ảnh đó bộc lộ niềm nhớ thương và chung thủy của nàng. Bông con, qua đứa con, nàng đang ôm ấp mối tình dạt dào của hai vợ chồng.

Bóng hai mẹ con kéo dài trên mặt đất càng tô đậm nỗi cô đơn lạnh lẽo của nàng trong lúc đêm về.

Nàng chờ, chờ từng ngày, từng đêm. Sự thiếu vắng của chàng trong cuộc sống hàng ngày, trong những sinh hoạt cần có chàng, lại càng làm nàng thương nhớ nhiều hơn.

Tuy vắng mặt, nhưng chàng vẫn luôn luôn hiện diện trong tâm tưởng, trong cuộc sống của nàng.

- Có Nhau Từng Ngày

Sự thương nhớ này chẳng những nói lên tình yêu thương chung thủy, mà còn bộc lộ một đặc tính thiết yếu của Tình Vợ Chồng.

Tình vợ chồng chẳng những kết hiệp hai thể xác và hai tâm hồn, mà còn phải luôn được thể hiện trong cuộc sống từng ngày.

Tình yêu chỉ thực sự bền vững khi con người Có Nhau Từng Ngày, chấp nhận nhau từng ngày và chia sẻ với nhau cuộc sống từng ngày của nhau.

KINH

Chỉ khi nào hai người có nhau từng ngày, tin tưởng vào quyết tâm thể hiện thực sự tình yêu cho nhau, bất chấp thời gian, bất chấp hoàn cảnh, thì khi đó tình yêu mới trọn vẹn, đời sống vợ chồng mới thực sự hạnh phúc, tràn đầy, và tăng triển.

- Gia Đình Thiết Yếu

Hơn nữa, việc nàng nhớ chàng từng ngày lại nhấn mạnh tới sự thiếu vắng khi người chồng đã ra đi.

Hai mẹ con không thể yên tâm vui sống khi vắng chồng vắng cha. Sự thiếu vắng này chẳng những không suy giảm mà còn gia tăng với thời gian.

Nàng thiếu chàng, nàng chờ chàng. Nhưng không chỉ chờ vì thương nhớ, mà còn chờ chàng sớm làm xong phận vụ của chàng.

Trong khi thay chồng làm việc nhà, nàng tin chắc chàng cũng đang chu toàn phần việc chung của cả hai người. Hình bóng chàng về, không chỉ là hình bóng của người chồng thân yêu, mà còn đậm nét hiên ngang của một chàng trai Việt trở về, sau khi chu toàn bổn phận của mình và của gia đình đối với làng nước.

Đây là tuyệt đỉnh tôn vinh tính cách thiết yếu và trường cửu của gia đình. Chỉ khi nào là thành phần của một gia đình, với yhai cuộc sống vợ chồng hiệp nhất, thì Con Người mới thực sự sống trọn vẹn cuộc sống của mình.

Gia Đình Là Nền Tảng Cuộc Sống Con Người.

- Thiên Chức Làm Mẹ

Nàng bông con chờ chồng đến nỗi cả hai mẹ con đều hóa thành đá.

Nếu là thực tế, thì sau độ mười năm, đứa con đã khôn lớn, nhưng trong Vọng Phu, mẹ vẫn bông con dẫu đã ngàn năm. Đây chính là hình ảnh tô đậm trách nhiệm và niềm tự hào của thiên chức làm mẹ.

Cho đến ngàn năm, nàng vẫn hãnh diện và nâng niu cái điểm phúc cảm nhận mình đang bảo bọc, nuôi dưỡng và dạy dỗ con thơ ngay trong chính bản thân mình.

Sự yêu thương đùm bọc đó không chỉ hiện hữu khi đứa con còn bé bỏng, mà lại gia tăng theo thời gian và kéo dài tới ngàn năm.

- Có Mãi Ngàn Năm

Chuyện hai mẹ con chờ chồng chờ cha đến thành hóa đá còn nói lên sự quý trọng và quan niệm sống nền tảng của văn hóa Việt.

Trong Chính Thuyết Tiên Rồng, người Em ở Trầu Cau đã chết cho gia đình người anh, nên thành tảng đá vôi; nàng Mỹ Châu vì quá thương chồng mà máu hóa ngọc trai; Trương Chi ôm mối tình câm chung thủy, nên tim cũng thành ngọc.

Tất cả những đá ngọc đó, tất cả những kết tinh của tình người đó, lại đều chờ đợi để kết hiệp với người thương. Đá vôi chờ được nhai chung với trầu cau. Tim ngọc của Trương Chi chờ được hòa tan với giọt nước mắt Mỹ Nương. Giọt ngọc

KINH

My Châu lại chờ được ngâm mình trong nước giếng Trọng Thủy. Tất cả đều hóa đá để chờ.

Nàng Vọng Phu cũng chờ. Nàng chờ tới ngàn năm. Cho đến ngàn năm, Tình Vợ Chồng của nàng vẫn bền vững.

Sương gió giải dầu, thời gian mòn mỏi, nhưng chẳng những không làm tiêu hao niềm thương nhớ, mà trái lại, còn làm cho mẹ con nàng, cho chính tình yêu chung thủy của nàng, vươn cao lên thành núi.

- Tạo Thành Đất Nước

Việc hai mẹ con nàng vươn thành núi cao lại là hình ảnh tuyệt vời của địa vị Gia Đình trong cuộc sống Xã Hội.

Núi cao nhắc nhớ Mẹ Tiên đem năm mươi con lên núi, Mẹ Tiên ở núi. Nhưng nơi đây, chính Mẹ đã vươn thành Núi Non, chính Mẹ góp phần cho Đất Nước rộng lớn thêm.

Cha ra đi lo tròn việc Nước, thì Mẹ ở nhà hóa thành Non cao. Nhờ có Mẹ Cha nên mới có Non Nước, giang sơn.

Đất Nước thành hình và phát triển, chính là do những cặp vợ chồng cùng nhau Sống Trọn Tình Nhà Tình Nước, sống trọn Vọng Phu.

- Hòn Vọng Phu

Văn hóa Việt đã luôn sống thực Vọng Phu. Gia Đình luôn chiếm địa vị cao nhất trong xã hội Việt.

Nhờ kết hiệp thành một Gia Đình kiên vững, cả người nam lẫn người nữ mới có thể sống trọn vẹn cuộc sống của chính mình.

Nhờ gia đình, nam nữ chẳng những không xung khắc nhau, mà trái lại, bổ túc nhau để chu toàn mọi chức năng của Con Người. Công tác khác nhau, nhưng tương trợ, hòa hiệp.

Cũng vì tầm quan trọng và thiết yếu bậc nhất của Bài Học Gia Đình, nên bất cứ hình thức nhắc nhở nào, cũng được Tổ Tiên chúng ta đặt tên là Hòn Vọng Phu.

Để diễn tả và tôn vinh vai trò của cả hai vợ chồng, không có hình ảnh nào ý nghĩa và cao quý hơn Hòn Vọng Phu. Không còn hình ảnh nào súc tích và cảm động hơn để nhắc nhở Tình Nghĩa Vợ Chồng bằng Hòn Vọng Phu.

Gia Đình, chớ không phải từng cá nhân, là nền tảng của Cuộc Sống Con Người, và của Tổ Chức Xã Hội Loài Người.





Hành Cung Vũ Lâm – căn cứ quân sự của Nhà Trần trong vùng Hoa Lư để chống giặc Nguyên Mông II

7. BÀI HỌC TRƯƠNG CHI



HOA TIÊN RỒNG

Với Huấn Ca Trương Chi, Tổ Tiên bàn chuyện trái tim, nơi thâm sâu nhất, căn cội hạnh phúc của con người. Chuyện kể chàng chèo đò tàn tật họ Trương có tài thổi sáo, với mỗi tình người đẹp nhà giàu My Nương.

Không tình yêu con người không thể sống.
Trong tình yêu con người luôn sống.
Tình yêu quyết định sự sống con người.

Có tình yêu đời sống con người mới thật là sống, biết sống, và quý trọng sự sống.

My Nương ngày đêm mơ mộng chàng phi công tài ba với tiếng tiêu tiên múa rồng bay, tưởng nhớ hình bóng chàng khôi ngô tuấn tú, tài trí song toàn sẽ ngự trị trong vòng tay ngọc ngà của nàng, ước nguyện cùng nàng chung sống một túp lều

KINH

tranh hai trái tim vàng và cuộc đời thanh nhàn bên bờ sông tương, với sự nghiệp hành nghề đưa đò tiễn khách qua sông.

Trai Tài Gái Sắc! Phi Công Thục Nữ! Môn Đẳng Hộ Đối!
... Nhưng định mệnh phủ phàng vì khi được gặp mặt nhau thì nàng bỗng đứng đưng, vì nhìn chàng khác lạ với người trong mộng!

Nhưng tiếng sét ái tình lại làm Trương Chi thương nhớ ngậm ngùi, say mê ôm mỗi tình cảm. Ôi tình đầu, lãng mạn, đẹp và buồn làm sao! Đã khiến chàng chết trong tử lạnh!

Tình tuyệt vời và tuyệt vọng! Đã biến trái tim chàng thành chén ngọc. Và chàng vẫn mãi chèo đò trong chén ngọc với tiếng tiêu oán thương sầu nhớ người yêu qua mau!

Chàng đã chết vì nàng! Chàng yêu nàng tha thiết! Chàng trọn tình chung thủy với nàng, mà nay vùi thân dưới mộ sâu! Âm dương xa cách!

Nhận tin sét đánh My Nương thẫn thờ, than vắn thở dài và thôi thúc nàng xuất hành tới thăm Trương Chi. Nghe chuyện kể, nàng nhìn chàng lái đò trong chén ngọc mà ngậm ngùi nhỏ lệ. Ô kìa! Chàng chờ nàng được giọt nước mắt của người yêu, chén mới tan, tình mới trọn!

Ai dám bảo Tô Tiên ta khô cằn sỏi đá? Sống lìa xa tâm hồn con người?

Dẫu bất cứ hoàn cảnh hay lý do gì mà đôi nam nữ gặp nhau, ngay cả cảnh ngộ ngộ ngàng hay cuộc sống khác biệt. Nếu hai người biết chấp nhận cho nhau, biết thực tâm tìm hiểu

lẫn nhau, biết cảm thông cho nhau thì cuộc tình mới mỗi ngày tăng trưởng và thêm hạnh phúc.

“Biết nhau bằng con người thật, con người tinh tuyền, con người không bị vật chất, tài của, ngọc ngà châu báu che phủ!” Ngược lại cuộc tình cho dù có được khởi sự tốt đẹp mà mỗi người lại tự đóng khung trong ốc đảo, so sánh hơn thua thì ngày càng xây bức tường ngăn cách và đổ vỡ.

Khi yêu nhau vợ chồng phải ứng dụng nguyên tắc nhận thực chính mình trong cuộc sống hằng ngày, “Chỉ thấy con người, chỉ lấy con người làm tiêu chuẩn căn bản để nhận diện, chớ không vì gái tham tài, trai tham sắc như bao xã hội đương đại.

Ngoài ra vợ chồng còn phải dùng tài năng và của cải để giúp cho nhau thăng tiến trong cuộc sống lứa đôi, chung hưởng cuộc sống, kết hai cuộc sống thành một cho dù bất cứ ở hoàn cảnh nào.

Chấp nhận cho nhau, không vì bất cứ lý do gì mà lìa nhau. Sẵn sàng chết cho nhau. Không buồn phiền giận dữ!

Mãi mãi có nhau. Khi vợ chồng biết đối xử với nhau như vậy thì Tình Yêu mới thực sự trọn vẹn, cuộc sống mỗi ngày tăng thêm hạnh phúc, bền vững bên nhau.

Tóm lại, chuyện chàng rồng Phi Công Phấn Lực chết vì tình, Tổ Tiên xác tín về đời sống Bản Thân, nên tặng hạnh phúc Con Người, và đề ra những nguyên tắc sống thực nhằm bộc lộ và phát triển Tình Yêu của con người trong Xã Hội Đồng Bào, một xã hội mới đích thực!

KINH

Bọc Mẹ Trăm Con: Một là Trăm và 100 mà là 1. Mình sống vì mọi người, và mọi người sống vì mỗi người.

Xin hỏi quý bạn có làm được không vậy? Ai làm được thì ghi danh để Phạm Văn Bản phát bằng Hôn Nhân cho!

Ở cấp Tình Nước, những người an dân thịnh nước như Tiên Dung Chử Đồng thành Tiên, Phù Đổng thành Thần. Tiên, Thần là phần thưởng công, phần thăng hoa hay tinh túy của linh thiêng.

Ở cấp Tình Nhà, Trầu Cau qua chuyện người em hóa đá, máu Mỵ Châu trọn tìn thác chồng thì hóa ngọc, trái tim Trương Chi ôm mối tình câm, chỉ vì con người phân chia đẹp xấu, giàu nghèo thì cũng hóa ngọc. Đá, ngọc là kết tinh, tinh túy của vật chất!

Nói đến cả hai phần vật chất và tinh thần của con người, được thăng hoa thành đá, thành ngọc, thành tiên, thành thần thì chúng ta lại trở về với con người Tiên Rồng – con người thật trong Bộ Ba Nền Tảng!

Vậy có sự an ủi và niềm hãnh diện nào hơn là chúng ta được làm con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng ưu việt – được mệnh danh là Con Cháu Tiên Rồng.

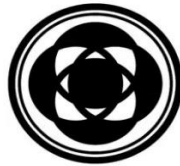


CHƯƠNG IV



SÁCH LƯỢC GIỮ NƯỚC và CỨU NƯỚC

7. MỸ CHÂU Sách Lược Giữ Nước



HOA TIÊN RỒNG

Dương Vương muốn dựng Cổ Loa
Ước mong chống giặc Triệu Đà xâm lăng
Nhưng thành luôn mất thăng bằng
[755] Xây xong lại sụp – bởi rằng yêu tinh

Vương liền cầu khẩn thần linh
Kim Quy – để quốc nể tình giúp cho
Từ đây – thành ốc khỏi lo
Thần còn tặng móng – làm cò cung tên
[760] Bắn ra một phát – sừng rên
Giết ngay vạ giặc lên khên ngoài thành
Triệu Đà – mưu chước khôn ranh
Cầu hòa – xin tặng thêm cành thiên hương
Mỵ Châu Trọng Thủy – yên ương
[765] Thương chồng – nàng lộ hiến chương quốc phòng
Giúp chàng nội gián vào trong
Tráo ngay lẫy nổ – việc xong là về
Cùng cha – qua đánh nhạc thê
Cổ Loa thất thủ ê chề đắng cay
[770] Vương cùng con gái cao bay
Ôm lưng tuấn mã mơ ngày thoát thân
Ngàn trùng đào tẩu tảo tần
Đối phương lại cứ rần rần rượt theo
Vì nàng – lông ngỗng rắc gieo
[775] Giúp chồng Trọng Thủy – bám đeo đuổi hoài!
“Triệu Đà Trọng Thủy” – cả hai
Biểu trưng “đế quốc” – chuỗi dài xâm lăng

Tiên Rồng – vì mất quân bằng
Bởi không “song hiệp” – gia tăng đôi thù
[780] Tích truyền lịch sử nghìn thu
Một lần duy nhất trùng tu vương thành
Tuyên xưng chống giặc đã đành
Nhưng vì thành ốc chỉ dành cho vua
Nguyên nhân công cuộc thắng thua
[785] Tốn hao công quỹ – theo hùa ngoại bang
Chẳng màng cải tiến Nước – Làng
Đã không chăm sóc – lại càng hại dân
Rồi thành sập đổ nhiều lần
Suru cao thuế nặng – muôn phần tốn hao
[790] Bắt dân đắp lũy vét hào
Ruộng nương hoang phế – tăng cao đói nghèo
Tạo ra xã hội cheo leo
Lòng dân than oán – rắc gieo tương tàn
Người người cơ cực làm than
[795] Tham quan những nhiễu lan tràn khắp nơi
Nước – Dân thành chuyện xa vời
Còn chi lý tưởng với lời nói suông
Tướng binh dù có bổng lương
Nhưng vì “hồn nước” đã ruồng bỏ đi

[800] Dân thì “hồn giặc” ám ghi
Mong thay chế độ – thị phi bất cần
An Dương – lại sống xa dân
Chui vào ốc đảo – vinh thân lợi nhà
Kết bè – nhận giặc thông gia

[810] Môn đăng hộ đối – để mà khinh dân
Hôn nhân đình đám rần rần
Xe bao trăm cỗ tổ phần xa hoa
Tiệc tùng quà cáp lụ là
Vui trên xương máu nước nhà – mà thôi

[815] Nỗ thần thành ốc – đủ rồi
Tăng tàu phi pháo – yên ngôi trị vì
Mặc dân – ai khổ can chi
Tin vào vũ khí – cậy vì đồng minh
Giặc kia – mà ngỡ thâm tình

[820] Rước tên nội gián – rập rình săn tin
Còn đầu quân sự giữ gìn
Còn chi bảo mật – thiếu nhìn thanh tra
Việc công – vua đã lơ là
Quên lời Dựng Nước – để mà An Dân

[825] Xa lìa truyền thống tiền nhân
Chạy theo Duy Lợi – vong thân cầu ngoài

Mộng mơ khoa bảng làm “tài”
Cam tâm nô lệ – Chẳng hoài “nước non”
Nuôi thân trả nợ chưa mòn
[830] Sớm khuya hia mả bon chen việc làm
Lâu lâu có buổi họp quan
Vua ngồi vua phán – lam nham ích gì
Toàn dân – xa lánh khinh khi
Vua thời chờ phút sinh thì – mất ngôi
[835] Việc vua việc nước – đơn côi
Một người con gái – thành đôi nghịch thù
Gả nàng – trao đổi – đền bù
Biến con thành giặc cho dù giữ ngại
Hỡi ơi! Tham lợi háo tài
[840] Bán buôn máu huyết hình hài Tổ Tiên
Nhận làm phương tiện – ngang nhiên
Giúp cho giặc chiếm trọn miền quê hương
Ngây thơ chính trị – dẫn đường
Lộ điều bí mật – vì thương người chồng
[845] Cướp xong vào buổi chiều đông
Anh chàng gián điệp – thông dong về nhà
Cùng cha – qua đánh nhạc gia
Phép công là trọng – lộ là niềm riêng

Đất bằng nổi sóng binh khiên
[850] Dân cư tan tác – xóm giềng điêu linh
Dương Vương nay rõ sự tình
Nỏ thần hết nghiệm – tướng binh đầu hàng
Pháo phi thiết kỵ – mọi đảng
Lọt về tay giặc – phũ phàng – hận căm
[855] Ba mươi tháng bốn bảy lăm
Mặc dân sống chết – vua nhằm thoát thân
Ấm con – ôm bạc – nhanh chân
Tìm đường tỵ nạn – cầu ân xú người
Nào đâu chẳng thấy tiếng cười
[860] Con dân địch vận là người ngu ngơ
Lệnh truyền từ “cục e – rò”
Áo choàng lông ngỗng – phát phơ chỉ đường
Chạy qua bao ải dặm trường
Địch quân sao mãi tinh tường rượt theo
[865] An Dương lâm cảnh hiểm nghèo
Truy ra nguyên cố – Giặc đèo sau lưng
Than ôi – nàng Mỹ – con cung
Lông chim đã nhỏ – biểu trưng Tiên tàn
Nhát gươm oan nghiệt – chém tan
[870] Máu nàng – vung vãi lan tràn biển khơi

Đau thương khổ lụy chưa vơi
Chết theo vua chúa – chết đời nước dân
Triệu Đà chiến thắng khắp phần
Chủ trương vô sản – phi nhân phơi bày
[875] Tòan dân cùng cực đọa đày
Người người căm phẫn – chờ ngày vùng lên
Giúp Dân Cứu Nước – xứng tên
Học bài Phù Đổng làm nền dựng xây
Mỵ Châu – dẫn chứng nơi đây
[880] Trước là Hồn Nước – từ rầy chó quen
Tổ là biểu tượng nói lên
Tiên Rồng Chánh Thuyết – dựng nên nước nhà
Tinh thần kết hiệp hài hòa
Tòan Dân Giữ Nước – chính là việc công
[885] An Dương – phản bội Tổ Tông
Không cầu khẩn Tổ – cậy trông người ngoài
Kim Quy – biểu tượng thần tài
Đại cuộc giữ nước – đã sai từ đầu
Hồn lia trước – Nước mất sau
[890] Nỗi đau mất nước – lụy sâu nhà tan
Nước Dân – Đời sống liên can
Mất theo Hồn Nước – lụy tàn Lòng Dân

Mất Dân – thì mất mọi phần
Kể chi thành ốc nỏ thần – thị uy
[895] Cổ Loa – bài học dễ suy
Biểu trưng thành chết – xụp tùy thời gian
Lòng Dân – Sức Nước tương quan
Quốc phòng quân sự – bảo an nước nhà
Phải luôn cải tiến, kiểm tra
[900] Là phần cơ mật – để mà phòng nguy
Tuyệt tin vũ khí Kim Quy
Dương Vương ý lại – tiện tùy ngũ quân
Say men chiến thắng – ngỡ bền
Quên điều cập nhật – sót tên bảo trì!
[905] Nhận con rết giặc – làm gì
Rước vào cung cấm – còn chi quốc phòng
Dương Vương – dầu hưởng thông dong
Nhưng về tay giặc đã xong mọi phần
Chỉ chờ khi giặc xuất quân
[910] Nhà tan nước mất – thoát thân chạy dài
Đồng minh – trở mặt ly khai
Quốc gia xụp đổ – như bài học trên

Tích truyền minh chứng – nói lên:
Phát huy truyền thống – giữ bền non sông
[915] Sống theo Đạo Đức Tiên Rồng
Giúp Dân Giữ Nước – thành công sáng ngời
Hồn – Dân – Sức – Đất ai ơi
Giữ toàn vẹn bốn – Nước thời thịnh an
Mỗi khi nạn nước tràn lan
[920] Giữ Hồn – Dân – Sức phá tan giặc thù
Hồn – Dân – mất Sức cho dù
Muốn mong quật khởi – cần cù có ngay
Mất Dân – Sức – Đất chờ ngày
Giữ Hồn tụ điểm – tỏ bày thành công
[925] Mất Hồn – mọi sự tang bồng
Nước thành xác chết – đừng mong phục hoàn
Mất Hồn – Dân mãi lo toan
Cũng thành công cụ – hoàn toàn gây nguy
Mất Hồn – Dân – Sức ích chi
[930] Thuộc về tay giặc – cũng tùy thời gian
Giữ – Hồn – Dân – Sức liên quan
Theo bài Phù Đổng – ta bàn sâu hơn
Mỵ Châu – phá hoại giang sơn
Tội đền xử chém – làm ơn răn đời

[935] Nước – Nàng không sống trọn lời
Tình Nhà chung thủy – đồng thời thưởng công
Tổ Tiên – phán xử minh thông
Tội làm mất nước – thương chồng mà ra
Máu nàng – được hóa ngọc ngà
[940] Chính là Máu Đá – Tình Nhà thặng hoa
Ngọc trai nước giếng – tâm hòa
Trở nên sáng đẹp – nhật nhòa Thân Thương
Trầu Cau – tích dẫn tổ tông
Thương nhau trọn vẹn – con đường quang vinh
[945] Nước Nhà sống thực – trọn tình
Tiên Rồng Song Hiệp – chứng minh tuyệt vời



9. PHÙ ĐỔNG

Sách Lược Cứu Nước



HOA TIÊN RỒNG

Tích truyền Cứu Nước dẫn lời
Huấn linh Phù Đổng từ thời Hùng Vương
Đề ra Sách Lược tổ tường
[950] Tổ Tiên hướng dẫn con đường Giúp Dân
Xâm lăng với nạn giặc Ân
Vua Hùng tìm cách giải phần nguy cơ
Dùng bao phương thức – nào ngờ
Chẳng ngăn nổi giặc – cõi bờ phá tan
[955] Nhà Vua chợt nhớ lập đàn
Khẩn cầu Quốc Tổ – thương ban nước nhà
Can qua tại chốn ngã ba
Trong cơn giông tố hiện ra Cự Gia

Hình dung cổ quái – múa ca
[960] Râu dài áo đỏ – đậm đà tuyết sơn
Giỡn chơi với đám trẻ con
Rầm rầm chạy nhảy – cười dòn pháo rang
Nhìn qua khung cảnh ngoài đàng
Tuần quan thấy lạ vội vàng tâu vua
[965] Hùng Vương tiến đến kính thưa
Cầu Cự giúp chước – tránh thua quân thù
Cự cười và bảo: “Nhân thu
Nhà vua sai sứ chu du tìm người!”
Vương liền phán đến khắp nơi
[970] Tìm người cứu nước như lời Tổ khuyến
Sứ nhân hăng hái rao truyền:
“Tổ về và bảo thường xuyên đi tìm”
Và làng Phù Đổng đòi sim
Có con trai nhỏ im lìm ba năm
[975] Chẳng đi, cười, nói – chỉ nằm
Tới khi sứ đến viếng thăm làng này
Cậu ta bật dậy trình bày
Xin con ngựa sắt với tay roi dài
Từ đây Cậu Bé trở tài
[980] Lớn mau như thổi – tiêu sài áo cơm

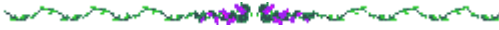
Gia đình tận lực bổ bươm
Bà con lối xóm đơm đơm giúp vào
Tối hôm ngựa sắt sứ trao
Vươn vai hít thở lớn cao phi thường
[985] Phóng lên ngựa sắt cầm cương
Ngựa liền phun lửa nhắm phương nghịch thù
Vung roi đánh giặc mịt mù
Nhỏ tre mà đánh – cho dù gãy roi
Số làng ngựa thổi cháy toi
[990] Giặc tan – trời đất đã soi rửa hờn
Thắng quân tới núi Sóc Sơn
Cậu cùng ngựa lửa thoát cơn – Về Tròi
Gốc tre bỏ lại trên đồi
La Ngà – Thánh Gióng – đồng thời mọc lên
[995] Vua Hùng phong cậu với tên
Thiên Vương Phù Đổng giữ bền non sông
Tổng quan Chính Thuyết Tiên Rồng
Song Hiệp Hoàn Chính – cộng đồng thịnh an
Tiên Rồng – Xã hội chứa chan
[1000] Thân Thương Bình Đẳng - bình an cuộc đời



Hoa Lư Tứ Trấn

Đền Thờ Bốn Vị Thần trấn giữ các hướng đông, tây, nam, bắc của cố đô Hoa Lư là Thần Thiên Tôn, Thần Cao Sơn, Thần Quý Minh và Thần Không Lộ

C. HAI KINH PHỤC HƯNG



8. BÀI HỌC MỸ CHÂU Sách Lược Giữ Nước



HOA TIÊN RỒNG

Mỹ Châu là bài học Giữ Nước. Theo quan niệm của Tô Tiên, thì công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước là của toàn dân. Bất cứ tổ chức chính trị độc tài nào cũng là phản dân hại nước và đắc tội với Dân Tộc Việt.

Mỹ Châu minh định rằng việc xây thành, lập đảng nhằm mang lại lợi ích cho giai cấp thống trị, có ích chi? Cậy chi vũ khí nỏ thần mà bỏ quên sức dân? Trông chi đồng minh Kim Quy xa lạ mà lia bỏ Hồn Dân Hồn Nước?

KINH

Xây thành Cổ Loa làm cho dân đói khổ. Phung phí tài nguyên làm cho dân cùng cực.

Tồn hao ngân sách làm cho nước kiệt quệ. Ỗ vào thành vững nỗ thần mà khinh dân, xa dân, bỏ dân để phó mặc mà chạy theo lợi ích ngoại bang.

Thành cao lũy tốt, khí giới hiện đại có ích chi khi chính người công dân cuối cùng là con gái của mình Công Chúa My Châu đã đổi nghịch, hướng chi dân chúng ngoài thành? Vì từ khi gả nàng cho giặc, nàng thành người của giặc, thì nàng phải nghe lời giặc và nàng làm theo ý giặc.

An Dương Vương không thể đổ thừa hay trách oán ai?

Việc An Dương Vương xây thành Cổ Loa cách Hà Nội khoảng 15 cây số và làm mất nước, đã trở thành một đề tài suy tư cho bao thế hệ tiếp nối. Với hơn bốn ngàn năm văn hiến, việc tích lũy truyền đạt kinh nghiệm Giữ Nước từ sai lầm của triều đình An Dương thành bài học cao quý cho chúng ta.

Tổ Tiên dùng câu chuyện thương tâm An Dương Vương và cặp vợ chồng My Châu Trọng Thủy làm đề tài Mất Nước để dẫn chứng cho chúng ta thấy rõ ràng về bài học Giữ Nước: Muốn Giữ Nước thì chúng ta phải biết Giữ Hồn Nước, Giữ Dân Nước, Giữ Sức Nước và Giữ Đất Nước.

Dưới khía cạnh bài học Làm Người, truyền thuyết My Châu cũng nói lên diễn tiến của một người làm mất chính mình, mất đồng bào tính, mất Chính Thuyết Tiên Rồng và khiến cho con người ấy bị tha hóa, bị đầu độc, bị tuyên truyền bởi những tà thuyết ngoại nhân nhằm biến đổi con người của mình trở thành một Cá Nhân Vị Kỳ, chớ không phải Tự Do Cá Nhân.

Chuyện kể rằng để chống quân Triệu Đà, thì An Dương Vương đã khởi công xây dựng Loa Thành. Đặc biệt trong suốt dòng lịch sử của Dân Tộc Việt chưa bao giờ có việc xây thành kiên cố cho vua chúa trú ngụ.

Các Vua Hùng đã luôn sống với dân, gần dân và cùng dân chia sẻ mọi trách nhiệm theo định chế Làng Nước xưa nay.

Việc xây Loa Thành này đã đánh dấu quan niệm chống giặc giữ nước theo kiểu của An Dương Vương. Quan niệm này đi ngược lại truyền thống ngàn đời của Dân Tộc Việt, và xây thành trở nên việc làm xa lạ với nếp sống của toàn dân đương thời.

Ngoài ra, sự kiện thành bị sụp đổ nhiều lần, đã chứng tỏ hoàn cảnh đất nước không đủ cung ứng cho việc xây thành lũy. Chẳng những An Dương Vương lìa xa tinh thần dân tộc, mà còn lìa xa đời sống thực tế, thực thể hay thực trạng hiện hữu của đất nước.

Khi thành bị sụp đổ, đáng lý An Dương Vương phải tìm hiểu, thay đổi kế hoạch mới, để ứng hợp với hiện trạng nhằm vận dụng, xử dụng và tận dụng sức mạnh thiết thực của toàn dân. Nhưng ông lại trông cậy vào mưu lược tài trí của người lạ Thần Kim Qui.

Như thế việc xây Loa Thành còn nói lên khuynh hướng sống vọng ngoại của An Dương Vương.

Theo Chính Thuyết Tiên Rồng, việc lìa bỏ tinh thần dân tộc, Hồn Nước của An Dương Vương lại càng rõ rệt. Đang khi trong truyền thuyết Tiết Liêu hay Phù Đổng, khi cần An Dân Cứu Nước, thì các Vua Hùng khẩn Cầu Tổ về chỉ dạy. Nhưng ở đây, An Dương Vương không cầu Tổ, mà lại đi cầu đồng minh Kim Quy đến giúp xây đặc khu kinh tế giữ nước, trong

KINH

chương trình “Vành Đai – Con Đường!” của thiên triều Trung Quốc.

Chẳng những giúp xây được Loa Thành, Thần Kim Qui còn cho một cái móng chân để làm lẫy nỏ, vũ khí nguyên tử nỏ thần này bắn một phát giết vạn giặc ngoài thành.

Với thành vững, với vũ khí hiện đại Nỏ Thần đã khiến cho các tài năng thiên nghệ của Thanh Niên Việt trở thành vô dụng. Các tài năng chất xám của bao lớp người thanh thiếu niên cũng không xử dụng, không nuôi dưỡng, không cần thiết trong công cuộc Dụng Nước – Giữ Nước của An Dương Vương.

Có phải đây biểu trưng của một nhà chính trị độc tài chuyên chế?

- Nhận Hồn Giặc

Đã xa nếp sống người dân, đã chỉ cậy nhờ người ngoài, An Dương Vương lại đem công chúa My Châu gả cho hoàng tử Trọng Thủy, con của cửa đôi phương Triệu Đà.

Đang là một tên xâm lăng khiến cho An Dương Vương phải lo xây thành để chống cự, thì Trọng Thủy bỗng ngang nhiên bước vào tung hoành tới tận thâm cung bí sử của Loa Thành.

Đang là một tên giặc nguy hiểm Trọng Thủy lại trở thành người đầu gối tay ấp của nàng tiên My Châu.

Như vậy, từ chỗ tùy thuộc vào người ngoài, rỗng An Dương Vương bước tới giai đoạn rước giặc vào nhà. Và tiên My Châu, biểu tượng cho tâm hồn Việt, cũng đã chấp nhận giặc, ôm ấp giặc, nghe lời giặc và thành người của giặc.

Cớ sự mất nước đã vậy mà My Châu còn tiến thêm một bước, là nàng yêu và chiều Trọng Thủy đến nỗi đưa vũ khí tối mật của quốc gia là cái nỏ thần cho Trọng Thủy coi. Tuy không hoàn hảo, nhưng đất nước đang được tạm thời sống trong yên ổn nhờ có thành vững nỏ thần.

Thế mà sau khi giúp cho giặc phá lũng thành, thì giờ đây My Châu còn làm theo ý giặc là trao cho Trọng Thủy xem cái nỏ thần, để rồi bị chàng đánh tráo cướp mất.

My Châu đã coi ý giặc hơn sự an toàn của dân nước. Nàng đã yêu quý giặc hơn đồng bào mình, hơn quê hương mình. Vậy thì còn gì Nước, còn chi là Dân? Nhưng nàng vẫn cho là chưa đủ! Trên lưng ngựa cùng cha chạy trốn, My Châu còn nhỏ lông ngỗng nơi chiếc áo đang mặc, để ghi dấu cho Trọng Thủy tìm đường rượt theo.

Thực là chua chát.

Nàng Tiên Việt đã hoàn toàn quên mình vì giặc!

Giờ đây, người nàng chỉ còn chiếc áo lông ngỗng, hình ảnh cuối cùng của chim Lạc, của Tiên, mà nàng cũng nhẫn tâm rút bỏ để làm dấu dẫn đường cho giặc!

Lông đã nhỏ, lớp áo tiên mỏng manh bên ngoài cũng không còn, nên My Châu gục chết.

Lâu nay, tuy tâm hồn đã đổi thay, nhưng nàng vẫn còn giữ và khoác chiếc áo Tiên. Giờ đây nàng lộ nguyên hình là giặc.

My Châu là Tiên, là biểu tượng cho tinh thần, cho ý thức văn hóa trong việc Giữ Nước. Nay đã mất Tiên. Mất theo nàng, theo An Dương Vương, là cả một đất nước và cả một dân tộc.

KINH

Thật là chua chát đắng cay cho chúng ta.

- Diễn Tiến Mất Hồn Nước

Thê là An Dương Vương và My Châu đã làm cho Nước mất Nhà tan. Đó cũng chỉ vì “chàng rồng” An Dương Vương từ bỏ truyền thống, xa lìa hiện trạng dân nước đi cậy nhờ và lệ thuộc người ngoài. Và “nàng tiên” My Châu lại chấp nhận việc kết thân với giặc, rồi làm theo ý giặc, quên mình vì giặc, và chết cho giặc.

An Dương Vương và My Châu đã để Hồn Nước dần dần tiêu hao với những quyền rũ hào nhoáng của những lợi ích hời hợt bên ngoài. Khi nền tảng dân tộc bị phai lạt nơi bất cứ dạng thức nào của đời sống dân nước, thì tại phần đó, từ phần đó nước bắt đầu mất.

Dưới khía cạnh Con Người, đây cũng là diễn tiến Con Người đánh mất chính tâm hồn mình. Điều đáng sợ là diễn tiến đó rất tuần tự, nên nhiều khi mình đã đánh mất chính mình, đã trở thành giặc, đã làm hại mình, mà mình cũng không hay, không ngờ.

- Hồn Mất Trước, Nước Mất Sau

- Bài Học Dân Nước

Việc bỏ mất Hồn Nước luôn luôn kéo theo việc bỏ dân, làm mất dân. Khi giới quyền chức đã tin tưởng và ỷ lại vào ngoại nhân, thì người dân trong nước bị khinh khi rẻ rung, bị coi là phương tiện để phục vụ quyền lợi riêng tư của nhóm người đặc quyền thống trị hay nhóm lợi ích.

Sự kiện An Dương Vương quyết định xây thành đã tố cáo việc ông bỏ quên trách nhiệm chăm sóc đời sống cho toàn thể

mọi người dân trong nước. Trước đây, mọi người đều là con dân, đều được ông chăm sóc, nhưng từ nay, với quyết định xây thành của ông, những kẻ ở ngoài thành sẽ bị phó mặc cho đau thương, cho hoạn nạn, cho bất trắc, cho tiêu diệt.

Thế mà thành lại hư sập nhiều lần, và gánh nặng lại đổ xuống trên người dân. Toàn Dân phải chịu sưu cao thuế nặng, mưa nắng dãi dầu, gia đình ly tán, vợ con nheo nhóc khi phải sống cảnh chồng đi làm phu phục dịch đào hào đắp lũy.

Đã hết lo cho dân, An Dương Vương lại hành hạ dân, bắt dân phục vụ ông.

Khi xây xong thành, An Dương Vương đã thực sự sống xa cách dân. Trước kia, trong suốt mấy ngàn năm các vua dân Việt đã không hề xây thành mà luôn sống với dân, bên dân và cùng dân chia sẻ cuộc sống chung.

Nhưng nay, An Dương Vương rút mình vào trong vỏ ốc. Đối với ông, toàn dân bây giờ chỉ còn có nghĩa là nhóm người đang lo đóng thuế và phục dịch ông ở trong thành lũy này.

Được thêm vào vòng thành tròn ốc với chiếc nỏ thần hiếm quý của Thần Kim Qui càng làm cho An Dương Vương vững tâm và xa dân hơn. Đã hết gần dân, giờ đây ông lại không cần dân.

Một phát nỏ thần bắn ra có thể giết hàng vạn quân giặc, nên sự góp sức của dân không cần thiết nữa. Trong việc giữ nước, người dân đã trở thành vô dụng, thành thừa thãi, thành ngoại cuộc.

Chẳng những vậy, từ nay, ngoài đám dân phục dịch trong thành, còn toàn thể dân tộc trong nước đều ở trong tầm sát hại

KINH

của nỏ thần. An Dương Vương coi dân như giặc, và ông đã trở thành giặc, đã bán nước cho Triệu Đà.

- Thành Giặc

Từ chỗ đối xử với dân như giặc, An Dương Vương đem My Châu gả cho Trọng Thủy, hoàng tử của giặc. Với việc thông gia giữa hai dòng vua, An Dương Vương đã tạo ra giai cấp đặc quyền.

Ông muốn từ nay gia đình ông phải là dòng họ cao trọng và giàu sang đặc biệt, không còn liên hệ với dân. Ông hoàn toàn tách rời dân, tách rời truyền thống văn hóa đặt nền tảng trên bài học Chữ Đổng: “Nàng tiên Công Chúa Tiên Dung lấy chàng rồng Chữ Đổng nghèo khổ không khổ, không mặc quần đùi.”

Thế là An Dương Vương đã rước giặc vào cung. Ông hủy bỏ công dụng của Loa Thành, và bỏ quên những người ở trong thành.

Giờ đây ông chỉ còn biết có gia đình ông. Quanh ông chỉ còn có hai người: một là My Châu, hai là tên giặc nằm vùng Trọng Thủy.

An Dương Vương chỉ còn My Châu là con, là dân, người dân cuối cùng. Vì vậy, ông giao cho My Châu trách nhiệm gìn giữ chiếc nỏ thần, báu vật bạo lực thần thánh của ông. Ông tập trung quyền lực vào gia đình, vào những người thân cận ông.

Với việc tập trung quyền lực, từ nay người dân bị tham nhũng, bị bóc lột, và trở thành dân oan hoặc thành miếng mồi ngon cho tham vọng không đáy của nhóm quan chức. Ai làm chủ nỏ thần, làm cò đất, và ai nắm giữ quyền lực thì người đó có toàn quyền sinh sát và cướp đoạt tài sản nhân dân.

Vì vậy, Trọng Thủy đã dùng thủ đoạn, đoạt cái lấy nỏ khỏi tay My Châu một cách dễ dàng. Sau đó nhóm đặc quyền tranh nhau xương máu của dân, và người dân trở thành mối lợi, món hàng, của bọn quan chức chỉ còn biết tư lợi và quyền lực.

Kết quả của tranh chấp quyền lực là tai họa giáng xuống trên người dân. Ách thống trị theo chân Trọng Thủy và Triệu Đà trùm phủ lên toàn thể dân nước.

Bài Học Dân Nước thực thối nát. Bỏ trách nhiệm chăm sóc dân, hành hạ dân, xa lánh dân, coi dân như thù địch, để chỉ dựa vào thành lũy, vào nỏ thần, vào nhóm đặc quyền, vào bạo lực, thì rồi, việc giữ nước chỉ còn là những thủ đoạn tranh quyền đoạt lợi.

Người dân trở thành mục tiêu cho bóc lột, cho bạo hành. Và Giữ Nước trở thành Cướp Nước.

Giữ Nước Là Việc Của Toàn Dân. Dân không giữ nước thì giặc giữ!

Không cho dân giữ nước thì chính quyền đó là kẻ cướp nước.

- Bài Học Sức Nước

Dưới khía cạnh Sức Nước, khi An Dương Vương từ bỏ truyền thống và xa lìa cuộc sống người dân, để quyết định xây thành, chính là lúc ông làm băng hoại sức mạnh xã hội của nước. Việc xây thành làm hao tổn của cải, tài năng và nhân lực trong nước.

Vậy mà thành còn bị hư sụp đổ nhiều lần, nên sức mạnh kinh tế lại càng suy sụp thêm, nghèo đói thêm.

KINH

Khi sống trong thành, xa dân, không còn biết đến đời sống người dân, An Dương Vương bỏ mất sức mạnh chính trị: Tô Chức & Lãnh Đạo. Khi được nỏ thần, khi không còn vận dụng sức dân, khi làm cho dân thấy mình trở thành người ngoại cuộc thừa thãi, chính là lúc An Dương Vương đánh mất sức mạnh tinh thần trong công cuộc Giữ Nước.

Làm mất dân, An Dương Vương đã bỏ mất những sức mạnh nền tảng của việc Giữ Nước. Nhưng ông cũng chưa thấy nguy cơ vì ông đặt trọn niềm tin vào Loa Thành và Nỏ Thần.

Loa Thành bảo đảm thể thủ an toàn, và Nỏ Thần đang làm mọi người khiếp sợ. Loa Thành và Nỏ Thần là biểu trưng của sức mạnh quân sự, khả năng giữ nước cuối cùng của An Dương Vương.

Nhưng rồi ông thua kém trên mặt trận ngoại giao, khi bị rơi vào thủ đoạn của giặc. Sau khi hao tổn biết bao công quỹ để xây thành ngăn giặc, ông lại long trọng rước giặc vào tận thâm cung.

Chính ông đã loại bỏ công dụng sức mạnh phòng thủ của ông.

Thành đã bị phá lũng, An Dương Vương chỉ còn chiếc Nỏ Thần. Nhưng ông lại bị thua ở mặt trận gián điệp.

Trọng Thủy đã biến vợ mình là My Châu thành nội tuyến, và nàng đã tiết lộ bí mật quốc phòng. Khi để Trọng Thủy đánh tráo lẫy nỏ, trao vũ khí giữ nước cuối cùng vào tay giặc, An Dương Vương đã để mất luôn sức mạnh kỹ thuật.

Không Sức Mạnh Lấy Gì Giữ Nước?

- Bài Học Đất Nước

Công cuộc giữ nước bộc lộ rõ ràng nhất trong việc bảo vệ từng tấc đất của quê hương. Thế mà An Dương Vương dám bỏ mất dần.

Trước kia, chưa xây Loa thành, An Dương Vương đã để tâm chăm sóc toàn thể đất nước. Nhưng khi xây thành, ông chỉ còn giữ lại mảnh đất trong thành.

Đối với ông, đất nước ta không còn trải rộng ra khắp bờ cõi, mà thu hẹp lại trong hào lũy. Ông chênh mảng trong việc giữ nước, để chỉ chú tâm tới cái làng mà ông đang ở để mà sống hưởng thụ.

Thế nhưng, khi lo cưới chồng cho My Châu, rước tên giặc Trọng Thủy vào nội cung, An Dương Vương lại vì tình nhà mà hủy bỏ sự phòng thủ của thành. Ông chỉ còn thấy có cái nhà của ông.

Và rồi, khi để My Châu trao nỏ thần vào tay giặc, ông đã không giữ nổi mấy chục thước đất cuối cùng. An Dương Vương đã thực sự không còn đất sống.

- Áo Tưởng Giữ Nước

Thế là hết, An Dương Vương đã để mất Hòn Nước, để mất Dân Nước, để mất Sứ Nước, và cũng đã mất Đất Nước. Tuy nhiên, ông vẫn không ngờ, ông vẫn tưởng rằng ông đang giữ nước.

Thực vậy dầu Hòn Nước có mất, cũng chỉ có nghĩa là ông đã thực hiện quan niệm của riêng ông. Cho dù người Dân đã

KINH

bị loại ra khỏi việc giữ nước, nhưng nhờ đó ông lại càng dễ thống trị hơn.

Cho dù Trọng Thủy là con giặc, nhưng đã trở thành con ông. Cho dù My Châu nằm trong tay giặc, nhưng nàng vẫn còn mặc áo lông ngỗng.

Cho dù giặc có tung hoành ở thâm cung, nhưng vòng thành bên ngoài vẫn kiên cố vô song. Và cho dù lấy thân đã bị tráo, chiếc nỏ vẫn còn nguyên hình dạng cũ.

Tất cả đều cho An Dương Vương ảo tưởng là đất nước vẫn an toàn, là ông đang hoàn thành nhiệm vụ giữ nước một cách tuyệt hảo. Nhưng quả thực, sở dĩ đất nước còn, và ông vẫn còn như đang giữ nước, không phải là vì ông phòng thủ hữu hiệu, mà vì giặc chưa xua quân tiến chiếm.

Vì vậy, khi Triệu Đà xua quân tới, An Dương Vương chỉ còn cách lên ngựa chạy trốn. Ông không còn gì.

Tất cả đã bị giặc chiếm. Cả đứa con ngồi sau lưng cũng đã thuộc về giặc, cũng đã là giặc.

Ôi dân tộc đồng bào! Ôi giang sơn gấm vóc!

Tuy rằng Chính Thuyết Tiên Rồng đang liệt kê nhiều nhân vật góp phần làm mất nước, nhưng mọi nhân vật đều có thể quy về một mình An Dương Vương. Chính An Dương Vương đã lia bỏ truyền thống dân tộc mà quyết định xây thành.

Chính ông đã nhờ thần Kim Quy, đã xin nỏ thần. Chính ông đã hành hạ dân, đã từ khước dân.

Ông cũng đã đón rước Trọng Thủy, đã đặt nỏ thần trong tay Trọng Thủy. Chính ông đã dành cho Triệu Đà mọi điều kiện để đặt ách nô lệ lên toàn dân.

Trong diễn tiến đó, chúng ta có thể thấy tất cả đều chỉ là những giai đoạn của con người An Dương Vương.

Từ chỗ là một người chăm lo cho cuộc sống an thịnh của dân nước, như Tiết Liêu, ông đã để tham vọng cho ông ảo tưởng ông là thần thánh. Qua việc ông cấu kết với thần Kim Quy, qua việc xây xong thành và làm chủ chiếc nỏ thần, ông muốn toàn dân suy phục ông như một vị thần.

Ông đã bỏ nguyên tắc nền tảng đầu tiên của người làm việc nước, là phải xác tín Thân Phận Là Người của mình.

Từ chỗ coi mình là thần thánh, An Dương Vương khinh rẻ người dân, không còn nhớ tới điều kiện thứ hai của người làm việc nước, là mình đang Mang Nặng Trách Nhiệm. Ông dùng thành lũy để bảo vệ ông, và dùng nỏ thần để uy hiếp mọi người. Ông quyết tâm hưởng thụ, và bắt toàn dân phục vụ ông.

Thay vì cùng với toàn dân chia sẻ gánh nặng giữ nước, An Dương Vương chỉ còn chuyên dùng bạo lực của thành Ốc và nỏ thần. Từ đó, ông tạo ra giai cấp đặc quyền.

Ông chọn một hoàng tử để làm phò mã, đầu đó là con của giặc. Ông còn tập trung quyền lực vào gia đình của riêng ông, và ông giao trọn việc giữ nước, giờ đây chỉ còn cái nỏ thần, vào tay đứa con gái ngờ nghệch của ông.

Từ đây, đối với ông, dân chỉ là một lũ nô lệ phải luôn luôn cúi đầu khuất phục. Thế là, đối với nước, đối với dân, ông

KINH

không còn là người giữ nước, mà đã trở thành tên giặc cướp nước.

Ông trở thành Triệu Đà. Như vậy, làm vua, làm việc nước, nhiều khi còn có nghĩa là giặc nước.

Người giữ nước tuyệt hảo là người cùng với toàn dân chia sẻ cuộc sống. Mọi người đều chung phần trách nhiệm giữ nước, tuy ở tâm độ khác nhau, nhưng mọi chức vụ đều là trách nhiệm.

Nếp sống này đã được thể hiện trong nhiều giai đoạn của lịch sử Việt, và được kết tinh trong những truyền tích Tiết Liêu, Chử Đồng, An Tiêm, và Vọng Phu. Là thời suy thoái khi An Dương Vương xây thành và đặt dân dưới sự kìm tỏa của nô thần.

Đó là chế độ, dầu dưới bất cứ danh xưng cao quý nào, mà xây dựng trên võ lực, trên lý của kẻ mạnh, trên mạnh được yếu thua.

Khi An Dương Vương tiếp nhận hoàng tử ngoại bang và trao nô thần cho con gái, chính là lúc thành lập chế độ gồm giai cấp đặc quyền, nắm giữ mọi quyền hành, và hưởng thụ trên xương máu người dân. An Dương Vương thành Triệu Đà là hình thức lộ liễu nhất của thống trị, chuyên chế, đế quốc, thực dân, đảng trị, thủ đoạn, mị dân.

- Yếu Tố Giữ Nước

Muốn giữ Nước thì phải giữ Hồn Nước, giữ Dân Nước, giữ Sứ Nước, và giữ Đất Nước. Hồn nước được giữ bằng việc sống thực và phát huy truyền thống cao quý của dân tộc.

Dân Nước có được là nhờ chăm sóc đời sống người dân và để dân chia sẻ trách nhiệm giữ nước. Sức Nước mạnh được là nhờ các cơ cấu xã hội, chính trị, kinh tế, và tổ chức quân sự thích đáng và hữu hiệu.

Đất nước chỉ còn, khi thực sự được các yếu tố trên bảo vệ một cách trọn vẹn. Có được cả bốn, giữ được cả bốn, thì quê hương thanh bình thịnh vượng, đồng bào hạnh phúc yên vui.

Nếu mất Đất, vì quân xâm lăng tràn ngập, nhưng vẫn còn Hòn, còn Dân, còn Sức, thì ngày quật khởi ở trong tầm tay.

Nếu mất Đất, mất Sức, mà còn Dân, còn Hòn, thì lo gì không có ngày vùng dậy.

Nếu mất Đất, Sức tan và Dân bị phân tán, mà còn Hòn Nước, thì tuy cần thời gian, vẫn còn cơ hội có lại Dân, có lại Sức và có lại Đất.

Nếu mất Hòn Nước, dầu còn Đất, còn Sức, còn Dân, thì cũng đã khô cạn sức sống, cái xác không hồn, ma giặc sắp ám.

Nếu mất Hòn, mất Dân, thì Sức và Đất trở thành những khí cụ đầy bất trắc, cực kỳ nguy hiểm. Nếu mất Hòn, mất Dân, mất cả Sức, thì giang sơn gấm vóc của Tổ Tiên đang là miếng mồi ngon nằm bên miệng giặc.

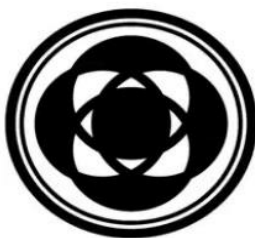
Và nếu giặc đã ra tay, như thảm trạng quê hương đồng bào ta hiện nay, thì Tổ Tiên linh hiển hướng dẫn chúng ta tiến sang bài học cứu nước của truyền tích Phù Đổng trong Chính Thuyết Tiên Rồng siêu việt.



Chùa Bái Đính trong vùng Cô Đô Hoa Lư
được xây dựng hơn một nghìn năm

9. BÀI HỌC PHÙ ĐỔNG

Sách Lược Cứu Nước



HOA TIÊN RỒNG

Sách Lược Cứu Nước của Tổ Tiên muôn đời hữu dụng, sách gói đầu giường hằng đêm suy tính từng điếm, từng chữ, từng câu làm một chương trình sống cho những ai dám quyết tâm phá giặc. Dám thấy việc phải làm, dám làm việc đã thấy.

Dám đối diện với thực tại, dám nhìn thẳng vào tương lai. Dám đương đầu với khó khăn, dám biến chướng ngại thành phương tiện.

Dám từ bỏ những gì mà mình đang có, để thực hiện điều cao quý hơn. Không chỉ dám bằng hứng chí, bằng lý trí, bằng chứng cứ, bằng suy tư mà còn dám với tất cả tâm hồn, chúng ta dám cảm nhận sống thực với chính mình, vì bao trăm năm qua dân nước Việt Nam chưa một lần được thực sự giải cứu.

KINH

Bởi thế Phù Đổng là Bài Học Cải Hóa – cải hóa từng con người, và cải hóa toàn thể xã hội. vừa Cứu Nước lại vừa Cải Hóa Con Người.

Khởi đầu sự kiện nước bị Giặc Ân xâm chiếm – Thời Nhà Ân Trung Quốc cũng cùng với Thời Vua Hùng ở vùng Đất Tổ của chúng ta là Hồ Động Đình. Nhân việc kể đi kể lại chiến tích chống ngoại xâm, Tổ Tiên đúc kết thành bài học Cứu Nước và Cứu Người.

Trước nạn giặc xâm chiếm, nước mất nhà tan, dân tình khốn khổ, Vua Hùng và triều đình đã dùng hết cách, hết sức, hết lực nhưng vẫn không ngăn được giặc. Tuy là bối cảnh câu chuyện, nhưng lại là yếu tố giúp chúng ta chuẩn bị cho một tổ chức cứu nước hoàn chỉnh và hữu hiệu.

Mọi phương thức chống giặc đều vô hiệu, lực lượng tan rã, lòng dân phân tán, đồng minh trở mặt. Giặc lại thừa thắng xông lên, gây bao oan nghiệt, điều linh thống khổ cho đồng bào, cho đất nước, cho giống dòng.

Chúng ta phải nhận chân thảm trạng mất nước. Không lượng định chính xác sức mạnh của giặc, và tình trạng yếu kém của ta về mọi phương diện, thì chỉ là lạc quan trái mùa hay sợ giặc mà không nhìn ra giặc, không đánh giặc mà lại đánh nhau.

Chúng ta cần học hỏi và trau dồi tài năng sao cho hơn giặc mọi mặt thì mới mong thắng giặc. Nhận chân thực trạng để biết địch biết ta.

Xác định đức tính thiết yếu của chúng ta là dám nhận thực hiện trạng phũ phàng, dám tin tưởng tuyệt đối vào sức sống

sức mạnh của dân tộc. Chúng ta dám lột xác để thích ứng với tình thế mới, điều kiện mới, hoàn cảnh mới, và quyết tâm dấn thân thực hiện việc tổ chức cứu nước cho đến ngày thành công.

Bài học khởi sự với việc nêu rõ điều kiện, đức tính cần thiết để cải hóa từng người, rồi từ một người tới tổ chức, từ tổ chức tới mọi người khác. Phù Đổng duyệt qua từng giai đoạn, từng công tác, từng hành động từ việc vận động tinh thần, tới các điều kiện đoàn kết, qua phương thức phát hiện tiềm năng, tới cách thể hiện điều hợp, ứng biến và tập trung sức mạnh.

Bài học nêu rõ vấn đề vai trò các chủ lực, thái độ và phương thức để khởi rơi vào trông đợi tài, áp bức, bất công. Tất cả được Tổ Tiên hướng dẫn từng bước cụ thể, từng giai đoạn thực tế, để từng người, từng nhóm người và toàn thể trở về với Con Người đích thực, và Xã Hội cũng đích thực trọn vẹn là xã hội con người.

Trong ngõ bí của thời cuộc, trong phủ phàng của thực trạng mất nước, Tổ Tiên cho bùng lên một vùng sáng chói chang hy vọng là Vua Hùng lập đàn cầu Tổ về giúp. Việc lập đàn chứng tỏ lòng thành và ý thức của chúng ta về tầm mức quan trọng vượt bậc trong đại cuộc giúp dân cứu nước.

Cứu một người đã khó thay, huống chi cứu cả một dân tộc, một đất nước, một lịch sử giống dòng. Tổ là biểu trưng cho Tinh Thần, cho Sức Sống tối cao, Hồn Thiêng của Dân Tộc.

Ngài là nguồn gốc và là sự sống còn, là niềm hy vọng và là tụ điểm của toàn dân. Cầu Tổ là bộc lộ niềm tin bất diệt, niềm hy vọng tuyệt đối vào sức sống vô biên và truyền thống siêu việt của dân tộc. Đây chính là nền tảng đích thực của tổ chức chính trị mang sứ mệnh Giúp Dân Cứu Nước.

KINH

Bất cứ nền tảng nào khác đều dẫn tới hậu quả là biến dân nước thành vong nô của ngoại bang, của tà thuyết, của cường quyền hay nhóm lợi ích.

Việc cầu Tổ, Phù Đổng còn nối kết cách tuyệt diệu với các truyền thuyết Tiên Rồng, Tiết Liêu. Tiên Rồng – Cha Rồng nhấn nhủ: “Khi cần thì gọi, Ta về ngay.” Tiết Liêu – Tiết Liêu thành tâm an dân thịnh nước, Tổ cũng về giúp.

Thời bình mà Tổ còn thương như vậy, huống chi thời loạn và con cháu đau khổ. Con cháu Tiên Rồng có lúc nào cần Tổ thương về giúp, khi đất nước gặp nạn, gia đình ly tán, đồng bào thống khổ?

Con cháu khẩn thiết kêu cầu, Vua Hùng lập đàn cầu Tổ về giúp.

Trên đàn có ngai quý để Tổ về ngự, hương trầm nghi ngút, đèn nến sáng ngời, lễ vật đầy đủ. Vua quan đều thân thành tâm tịnh, thành tâm thiện ý, đoàn kết một lòng.

Dân chúng vây quanh cầu khẩn, van xin thống thiết, và uy nghi trang trọng. Ai cũng chờ Tổ hiển hiện tại đàn, “hoành tráng” chưa từng thấy.

Nào ngờ trên đàn chưa thấy dấu linh, thì ở ngã ba đường có một Cụ Già Áo Đỏ đang đùa giỡn với đám trẻ trong làng. Người dám tiến vào đại chúng, tìm gặp Tổ chính là Vua Hùng.

Vì quyết tâm cứu nước, nên dầu thấy những cảnh tượng bất thường của Cụ Già, Vua Hùng cũng tìm tới gặp Cụ, và xin Cụ dạy cách cứu nước. Phải thành tâm cùng tột, tuệ linh sáng

ngồi như Vua Hùng mới có thể nhận ra đó không phải là quái nhân tới phá đám, mà Tổ đã về.

Tuy đã lập đàn và chuẩn bị mọi sự, tức là đã dự tính cho nhiều kế hoạch, nhiều chương trình nhưng Vua Hùng cương quyết gạt bỏ tất cả, tới ngã ba đường gặp Cụ Già cổ quái để học cách tổ chức cứu nước. Đây là điểm đột phá quan trọng cho người lãnh đạo, là Lộ xác.

Không vượt điểm đột phá này, không lộ xác, không từ bỏ dự tính và phương thức cũ, thì chúng ta không thành công. Không thích ứng với điều kiện và hoàn cảnh mới, không đón nhận kiến thức mới, chúng ta không thể hội nhập vào tổ chức chính trị Tiên Rồng.

Không mở rộng tâm trí đón nhận những bất ngờ, những cổ quái, thì chúng ta không thể nghe được tiếng Tổ gọi, tức là không thể nhận ra những phương thức thực sự hữu hiệu cho việc cứu nước. Và chúng ta có vượt qua được điểm lộ xác thì mới có cơ may được Tổ dạy cách Cứu Nước.

Bất chấp sự phản đối của những quần thần kên kiệu can ngăn, Vua Hùng lợi bùn đội mưa tới ngã ba đường gặp Tổ, và được Tổ dạy một phương thức cứu nước. Nhưng cách Tổ dạy cũng cổ quái. Tổ bảo vua sai sứ đi khắp nơi tìm người cứu nước.

Thực kỳ lạ! Tại sao Tổ không nói rõ vị cứu tinh đó là ai? Tại sao lại bảo cho người đi tìm? Nếu chỉ có thế, thì Tổ hiện về làm gì? Vua Hùng cũng chẳng đang làm những việc đó sao?

KINH

Nhưng chính điểm kỳ quái lại là một bài học cho chúng ta. Tổ nhắc nhở, Tổ chỉ dạy, chứ Tổ không thể làm giúp thay cho chúng ta.

Tổ không giết giặc, Tổ không chỉ huy, Tổ cũng không làm gián điệp. Tổ cũng không cho nổ thần hay khí giới hiện đại để thị uy hoặc tiêu diệt giặc.

Biết bao lần chúng ta cầu mong phép lạ, điểm linh giết giặc thay chúng ta hưởng. Biết bao lần chúng ta trách móc các Đấng Linh Thiêng không tích cực độ trì, giúp ta khoan tay nhìn giặc chết!

Biết bao lần chúng ta kết tội người khác, kết tội nhau vì không làm thế này thế nọ. Vấn đề không phải là Tổ làm, mà là chúng ta biết thực thi ý muốn của Tổ.

Khi biết Tổ Tiên và các Đấng Thiêng Liêng muốn cứu dân lành, thì chính chúng ta phải tỏ ra là người con thảo, là tín đồ thuận thành. Chính chúng ta ra công phá giặc và hoàn thành ý muốn của Đấng Thiêng Liêng.

Chính chúng ta phải làm, phải dẫn thân, thì mới cứu được nước. Xin nhớ rằng chúng ta có tổ chức hợp nhu cầu thời đại và có con người thời đại thì mới thành công. Ví dụ Thời Đại Tín Liệu (Information Age) hiện nay thì chúng ta phải có những con người kiến thức (Knowledge) và thông toàn (Wisdom).

Vua Hùng được Tổ chỉ cách. Nhưng trước khi vua thể hiện ý Tổ, chúng ta thử nhìn lại giai đoạn vừa qua.

Vua Hùng sống với thực trạng mất nước, và khởi công từ thực trạng đó mà làm. Vua không nuối tiếc hão huyền, cũng không mơ mộng viễn vông của cuộc đời vương giả.

Vua tìm về nền tảng của công cuộc tổ chức cứu nước. Nền tảng đó là Tổ, là Sức Sống, là Truyền Thống siêu việt đang tiềm tàng trong đời sống dân chúng.

Với quyết tâm cứu nước, vua lột xác, sẵn sàng thích ứng và xử dụng mọi hoàn cảnh mới, mọi điều kiện mới. Cuối cùng là dấn thân, không do dự, không ỷ lại, sẵn sàng biến mọi chướng ngại thành phương tiện hữu hiệu trong việc cứu nước.

Vua Hùng là biểu tượng của con người cứu nước đích thực. Vì vậy những đức tính trên cũng chính là những điều kiện cần thiết cho bất cứ ai muốn thực sự góp phần vào việc phá giặc.

Truyền thuyết My Châu – An Dương Vương từ bỏ Hòn Nước, nên dẫn tới mất Nước. Ở đây Vua Hùng gặp lại Tổ, sống lại Hòn Nước, nên khởi sự cứu nước.

Lời dạy của Tổ chính là phương thức cứu nước. Lời dạy của Tổ là ý muốn của Tổ, là chính Tổ sống động hiện thực trong dân nước.

Theo Lời Tổ là động lực cho mọi hành động của vua Hùng. Vua sai sứ đi tìm Người Cứu Nước, sở dĩ các sứ chịu đi và toàn dân chịu nghe theo cũng vì làm theo Lời Tổ – chớ không theo Lời Vua.

Lời Tổ trở thành Sức Sống, trở thành Hòn Thiên tạo dựng, thúc đẩy, điều hợp và hoàn thành đại cuộc. Sức Sống

KINH

này từ Vua Hùng truyền qua đoàn sứ nhân (đảng chính trị) và từ sứ nhân truyền qua toàn dân.

Được Tổ chứng giám, Tổ chỉ dạy, giờ đây vua mạnh dạn sai sứ lên đường. Đoàn sứ nhân chính là đại diện, là hiện thân, là chính Vua Hùng đi đến với toàn dân.

Như vậy, đoàn sứ nhân là Người Cứu Nước lên đường hành động, dân thân thể hiện sứ mạng theo Lời Tổ dạy. Đem Sức Sống của Tổ đến cho toàn dân.

Toàn dân nhờ đó mới nhận được sứ điệp Tổ và mới cứu được nước. Vai trò của tổ chức cứu nước đích thực, là vai trò nền tảng trong công cuộc cứu nước.

Sứ nhân lên đường và chia nhau đi đến với dân chúng khắp nơi. Mục tiêu hành động đầu tiên của tổ chức cứu nước là Dân, chớ chưa trực tiếp đối đầu với Giặc. Công tác chính là vận động mọi người đứng lên chống giặc.

Có như thế thành công mới trọn vẹn là của dân và do dân.

Sứ nhân đi khắp nơi, không bỏ sót, không từ khước bất cứ nơi chốn hay một phạm vi nào. Nơi đó có thể là trong nước hay ngoài nước, nơi thân thiện hay ở ngay trong lòng địch, trong các lãnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự, kỹ thuật, văn nghệ, giáo dục, thể thao, giải trí, truyền thông.

Sứ nhân tiến vào các cộng đồng, hội đoàn, nghiệp đoàn, họ tộc, gia đình, hay là trí óc, con tim, cuộc sống của bất cứ ai, ở bất cứ nơi đâu, trong bất cứ hoàn cảnh hay sinh hoạt con người, cá nhân cũng như tập thể.

Sứ nhân chia nhau đi, không dồn chung một chỗ, không dành nhau một việc. Mỗi người tùy khả năng và hoàn cảnh riêng mà nhận phân trách nhiệm của mình.

Có phân nhiệm mới có tổ chức. Tổ chức cứu nước là những con người cùng thể hiện các đức tính của sứ nhân, và theo hiện tình và khả năng linh động, mà chia nhau trách nhiệm hoàn thành các công tác thực thi Sách Lược Cứu Dân Nước.

Đoàn sứ nhân chia nhau đi khắp nơi để loan tin. Nhưng tin của họ thực là đơn sơ, Tổ đã về và sai đi tìm người cứu nước.

Thông điệp với nội dung ngắn gọn, nhưng tác dụng lại hệ trọng. Tổ về và Tổ bảo đi tìm chứng tỏ Tổ độ trì cho tổ chức, cho phương thức, chắc chắn có người cứu được nước. Chúng ta đã có Sứ Sống, có sách lược, có nhân sự.

Đây là lúc khám phá, là lúc thực hiện. Dầu giặc đang mạnh, nhưng chắc chắn chúng ta sẽ thắng.

Có gì khích động và hứng khởi hơn để khơi dậy niềm tự tin tự hào dân tộc bằng nguồn tin tuyệt diệu này? Dầu ai tuyệt vọng, cũng phải hăng say với tin mừng.

Đoàn sứ nhân đi loan tin khắp nơi, chính là thể hiện công tác đem Tinh Thần dân tộc đến cho toàn dân. Nước mất vì dân quên Tổ, quên nếp sống truyền thống siêu việt của Tổ Tiên, quên Chính Thuyết Tiên Rồng.

KINH

Giờ đây sứ nhân nhắc nhớ tới Tổ, thức tỉnh niềm tin, sống lại tinh thần và sức sống dân tộc. Khi đến với dân sứ nhân không chỉ loan tin, mà còn phải có hành động cụ thể.

Sứ nhân lục lạc tìm kiếm cho ra Người Cứu Nước (Phù Đổng). Hoạt động này cũng gây tác dụng thiết yếu. Khi đã phần khởi nhờ sống lại niềm tin, mọi người cũng tiếp tay với đoàn sứ nhân mà đi tìm Phù Đổng.

Khi góp phần tìm kiếm, chính là lúc mọi người đều thấm thía nạn mất nước. Do đó, mỗi người sẽ ý thức đích xác về phận vụ của mình trong công cuộc cứu nước.

Mọi người sẽ lột xác, lãnh nhận trách nhiệm, và dần thân chu toàn sứ mạng lịch sử. Như vậy, đoàn sứ nhân loan tin và tìm kiếm chính là thực hiện công tác làm cho người dân sống lại Hồn Nước, ý thức nạn nước, nhận lãnh trách nhiệm, và dần thân cứu nước.

Đây cũng là công tác làm cho Mọi Người sống trọn nếp sống Việt, trở thành Người Dân Đích Thực, trở thành Người Cứu Nước.

Truyền tích An Dương Vương làm mất nước, vì đã xa cách dân, loại dân ra khỏi việc nước. Giờ đây Vua Hùng, qua đoàn sứ nhân đã tìm lại dân, giúp dân ý thức và chung phần việc nước.

Mọi người đã cùng cố công tìm kiếm, và rồi tại làng Phù Đổng họ đã gặp người cứu nước. Việc gặp thấy người cứu nước tại một làng cũng là nét đặc trưng của Chánh Thuyết Tiên Rồng, nhấn mạnh người cứu nước được tìm gặp ở trong làng, chớ không phải cung điện vua hay chôn đô thị.

Trong nếp sống dân ta, làng giữ một vai trò nền tảng. Thể chế làng nước đã được Tổ tiên đặc biệt chú trọng và lưu truyền trong truyện tích An Tiêm.

Tại làng đã xuất hiện người cứu nước. Nhưng nhân vật này cũng kỳ lạ khác thường, chỉ là cậu bé ba tuổi.

Tính cách bé bỏng của cậu bé tượng trưng cho đại chúng, cho toàn dân. Cậu bé lên ba cũng phù hợp với khoảng thời gian mà sử Trung Quốc ghi Ân Cao Tôn xâm lấn nước ta.

Như vậy, cậu bé ba tuổi này chính là biểu trưng cho đại chúng, cho toàn dân. Vị cứu tinh chính là người dân.

Dầu tê liệt tâm nín, nhưng Cậu Bé lại lắng nghe. Sống trong tay giặc, toàn dân hay Cậu Bé Phù Đổng phải lặng im bất động.

Vì ai phát biểu linh tinh là bị giặc bắt đi tù cải tạo mút mùa lệ thủy. Mọi người nôn nóng trông chờ ngày thoát ách giặc.

Mọi người sôi sục đợi ngày vùng lên. Mọi người lắng tai nghe ngóng tin tức cứu nước. Khi sứ nhân loan tin Tổ về, Cậu Bé cấp thời hưởng ứng.

Khi nghe sứ nhân, chính là lúc Cậu Bé bùng lên niềm hy vọng chói chan, sống lại Hồn Nước.

Đã gặp lại Tổ, đã sống lại niềm tin, Cậu Bé liền bật nói, toàn dân đều bật nói. Bật nói là dám hiên ngang bộc lộ.

KINH

Dầu mới chỉ bằng lời, nhưng đây cũng là dấu chỉ của lòng tự tin và phấn khởi. Từ đây người dân đã dám tự hào về mình, dám nói lên niềm tin tưởng của chính mình.

Cậu phát biểu lời đầu tiên là đòi ngựa và roi sắt. Cậu đòi hỏi phương tiện để phá giặc cứu nước.

Dấu chứng sức mạnh tinh thần đã bộc lộ. Khi thoát khỏi tình trạng câm nín, khi tinh thần đã được củng cố, khi ý thức được trách nhiệm với nước, điều đầu tiên người dân nghĩ tới là phương tiện chiến đấu.

Khi dân đòi phương tiện chiến đấu, cũng là dấu hiệu cho thấy đoàn sứ nhân – tổ chức cứu nước đã thành công trong công tác thức tỉnh người dân. Tại khúc quanh quyết định này, vai trò của sứ nhân cũng đổi khác.

Trước đây thì sứ nhân nói cho dân nghe. Hôm nay dân đã nghe đã nói, thì sứ lại là người phải nghe dân. Trong hoạt động tổ chức, chúng ta phải thấy rõ điều này.

Khi người dân thành tâm tiếp nhận và sống đúng tinh thần Tổ, thì tiếng dân trở thành tiếng Tổ. Ý dân là ý Tổ trong hiện trạng đất nước.

Tiếng dân giờ đây trở thành phương thức thiết thực và hữu hiệu cho công cuộc cứu nước.

Khúc quanh này đặc biệt rất quan trọng cho tổ chức cứu nước, chẳng những vì nó quyết định sự thành bại cho đại cuộc, mà còn thẩm định bản chất của tổ chức. Tổ chức không biến đổi, không trở thành người nghe dân, thì chắc chắn tổ chức đó không phải là tổ chức của dân.

Từ đó lán giềng khắp nơi đem gạo vải tới giúp Cậu ăn mặc. Khi đã tự tin, người dân tự động khởi công gia nhập và đóng góp. Ăn mặc là nhu cầu nền tảng của đời sống con người. Gạo vải là tất cả nhu cầu thiết yếu trong cuộc cứu nước.

Đẹp thay cảnh toàn dân tập nập góp gạo góp vải. Mọi người tự nguyện góp của góp công, cộng tài cộng đức.

Bao thiện chí bấy nhiêu nung nấu, bao tài năng bấy lâu che đậy, bao sức mạnh bấy lâu đè nén, bao phương tiện bấy lâu tích trữ, bao diệu kế bấy lâu ấp ủ thì giờ đây tất cả bộc phát, tất cả hiển hiện, tất cả vùng lên.

Khi lãnh nhận trách nhiệm, người dân tự nguyện đóng góp, tự túc chu cấp những nhu yếu cơ bản của cuộc chiến đấu. Tất cả gạo vải, mọi sự đóng góp đó, đều để giúp cho Cậu Bé Phù Đổng ăn mặc.

Tất cả tự nguyện của dân đều tập trung vào Cậu Bé. Người dân chỉ quy tụ quanh Cậu Bé, là dân chớ không tập hợp theo các sứ.

Trong giai đoạn đầu của công cuộc thức tỉnh, người dân chỉ mới tin tưởng vào những người thân cận quanh mình, trong tầm vóc làng thôn. Những gì sứ nhân hứa hẹn, dầu sao, cũng còn quá xa vời.

Theo đúng tâm trạng Con Người, người dân chỉ tự ý quy tụ quanh Cậu Bé Phù Đổng. Vì chính Cậu Bé đã tỏ ra vài dấu hiệu đặc biệt, chỉ Cậu Bé đáp ứng phần nào công tác tìm kiếm anh hùng cứu nước.

KINH

Dân chỉ quy tụ theo ai tỏ ra thực sự có tâm huyết, có tinh thần, hết lòng vì đại cuộc, dẫn thân chu toàn sứ mạng chung. Có dân tự ý quy tụ chính là tiêu chuẩn để thẩm định một công cuộc đích thực của dân, do dân.

Khi mọi người góp sức, Cậu Bé Phù Đổng lớn nhanh như thổi. Gạo vãi thu tích không phải để chất đống, mà tất cả đều được xử dụng làm tăng trưởng sức sống toàn diện.

Việc tập trung sức mạnh, vấn đề phân nhiệm và điều hợp giữ phần quan trọng hàng đầu. Sức mạnh toàn dân chỉ có thể thực sự hữu hiệu, khi được vận dụng và điều hợp đúng mức.

Không phân nhiệm, không định hướng, sự quy tụ sẽ trở thành hỗn loạn, phân hóa, và đối nghịch nội bộ.

Giai đoạn tập trung năng lực toàn dân, cũng là bài học đoàn kết. Mọi người vây quanh Cậu Bé Phù Đổng, là vì sống lại niềm tin dân tộc, ý thức trách nhiệm cứu nước, tìm ra Cậu Bé, và Cậu Bé bật nói.

Như vậy, công tác kết hợp toàn dân đã thành công, chẳng những giúp cho mọi người sống thực tinh thần dân tộc và ý thức trách nhiệm, mà còn chứng tỏ kế sách hữu hiệu, qua một số hoạt động có kết quả thực tiễn. Đây là những điều kiện thiết yếu cho việc đoàn kết toàn dân.

Khi không hội đủ các yếu tố này, việc đoàn kết chỉ là chòm xóm, giai đoạn, hời hợt theo mục tiêu hạn hẹp. Sứ vua đem ngựa và roi sắt tới.

Ngựa sắt và roi sắt là sức mạnh và phương tiện chiến đấu. Ngựa và roi sắt cũng là biểu trưng của sức mạnh quân sự để phá giặc.

Trong bầu khí mất nước và toàn dân vùng lên góp tài góp của, thì ngựa và roi sắt chính là sự đóng góp của toàn dân. Tuy nhiên, sức mạnh phương tiện đó lại do sứ đem tới.

Đoàn sứ nhân, tổ chức cứu nước đã đem Hồn Nước về với toàn dân, nhờ đó Toàn Dân vùng dậy. Đó là Sức Mạnh Hồn Việt!

Giờ đây đoàn sứ nhân còn phải điều hợp sức mạnh ở các tổ chức làng xã thành tầm vóc toàn nước, biến sự đóng góp của toàn dân thành sức mạnh chiến đấu chống giặc.

Sức mạnh này không chỉ nhấn mạnh ở lãnh vực quân sự, mà còn bao trùm mọi lãnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, giáo dục, ngoại giao ảnh hưởng tới cuộc chiến đấu.

Phận vụ của tổ chức cứu nước còn là nhận rõ sức mạnh hiện thực tiềm ẩn trong dân nước, rồi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện thực tế mà ứng biến thành sức mạnh cứu nước hữu hiệu. Việc tổ chức và điều hợp lại cần nhân sự, khả năng đặc biệt, và ngành nghề chuyên môn.

Tất cả đều xác định đúng vai trò quan trọng của một tổ chức có đủ tầm nhìn xa trông rộng, biết quyền biến với tình thế.

Khi nhận được ngựa và roi sắt, Cậu Bé liền vươn vai thành người cao lớn. Cậu đã ăn nhiều, đã lớn như thổi, nhưng phải chờ cho tới khi có ngựa và roi.

KINH

Cậu mới vươn vai vượt tới tầm vóc đúng mức của mình. Trước đây, khi nghe về Tô, Cậu đã bật nói, đã dám bộc lộ chính mình.

Nhưng nay, có thêm ngựa và roi sắt, Cậu mới vùng dậy, mới đi đứng, mới hành động. Dầu mọi người đã thức tỉnh, đã quyết tâm, nhưng phải có phương tiện thì toàn dân mới có thể ra tay, mới có thể đối đầu với giặc.

Nhờ có sứ nhân trao ngựa sắt, Cậu Bé đã vươn vai. Nhưng khi cậu nhảy lên ngựa, thì ngựa sắt biến thành ngựa thần, sống động và phun lửa.

An Dương Vương ỷ vào thành ốc và nỏ thần để mất dân. Nỏ thần dầu bắn một phát giết cả vạn giặc, mà vì không có dân, nên mất hiệu nghiệm, không bằng nỏ gỗ.

Khi được sức mạnh dân tộc xử dụng, thì ngựa sắt cũng hóa thành ngựa thần.

Không dân, nỏ thần thành nỏ gỗ. Có dân, ngựa sắt hóa ngựa thần.

Toàn dân vươn vai thì mọi sự cũng đều vươn theo. Sức mạnh của toàn dân làm cho mọi phương tiện trở thành hiệu lực cách thần kỳ, trở thành linh hiển.

Không có hình ảnh nào diễn tả sức mạnh và vai trò của toàn dân một cách rõ ràng và đầy đủ hơn.

Đã có Hồn Nước, đã có toàn dân. Sức mạnh đã tập trung, đây là lúc vùng lên đui giặc để giành lại Đất Nước. Với ngựa

lửa roi sắt, vị anh hùng Phù Đổng đã oai dũng đánh giặc một trận trời bời.

Khi toàn dân đã có tinh thần, đã có sức mạnh, đã có phương tiện, thì việc đuổi giặc ra khỏi bờ cõi là chuyện đương nhiên.

Ngựa lửa là sức mạnh của đấu tranh, nhưng Phù Đổng dùng roi sắt. Hình ảnh dùng roi nói lên lòng nhân thứ của Tô Tiên, tổ chức chúng ta dùng roi chứ không dùng gươm.

Roi mang ý nghĩa sửa dạy, đánh phạt, dầu là roi sắt, gươm giáo luôn là vũ khí chém giết, tàn sát. Ngay trong ngôn ngữ chúng ta cũng dùng chữ đánh, dầu là giặc, đánh giặc. Cương quyết, dũng mãnh, nhưng không tàn bạo, giết giặc.

Đó là tinh thần nhân thứ, khoan dung, và quý trọng con người được ghi trong Chính Thuyết Tiên Rồng.

Với việc Tô trở về, với vua Hùng và đoàn sứ nhân dân thân, với tổ chức cứu nước, với mọi người góp gạo góp vải, với ngựa sắt roi sắt, với tre làng bị nhổ, với số làng bị cháy, tính cách toàn dân toàn diện của công cuộc cứu nước đã bộc lộ rõ ràng.

Mọi người và tất cả, đều được vận dụng để chống giặc. Từ những phương tiện vật chất, gạo, vải, sắt, lũy tre, thú vật đến làng thôn, hệ thống tổ chức quốc phòng, chính trị, xã hội, văn hóa cho đến tinh thần dân tộc, quá khứ lịch sử, và cả sông núi, Hồn Thiêng tất cả đều gom đúc thành Sức Mạnh thần diệu của Dân Tộc, tất cả đều góp phần vào việc cứu dân cứu nước. Toàn Dân Toàn Diện!

KINH

Giờ đây chiến thắng mới thực sự là chiến thắng toàn vẹn của toàn thể dân tộc. Có như vậy, cuộc sống mới thực sự mở đầu cho tất cả mọi người.

Bài học dạy cách đánh giặc cứu nước. Giờ đây giặc đã tan, nhưng việc cứu nước vẫn chưa xong.

Bài học Phù Đổng vẫn còn tiếp khi cỡi ngựa lên núi về trời. Núi là nơi ở của Tiên (chữ nhân ghép với chữ sơn là chữ tiên). Hình ảnh lên núi nhắc nhớ đến phần Tiên.

Phù Đổng biểu tượng của sức mạnh tập trung của dân tộc, tức phần Rồng. Sức mạnh đó đã được vận dụng tối đa và oai dũng đánh đuổi quân giặc.

Giờ đây giặc đã tan, dân nước lại vui hưởng thanh bình, nên Sức Mạnh đó lên núi, tức không còn cần phải bộc lộ oai dũng, mà được thăng hoa tiềm tàng vào sông núi, vào tâm hồn của dân nước.

Chiến công đuổi giặc trở thành kinh nghiệm sống của toàn dân, trở thành phần Tinh Thần, phần Truyền Thống bất diệt, xấp nhập vào phần Tiên của dân tộc, theo nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp.

Qua toàn bộ công cuộc, chẳng những toàn dân đã đánh đuổi giặc nước, mà mỗi người còn dẹp tan được mọi thứ giặc trong chính bản thân. Trong tiến trình trở thành người cứu nước, mọi người cũng trở thành Con Người toàn vẹn.

Khi cứu được nước, dân tộc ta đã trở thành một khối hiệp nhất, toàn hảo, toàn hiệp.

Với mọi chướng ngại đã được đánh tan, với những kinh nghiệm tuyệt hảo, với niềm tin chan chứa, và với sức sống tràn đầy, giờ đây khối người toàn hiệp này đem trọn tâm sức cùng nhau xây dựng một cuộc sống mới. Với cuộc sống phát xuất từ tâm khảm của những con người thấm nhuần Chính Thuyết Tiên Rồng, toàn dân hiên ngang bước vào một Kỷ Nguyên Mới của một xã hội loài người tràn đầy hạnh phúc.

Về Trời là sự phong thưởng cao quý nhất của Chính Thuyết Tiên Rồng. Như Chử Đồng – Tiên Dung về trời sau khi hai ngài trọn đời chăm lo việc thịnh nước an dân.

Phù Đổng thi hành nghĩa vụ giúp dân cứu nước, cũng được Về Trời. Tổ Tiên phong thưởng cho những người đóng góp công đức trong đại cuộc dựng nước được về trời, được toàn dân kính nhớ tôn thờ.

Có người cho rằng dân Việt có đạo thờ Anh Hùng. Quả thật chúng ta thờ những vị Danh Tướng và trên đất nước có nhiều đền thờ các Ngài.

Ngoài ra, mỗi làng đều có Thành Hoàng và hầu hết là những Anh Hùng đóng góp công đức cho dân nước thuộc mọi thành phần. Anh Hùng Kiệt Nữ được thờ là những vị cứu dân cứu nước, không có người nào đi xâm lăng hay tàn hại dân tộc khác mà được tôn thờ như những văn hóa khác sùng bái thần Chiến Tranh, thần Máu Lửa trong các đền thờ và cổ vũ trong nếp sống, trong phim ảnh, trong giáo dục như thảm trạng nhân loại hiện nay.

Bi kịch Loa Thành thất thủ dẫn tới việc nàng công chúa My Châu bị chết dưới lửa gươm oan nghiệt của vua cha An

KINH

Dương. My Châu đền tội vì trách nhiệm trong việc làm mất nước.

Nhưng sự thể xảy ra nông nổi đó cũng chỉ vì nàng quá yêu thương và tin tưởng chồng.

Tổ Tiên thưởng phạt phân minh. Có tội làm hại nước thì phải chết. Nhưng nàng đã trọn tình nhà, thì cũng được thưởng công.

Tổ Tiên phong thưởng bằng cách cho máu nàng chảy xuống biển và được giống trai nuốt vào mà hóa thành ngọc.

Cách phong thưởng này chẳng những không kỳ lạ, mà lại nằm trong hệ thống giá trị của văn hóa Việt. Những người sống trọn tình nhà như người em trong Trầu Cau, người vợ trong Vọng Phu, trái tim của Trương Chi, và máu của My Châu.

Tất cả đã hóa đá hóa ngọc. Đá, ngọc là thành phần Vật Chất, là trở thành trường tồn với thời gian, được quý chuộng, và được làm nền tảng xây dựng lâu dài.

Về phần Trọng Thủy, dầu thành công trong mưu đồ xâm chiếm, nhưng chàng nhớ vợ và nhảy xuống giếng mà chết. Chàng đã vì ý đồ xâm lăng, mà phụ nghĩa vợ chồng, thì chàng cũng phải chết.

Vì danh lợi mà không trọn Tình Nhà, thì cuộc đời cũng không đáng sống, thì không có quyền sống.

Vì tình nhà mà hại nước thì phải chết. Vì quyền lực mà hại nhà, thì cũng phải chết.

Đây là tuyệt đỉnh bài học làm người của văn hóa Việt. Bài học này đi ngược hẳn chủ trương của nhiều văn hóa khác.

Với cái chết của My Châu, Tô Tiên ta đã xử tử hình các chủ thuyết cá nhân vị kỷ. Với việc Trọng Thủy nhảy xuống giếng, các chủ thuyết tập thể bá quyền cũng bị nhận chết theo.

Con người chỉ có thể sống xứng đáng, trọn vẹn và hạnh phúc khi thể hiện đầy đủ các đặc tính bẩm sinh vừa cá thể vừa xã hội của mình. Có nhà mà cũng có nước, Có nước mà cũng có nhà.

Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính

My Châu và Trọng Thủy đều phải chết. Thực cảm động khi những viên ngọc do máu My Châu trở thành sáng đẹp hơn khi rửa trong nước giếng chôn xác chồng nàng.

Nàng yêu thương và tin tưởng chàng đến nỗi giao phó cả nước non, đưa nỏ thần cho chàng xem. Nàng yêu chàng trong tuyệt vọng đến liều lĩnh khi nhỏ lông ngỗng làm dấu hiệu trên đường chạy trốn chàng.

Giờ đây cả những giọt máu của nàng cũng tươi sáng lên khi được tắm trong nước tắm xác chàng.

Nàng sống trọn tình yêu Chính Thuyết Tiên Rồng. Nàng thể hiện những nguyên tắc Thân Thương Tột Cùng, Quyết chẳng lia nhau, Sẵn sàng chết cho nhau, và Mãi mãi có nhau.

Chỉ tiếc là nàng không ứng dụng nguyên tắc tắc đầu tiên của hai người phải Giống nhau như đúc, là phải tìm hiểu nhau,

KINH

phải Gặp nhau trọn vẹn, nên nàng đã không nhận ra Trọng Thủy và bị giặc lừa gạt.

Ở cấp Tình Nước, những người an dân thịnh nước như Tiên Dung Chử Đồng thành Tiên, Phù Đổng thành Thần... Tiên, Thần là phần thưởng công, phần thắng hoa hay tinh túy của linh thiêng.

Ở cấp Tình Nhà, Trầu Cau qua chuyện người em hóa đá, máu Mỵ Châu trọn tín thác chồng thì hóa ngọc, trái tim Trương Chi ôm mối tình câm, chỉ vì con người phân chia đẹp xấu, giàu nghèo... thì cũng hóa ngọc. Đá, ngọc là kết tinh, tinh túy của vật chất!

Nói đến cả hai phần vật chất và tinh thần của con người, được thăng hoa thành đá, thành ngọc, thành tiên, thành thần thì chúng ta lại trở về với con người Tiên Rồng – con người thật trong bộ ba nền tảng!

Vậy có sự an ủi và niềm hãnh diện nào hơn là chúng ta được làm con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng siêu việt – Con Cháu Tiên Rồng.



CHƯƠNG V



PHÚC ĐỨC



Bàn Thờ Tổ

Mỗi khi tai qua nạn khỏi hay gặp một điều lành, chúng ta đều nghe hay nhắc tới Phúc Đức: “Nhờ phúc ông bà nên tôi vừa thoát nạn.” “Nhờ phúc nhà nên cháu vừa thi đỗ.” “Cầu phúc tổ tiên cho được mẹ tròn con vuông.”

KINH

Nhiều ca dao tục ngữ cũng nhắc tới phúc đức, và khuyên chúng ta gây phúc lập đức, “Có phúc làm quan.” “Tiên tích đức hậu tâm long.” “May phúc ba đời để lại.” Mừng một sự kiện tốt đẹp bất ngờ chúng ta buột miệng, “May phúc!” Trái lại lời nguyên rủa nặng nề vẫn là câu, “Đồ vô phúc!”

a. Làm Phúc

Phúc là điều tốt lành cho cuộc sống con người. Con người vừa được hưởng phúc, lại vừa có thể tạo ra phúc. Đang khi đức là kết quả của việc tạo phúc, mà cũng là nguyên ủy của việc hưởng phúc.

Chủ đích của việc phúc đức, cũng như linh huấn của Chánh Thuyết Tiên Rồng, là vừa làm cho chính mình được hạnh phúc, lại vừa giúp cho mọi người cũng được hưởng hạnh phúc với mình. Do đó, phúc đức là vừa do tâm thành thiện ý, lại vừa do kết quả công việc sinh lợi cho người khác.

b. Hưởng Đức

Khi làm việc phúc đức, chẳng những chúng ta giúp ích cho người, mà chính chúng ta cũng được hưởng nhờ. Làm phúc thì được hưởng đức – Lợi vật chất thì do thu góp, mà ích phúc đức thì do san sẻ.

Chúng ta còn có thể lưu truyền phúc đức đến người khác. Do đó, con cháu được hưởng nhờ phúc đức của Tổ Tiên để lại.

c. Phúc Phận

Ngoài phúc đức Tổ Tiên, con người cũng hưởng phúc do Trời ban. Nhưng Phúc Trời lại khác nhau nơi từng con người.

Tâm độ hưởng nhờ Ôn Trời và Phúc Đức Tổ Tiên chính là phúc phận của mỗi con người. Mọi sự xảy đến trong một đời người đều do phúc phận. Cũng do phúc phận mà chúng ta có hay không, được hay mất bất cứ sự gì trên đời.

Việc phúc đức lại có thể làm thay đổi phúc phận. Nhờ làm nhiều phúc đức, do tâm thành và do kết quả ơn ích, số phận chúng ta trở thành tốt đẹp hơn, tai qua nạn khỏi, phúc thọ gia tăng.

Tùy duyên không có nghĩa là buông xuôi chấp nhận, mà để chờ duyên là chúng ta phải luôn chuẩn bị, phải tạo điều kiện, phải cố gắng làm việc phúc đức.

Thông thường chữ “Đức” có ý nghĩa đạo đức, nhân đức, ân đức, phúc đức. Chữ “Đức” còn có nghĩa là cái “Dụng của Đạo.” Chúng ta biết, đặc biệt theo triết lý Lão Học, đạo là cái thể của Trời Đất, còn đức là lúc đạo hoạt động, là cái dụng của đạo.

Chúng ta có thể nói đạo là “tạo hóa” ở thể tĩnh, còn đức là “tạo hóa” ở thể động, hoạt động, là “thần lực” dựng nên vũ trụ, con người. Đức là sức mạnh của Trời! Chữ đức được Tổ Tiên ghi khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, “Mặt Trời 14 Tia.” (Thập tứ nhất tâm: 14 người mà một lòng).

Bởi thế Phúc Đức là quan niệm gắn liền với tâm hồn và cuộc sống của người dân Việt chúng ta, chẳng những đã ăn sâu trong tư tưởng, trong tâm hồn mà lại còn bộc phát ra trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, và để giúp cho chúng ta sống “hạnh phúc.”

KINH

Quan niệm Phúc Đức đã giúp cho toàn thể Dân Việt sống hạnh phúc qua mấy ngàn năm mà đã giữ trọn vẹn tâm hồn con người để làm người.

Khi nói tới phúc đức, chúng ta luôn nhớ tới Tổ Tiên Ông Bà là người khuất núi, dĩ nhiên không quên cảm ơn Trời Phật, nhưng chúng ta nhận được ơn Trời Phật cũng là nhờ hồng phúc của Tổ Tiên Ông Bà.

Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi khi làm việc lành điều thiện, chúng ta ý thức rằng không những “mình làm mình hưởng,” mà còn dành để phúc đức đó cho cả dòng họ con cháu hưởng nhờ, “Làm lành để đức cho con.” “Quang tiền dư hậu.” “Tiên tích đức hậu tâm long.”

Quan niệm phúc đức đã giúp cho con người sống thật trong hiện tại, mà còn liên kết với quá khứ vị lai, hầu sống trọn vẹn kiếp người. Do đó chúng ta có thể nói phúc đức là quan niệm sống hữu thần sâu xa, mà gần gũi với con người nhất.

Quan niệm này là câu giải đáp cho họa duy vật vô thần thời nay, mà còn giúp chúng ta thoát ách duy tâm duy linh, đang làm con người coi thường thực tại hiện hữu của cuộc sống.

Bởi thế quan niệm phúc đức của Tổ Tiên là căn bản tâm linh cho đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước ngày nay. Trong cuộc chiến đấu, phúc đức là tiêu chuẩn để phân định rõ ràng giữa chính nghĩa hay gian tà.

Tiêu chuẩn phúc đức để kiểm chứng những việc chúng ta làm là cứu dân cứu nước, hay cướp nước hại dân.

Trong lịch sử cận đại, nhiều người ra hải ngoại cũng có thể tính chuyện cứu nước thoát ách Thực Dân Pháp, nhưng vì không xét vấn đề phúc đức như Tổ Tiên ta linh huấn, nên họ đã vô tình, hay cố ý chấp nhận một chủ thuyết ngoại lai vong bản.

Thay vì khi trở về cứu dân cứu nước, thì thực tế họ đã làm những việc bán nước hại dân, bởi họ không phân biệt ý niệm chính – tà.

Giờ đây, nếu chúng ta không xét đến phúc đức ắt cũng chẳng khác những người lãnh đạo chính trị năm xưa, cũng du nhập chủ thuyết ngoại nhân, cũng là đoàn quân viễn chinh trở về cướp chính quyền, rồi cũng tranh giành quyền lợi, cũng đàn áp lương dân, và có khi còn gieo tai họa nặng nề hơn hiện tại.

Có người hỏi rằng, trong chiến tranh chém giết, trong chính trị mưu mô mà chúng ta bàn chuyện phúc đức sao?

Thưa rằng nếu bắt buộc chúng ta phải chiến đấu để cứu người, giải cứu dân lành thì việc chém giết đó là việc làm phúc đức. Phúc đức không phải để tránh tác hại, dĩ nhiên chúng ta cần tránh chém giết thì càng tốt.

Nhưng khi không thể đừng đừng, chẳng những chúng ta không được quyền tránh, mà còn có bổn phận dân thân cứu người vô tội. Việc giết giặc cứu người là việc làm phúc đức, và càng xả thân trừ ác thì phúc đức lại càng có nhiều.

Vì nguyên ủy của Chính Nghĩa là Làm Việc Phúc Đức, mưu cầu hạnh phúc cho con người. Ai làm hại Con Người thì đầu đạt được quyền uy hay giàu sang tốt bực như tập đoàn cầm quyền thì vẫn không có chính nghĩa.

KINH

Trong đời sống con người chính nghĩa là quyết tâm đánh giặc cứu người. Giặc là tất cả những ai hay những gì làm suy hại hạnh phúc của con người và xã hội loài người.

Mặc dù chính trị có mưu mô, chiến tranh có chém giết, nhưng quyền biến, mưu lược của chính trị là để củng cố xã hội, để trợ giúp cho cuộc sống của con người. Quân sự có máu lửa, chiến tranh tàn phá, nhưng Tổ Tiên cho rằng đó không phải là hiếu sát, cưỡng bức, khủng bố mà là đánh giặc nhằm giải cứu người vô tội.

Trong đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước, chúng ta ý thức rõ ràng rằng mình đang đi cứu người, cứu anh em, cứu thân nhân, cứu nhau mà hợp thành đoàn quân nhân nghĩa đi giải cứu cả một dân tộc đang bị giam hãm đọa đày.

Trong lúc giải cứu dân tộc, chắc chắn có sự xô sát và tùy theo trường hợp mạnh yếu chúng ta lường trước tầm quan trọng trong việc cứu người mà chấp nhận thực thi. Tập đoàn cầm quyền ác nhân, cố bám vào đặc quyền đặc lợi của phe đảng riêng tư thì tranh đấu sống còn của dân tộc là chuyện khó tránh.

Khi đó kẻ ác đền tội, và người thiện hưởng thêm phúc đức.

Đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước là việc làm phúc đức hết sức to lớn, mà chúng ta khó thể tưởng tượng, như lời Tổ Tiên linh huấn, “Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người!” Dù cho có bỏ công của ra xây cất chín cảnh chùa cho tăng ni tu luyện, cũng không bằng làm phúc cứu cho một người.

Thế vậy mà giờ đây chúng ta cứu cả trăm triệu người, khi ta bỏ công bỏ của ra toan tính và sẵn sàng hy sinh cả tính mạng, dành để mọi khả năng, chuẩn bị tổ chức chu đáo cho công cuộc dựng nước, thì phải nhận chân rằng đó là “Đại Phúc!”

Việc làm đại phúc đó, chẳng những chúng ta được hưởng, mà như Tô Tiên đã nói, gia đình giòng họ con cháu và toàn thể dân tộc, ngay cả những người khuất núi và con cháu chưa sinh ra: “Quang tiền dư hậu” cũng được hưởng nhờ.

Do đó không phút giây dành để cho quê hương dân tộc là uổng phí, vì chính lúc chúng ta mưu cầu giải cứu lương dân, như Tô Tiên xác quyết, “Đại phúc đó dân tộc cũng được hưởng nhờ!”

Sở dĩ đã gần thế kỷ qua, Dân Nước chưa được giải cứu là vì chúng ta chưa có phúc đức, chưa đủ phúc đức, chưa góp thành đại phúc.

Khi chúng ta quan tâm giải cứu đồng bào, hay nói đơn giản hơn, khi nhớ tới đồng đội bị bắn ngã gục, tù đầy cải tạo, hay lời trần trời của người thân, lời thề khi bỏ nước ra đi. Và khi chúng ta nhớ tới đồng bào rên xiết dưới ách giặc mà quyết tâm hành động cứu giúp thì đó phải là đại phúc.

Và khi đóng góp đủ đại phúc thì tất nhiên chúng ta sẽ cứu được dân nước.

Con người phạm tặc như chúng ta mà còn biết quận đau trước nỗi thống khổ của dân tộc mình, thì không lý Đức Quốc Tô và Hòn Thiêng Sông Núi hay Tô Tiên Ông Bà lại làm ngo, phó mặc con cháu chịu cảnh đọa đày?

KINH

Sở dĩ các Đấng Linh Thiêng chưa thể ra tay oai linh trừ bạo cứu dân cứu nước, cũng chỉ vì tại chúng ta. Chúng ta không đóng góp phúc đức, không học hỏi, không có đủ phúc đức thì chưa xứng đáng làm tác nhân cho các Ngài sử dụng vào đại cuộc Cứu Dân Cứu Nước, để gọi là “Bất chiến tự nhiên thành.”

Nói theo kiểu Trạng Trình, “Bất chiến tự nhiên thành!” Sở dĩ được gọi là “bất chiến” vì trong việc “tham chiến” với Đạo Bình Nhân Nghĩa của chúng ta đã nhận sự phù trợ của các Đấng Linh Thiêng. Với sự tham chiến cùng bao lớp con cháu trừ ác cứu dân được gọi là “bất chiến,” tất nhiên chúng ta không chỉ có được “sức thần” (sức mạnh, thần lực) mà còn đủ tài đủ trí, thông toàn và thành công thắng giặc.

Nhìn vào lịch sử thì những cuộc chiến thắng lớn thường kết tụ tinh anh sau vài trăm năm mới có, nếu ước tính từ Chiến Thắng Đống Đa lịch sử thì tới nay cũng đã đủ thời gian cho “thiên tài cứu nước” sản sinh. Muốn thế, chúng ta phải đóng góp phúc đức, và “cộng tài cộng đức” tức là “cộng nghiệp,” là tổ chức. Tổ chức hợp thời đại thì mới thành công.

Kể từ Chiến Thắng Đống Đa đã hơn hai trăm mùa xuân trôi qua với bao vật đổi sao dời, nhưng chiến công hiển hách của người anh hùng áo vải khởi nghĩa của đất Tây Sơn vào Tết Kỷ Dậu năm xưa vẫn oai linh ngời sáng.

Và ngọn lửa Cứu Nước ấy luôn luôn bùng cháy nung đúc tình yêu nước thương dân của bao thanh niên hào kiệt anh tài, noi gương Đại Đế Quang Trung mở ra trang sử hiển hách và dựng lại Kỳ Đài Bách Việt, hay được gọi là Hoa Tiên Rồng Mở Hội của ngày nay.

Và trong nỗi đau quốc nạn, mỗi người chúng ta cần suy niệm phúc đức của Tổ Tiên, lúc ấy chúng ta mới vững dạ sắt gan, bùng lên hùng khí mà vượt qua giai đoạn chiến đấu khó khăn nhất, chính là chiến thắng ngay tự trong tâm hồn của mỗi người mà ra, mà có, mà thành.

Nhiều người cũng đang chú tâm tìm kiếm “minh quân, thánh chúa.” Xin hỏi hễ là con người thì ai có đủ tài đức lớn để cứu được toàn dân?

Nếu có, phải chăng chúng ta nhờ có phúc đức cùng nhau đóng góp trong tổ chức mà người lãnh đạo được bầu làm đại diện.

Các Vị Anh Hùng trong lịch sử được gọi là đủ tài, đủ đức cũng do Các Ngài cộng tài, cộng đức trong những tổ chức của Các Ngài. Và Phúc Đức ngày nay quả là một tiêu chuẩn, là thước đo được dùng trong một tổ chức để xét đúng sai, chính tà.

Phúc đức là quan niệm căn bản cho mọi hoạt động cứu nước của chúng ta ngày nay. Do đó chúng ta ý thức rõ ràng rằng, mỗi phút giây, mỗi hành động lo liệu cho quê hương đồng bào là những việc đại phúc.

Bằng nhờ vào quan niệm phúc đức mà chúng ta không còn bơ vơ hay chán nản lạc lõng trong cuộc sống gọi là tẻ nhạt thường nhật, vì mỗi phút giây dành để cho quê hương, là đại phúc.

Phúc đức đó, chẳng những chính mình, gia đình dòng tộc được hưởng, mà quê hương dân tộc cũng được hưởng nhờ. Bởi có đủ phúc đức thì mới cứu được dân nước.

KINH

Như thế tổ chức chính danh là tụ điểm giúp nhau thêm tài thêm đức, và cộng tài cộng đức để giải cứu đồng bào. Mỗi phút giây cho quê hương là đại phúc. Xin góp tài đức làm sức mạnh diệt giặc mà Giúp Dân Dựng Nước.

Cờ Mặt Trời Phúc Đức

Cờ Mặt Trời Phúc Đức đã toả sáng, con đường đã vạch, phương thức đã sẵn, giờ hành động đã điểm, Thanh Niên Việt Nam tiến lên, đem ánh sáng thần diệu Tiên Rồng mở đầu Một Kỷ Nguyên Mới và dựng lại Kỳ Đài Bách Việt.



GIÁO DỤC



Mặt Trời Chữ ĐỨC ở trung tâm trống đồng Ngọc Lũ

Mục đích của giáo dục không chỉ bao gồm thiện chí học hỏi, khả năng lý luận, trình độ nhận thức mà cần đào tạo lớp người trẻ sống và cư xử một cách “quang minh chính đại” đối với chính mình, với người thân, với gia đình, với cộng đồng xã hội, quốc gia dân tộc và với cả nhân loại; tiên học lễ hậu học văn (trước là học lễ nghĩa, sau là học chữ nghĩa) là vậy.

Nói cách khác, công cuộc giáo dục con người là định đặt nền tảng huấn luyện và đào tạo theo nguyên lý giáo dục là “Tình Tương Thân và Việc Phát Triển” hay Tương Thân –

KINH

Phát Triển mà Tổ Tiên đã chỉ dẫn trong Chánh Thuyết Tiên Rồng.

Phát triển cũng là hình thức bộc lộ mọi tiềm năng, mọi sức sống, mọi phương diện cuộc sống con người. Phát triển cũng là khát vọng trỗi vượt chính mình, trỗi vượt ngoại cảnh, trỗi vượt thời không trong Thời Đại Tín Liệu (Information Age) ngày nay.

Phát triển từ sức sống sức mạnh, an lành, kiên thức, khôn ngoan, tài giỏi, tâm tình, đạo đức, may mắn, sống lâu cho đến tiền bạc, tiện nghi, uy tín, danh vọng, quyền hành, chức tước hay để lưu danh thiên cổ bằng lập đức, lập ngôn, lập công, lập duệ (dòng dõi đông đúc) hoặc khám phá khoa học kỹ thuật, tiến bộ tiện nghi, sáng tạo như trồng cảnh, đánh cờ, ngâm thơ, tu tâm dưỡng tính, phát triển tiềm năng siêu vật chất, vượt thời không.

Tất cả giúp cho con người phát triển một cách tốt đẹp miễn sao thể hiện được nền tảng giáo dục là **“Tài Của Giúp Người – Mọi Người Cùng Hưởng.”**

Nhìn vào thực tại, điều gây nguy hại cho cộng đồng xã hội không phải do phát triển, mà là do con người không thể hiện trọn vẹn nguyên tắc nền tảng cuộc sống và công cuộc giáo dục: “**Tương Thân – Phát Triển.**” Bởi thế, Hoa Kỳ đang gặp vấn đề nan giải mà các nhà giáo dục phải đương đầu, đối phó (deal) với nạn học trò nghiện ngập, hút xách, phá thai, nhai kẹo cao su, hay mang súng đạn vào trường bắn giết bạn bè thầy cô.

Kẹo cao su là thức ăn nhai được Lục Quân Hoa Kỳ cung cấp cho binh sĩ từ thời Đệ Nhất Thế Chiến nhằm chống buồn

ngủ, giảm nổi nhớ nhà, ít lơ đãng trong lúc trực canh trên chiến trường chống địch quân. Nhưng khi học sinh/sinh viên mang loại kẹo này vào học đường thì lại gây ra tai hại không lường, vì bã kẹo dính bám vào đầu tóc, áo quần và bàn ghế trường lớp.

Chẳng những làm mất thẩm mỹ, mất vệ sinh mà kẹo cao su trở thành thứ vũ khí dùng cho học trò tinh nghịch kinh chống lẫn nhau, gây cho hệ thống học đường náo loạn. Cuối cùng thì những nhà giáo dục đã giải quyết nạn kẹo cao su bằng cách làm ra luật pháp nghiêm cấm học sinh/sinh viên mang kẹo vào trường. Kết quả có chẳng khả dĩ.

Nhưng trước nạn súng đạn mà học trò mang lén vào trường sở, các nhà giáo dục không thể “deal” mà phải xuống nước năn nỉ, van xin (appeal) “nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò.” Thầy cô cũng đành bất lực trước sự kiện con em xách súng vào trường nhà đạn... và chỉ còn biết cầu cứu hội phụ huynh, hội tôn giáo và lực lượng cảnh sát an ninh hỗ trợ.

Bởi vì hệ thống giáo dục Hoa Kỳ đang bước vào khúc quanh hiểm nghèo, vì nền giáo dục chưa thực thi sứ mệnh đào tạo lớp người trẻ có thái độ chính đáng đối với chính mình và đối với cộng đồng xã hội trên nguyên tắc “Tương Thân – Phát Triển.”

Tổ chức giáo dục của Hoa Kỳ rất phức tạp trong thể chế liên bang với phương pháp tài trợ giáo dục, lại thêm nạn kỳ thị chủng tộc và những khác biệt trong quyết định hay thực thi chính sách giáo dục của chính quyền tiểu bang và địa phương.

Vì giáo dục hướng về chủ nghĩa cá nhân và mở rộng đón nhận những yêu sách địa phương, những áp lực chính trị, cho

KINH

nên mục đích của giáo dục là mối tương quan giữa giáo dục và hoàn cảnh kinh tế của mỗi gia đình hay nhóm người.

Chúng ta biết rằng Hoa Kỳ là một xã hội giai cấp và dựa trên bằng cấp. Giai cấp ưu đãi nhất được thừa hưởng mọi thành quả ích lợi xã hội và là nhóm đặc quyền. Giai cấp thiếu ưu đãi thì phải lãnh nhận gánh nặng xã hội và chịu mọi sự thiệt thòi, sưu cao thuế nặng.

Quốc gia này đã vượt qua giai đoạn phát triển nông nghiệp và đại kỹ nghệ, và nay đang trong giai đoạn phát triển dịch vụ với chủ trương tăng gia mức tiêu thụ đại chúng để thâu lợi.

Theo định chế giai cấp xã hội dựa trên bằng cấp đã mang lại số thành quả trong việc phát triển kinh tế, kỹ thuật, nhưng định chế này cũng mang lại sự tập trung quyền lực kinh tế chính trị vào tay nhóm đặc quyền, tức là một thiểu số người và một số nghề nghiệp có lương bổng cao và hưởng nhiều ưu tiên, được xã hội trọng vọng.

Tới nay, nhiều người cho rằng tuyển chọn theo bằng cấp thì ứng hợp với tiêu chuẩn hiệu năng và quản trị khoa học. Điều này đúng, nhưng tiêu chuẩn này không đúng vì không mang lại việc phát triển trọn vẹn tài năng cho mọi lớp người và mọi nhóm chủng tộc trong một xã hội.

Cho dù quốc gia này có hệ thống giáo dục tiểu học và trung học cưỡng bách, miễn phí. Hơn 3,100 trường đại học công lập và tư nhân, đã rộng cửa thâu nhận sinh viên ở mọi trình độ. Có khoảng 750,000 cơ quan chuyên cấp học bổng, và trong số học bổng đó có hơn 80% không đòi hỏi, không yêu cầu sinh viên phải học thật giỏi.

Đặc tính giáo dục cấp tiến và dân chủ biểu lộ qua sự thành lập điều hành hệ thống đại học có hơn nửa số trường công lập làm rường cột cho nền giáo dục Hoa Kỳ. Tôn chỉ các trường đều là chương trình giáo dục phải thật là hay, để những con em thông minh hãnh diện là sinh viên của trường; và học phí thì phải là hạ, để giúp gia đình nghèo cũng có thể cho con em theo học.

Trường đại học và phân khoa Hoa Kỳ được xếp hạng như sau: Đại Học Nghiên Cứu (Research University), các trường nổi tiếng như Harvard, Yale, Stanford, Columbia, Duke, Princeton, University of Pennsylvania... Đại Học Kỹ Thuật (Technology University) các trường Massachusetts Institute of Technology (MIT), Stanford, Cornell, Michigan Ann Arbor, Illinois Urbana Champaign...

Đại Học Khoa Học Nghệ Thuật (Liberal Arts College) các trường Williams, Amherst, Middlebury, Wellesley, Wesleyan... Đại Học Tiểu Bang và các trường công (State University and Public University). Đại Học Cộng Đồng (Community College).

Phổ biến ở Hoa Kỳ là các loại trường Liberal Arts College, sinh viên không học chuyên về một ngành kỹ thuật (Engineering), mà học các môn khoa học tự nhiên (Natural Sciences), khoa học xã hội (Social Sciences) và các môn khoa học khác (Humanities).

Trường đại học và phân khoa Hoa Kỳ chia thành những loại: Trường tiểu bang (State College/University) do chính quyền tiểu bang quản trị và cung cấp tài chính, và mỗi tiểu bang thường có một hay nhiều trường đại học tổng hợp và trường đại học đơn ngành.

KINH

Trường tư (Private College/University) trường thu học phí cao so với giá của trường tiểu bang. Trường địa phương (Community College) điều hành bởi quận/thành phố, và tổ chức nhiều lớp học ban đêm cho những sinh viên làm việc ban ngày. Trường nghề nghiệp (Professional School) đào tạo các ngành chuyên môn: thương mại, kỹ thuật, hội họa, âm nhạc, thể thao... và có thể tùy thuộc vào một trường đại học tổng hợp/ hoặc độc lập.

Viện công nghệ (Institute of Technology) dạy khoa học và công nghệ theo chương trình bốn năm. Trường đạo (Schools run by Church) và nhiều trường đại học/hay phân khoa (College và University) các tôn giáo tổ chức và điều hành.

Hoa Kỳ là xã hội giai cấp đặt tiêu chuẩn bằng cấp và gây cho giai cấp bất hạnh vì không bằng cấp, nhưng cũng chưa nguy hại như những xã hội dựa trên gia đình, Nhật Bản. Ngày trọng đại nhất trong đời của học trò Nhật là trúng tuyển đại học; ngược lại thi rớt thì phải vào học trường kỹ thuật. Trường đại học và trường kỹ thuật trở thành khoảng cách biệt và phân chia giai cấp quá lớn.

Đang khi Anh Quốc, sinh viên muốn được ghi danh vào các trường đại học lớn Cambridge, Oxford... thì phải theo học các trường tư và nội trú... như St. Paul, Eton, Winchester, Harrow, Rugby là những trường có giá tiền học rất cao, thuộc giới thượng lưu.

Pháp Quốc thì grandes écoles là bước đầu cho việc chuẩn bị vào đại học ở các trường lớn, và lycées là trúng tuyển vào các trường trung học công lập.

Các kỳ thi tuyển ở Pháp rất khó, và đòi hỏi phải có ảnh hưởng quan hệ của gia đình. Sinh viên vào học các trường Cao

Đảng Sư Phạm (Ecole Normale Supérieure), Bách Khoa Kỹ Thuật (Ecole Polytechnique), Nghiên Cứu Chính Trị (Institut d'Etudes Politiques), Quốc Gia Hành Chánh (Ecole Nationale d'Administration) phải là con em của những gia đình giàu có thể giá trong lãnh vực chính trị và kinh tế thì mới được theo học.

Qua cái nhìn về các nền giáo dục hiện nay nhằm xây dựng và phát triển cho một Nền Giáo Dục theo nguyên lý giáo dục Tương Thân – Phát Triển:

Tình Tương Thân

Cuộc sống con người gồm cuộc sống cá nhân và cuộc sống xã hội. Cuộc sống cá nhân lại được kết thành do chính đời sống bản thân và đời sống gia đình. Trong đời sống bản thân và gia đình, con người bộc lộ cho nhau chính cá thể của mình một cách trọn vẹn.

Trọn cuộc sống cá nhân, tức tương quan giữa người và người đặt trên nền tảng đời sống tình yêu và đời sống tình nhà. Cuộc sống con người nối kết nhau bằng tình. Tình đưa đến hiệp nhất.

Tình này bộc lộ và thể hiện tình kia. Mọi người đều sẵn sàng chết cho nhau, dù chết vẫn còn nhau.

Chính nhờ bộc lộ và thể hiện cá thể của mình cho nhau, và trong nhau, một cách trọn vẹn trong Tình Thân, trong tương quan Thân Thương Tột Cùng, mà con người sống thực và phát triển trọn vẹn, mà Hạnh Phúc Làm Người ngày một gia tăng.

Việc Phát Triển

Theo cơ cấu cuộc sống, con người bộc lộ và thể hiện chính mình chẳng những qua cuộc sống cá nhân, mà còn qua cuộc sống xã hội.

Cuộc sống xã hội có trương độ rộng lớn, nên con người tự bộc lộ qua sinh hoạt, sinh hoạt làng và sinh hoạt nước, sinh hoạt địa phương và sinh hoạt trung ương. Và mọi giáo dục sinh hoạt của con người đều đặt nền tảng trên sự tương đồng tuyệt đối giữa Người và Người.

Nhận thực chính mình và chỉ thấy con người.

Công tác chính yếu của giáo dục sinh hoạt là đem tài đem trí, đem sức lực của cải để giúp nhau, và cùng nhau đạt chủ đích tối hậu là làm cho mọi người, và cả thú vật cò cây, tất cả được hưởng nhờ. Tài của giúp người, và mọi người cùng hưởng.

Ngoài cuộc sống cá nhân, sự kính quý còn gia tăng theo mức độ đem lại lợi ích cho người khác, cho nhau, từ việc đem vui tươi cho học đường và đóng góp vào việc cộng đồng, giúp cho dân an nước thịnh.

Sự quý trọng lên tới tột đỉnh đối với việc góp phần cho cuộc sống của tất cả mọi người được phát triển đúng mức, và nhất là việc cộng tác giải cứu con người thoát khỏi mọi thứ giặc, khai mở kỷ nguyên an bình thịnh vượng, cho mọi người cùng hưởng Cuộc Sống Hạnh Phúc đích thực.

Tất cả giáo dục sinh hoạt của con người đều quay quanh Việc Phát Triển mỗi người và mọi người một cách trọn vẹn.

Nguồn gốc, mục đích, và giá trị của Sinh Hoạt con người, của Việc, là đem tài năng và của cải để giúp nhau thể hiện và phát triển trọn vẹn cá thể của nhau trong Cuộc Sống Chung. Con người phát triển trọn vẹn chính mình bằng việc phát triển cuộc sống chung. Cuộc sống chung phát triển trọn vẹn bằng việc phát triển của mỗi một con người.

Có như thế mỗi người và mọi người, mới có thể bộc lộ trọn vẹn, triển nở đầy đủ, và thể hiện đúng mức con người cá thể của mình, mà đồng thời cũng chu toàn sứ mạng đời mình trong cộng đồng nhân loại.

Đặc Tính Cuộc Sống

Chánh Thuyết Tiên Rồng đặt trong tâm cuộc sống cá nhân trên Tình Tương Thân, và của cuộc sống xã hội trên Việc Phát Triển.

Tình Tương Thân giúp con người hòa hiệp thành một. Việc Phát Triển làm cho con người thể hiện trọn vẹn mọi đặc tính của mình, và nhờ đó, thể hiện bình đẳng trong cuộc sống.

Tình Tương Thân thúc đẩy Việc Phát Triển, Việc Phát Triển thể hiện Tình Tương Thân. Cuộc sống cá nhân cần có cuộc sống xã hội, và cuộc sống xã hội cần có cuộc sống cá nhân. Sống thân thương thể hiện bình đẳng, và sống bình đẳng thể hiện thân thương.

Tương Thân Phát Triển, Phát Triển Tương Thân là đặc tính của cuộc sống con người.

KINH

Phát Triển và Đấu Tranh, Tiến Hóa

Để sinh tồn, con người và toàn thể loài người phải hợp tác để Phát Triển, chứ không phải đấu tranh dành giết, mạnh thắng yếu thua, ác thú đấu tranh.

Chánh Thuyết Tiên Rồng không loại bỏ đấu tranh, nhưng đấu tranh là để chống bất công, để chống bạo quyền vị kỷ, để giải cứu con người.

Đấu tranh chỉ là một công tác của phát triển. Đấu tranh không thể là định luật sống còn của những con người muốn sống thực sự Cuộc Sống Làm Người.

Trái lại, khi đấu tranh trở thành định luật sinh tồn, mạnh được yếu thua, thì kết quả đương nhiên phải luôn luôn là hận thù và đàn áp, thì hòa bình cũng chỉ là kết quả của đàn áp thẳng tay.

Khi đặt đấu tranh thành định luật sinh tồn thì dầu dưới bất cứ hình thức nào, xâm lược, thực dân, chuyên chế... hay độc tài, công an, tập trung cải tạo... hoặc tài phiệt, kinh tế thị trường, định giá dịch vụ... nghiệp đoàn, bầu cử, làm luật... cũng chỉ là bộ mặt khác nhau của kẻ mạnh, của đàn áp. Tất cả đã không phải là một thái độ chính đáng cho lớp người trẻ với nền giáo dục hôm nay.

Phát Triển lại là tiến bộ và tiến hóa. Tiến bộ là những phát triển về kiến thức và kỹ thuật, là những khám phá, những phát hiện và ứng dụng mới của con người về những thực thể, hoặc những khả năng của thực thể. Ví dụ, những khám phá về điện lực, vi trùng, vi khuẩn, quang tuyến... sức mạnh của hơi nước,

của nguyên tử... Những khám phá và ứng dụng này thường dễ dàng hơn khi có điều kiện thích hợp.

Những phát triển ở thực thể, tiên hóa, là những bộc lộ của tiềm năng, khi có điều kiện thích ứng. Những điều kiện kinh tế và xã hội có thể giúp bộc lộ hay làm tàn lụi những khả năng tiềm ẩn trong con người.

Nền kinh tế kỹ thuật hiện nay có thể giúp bộc lộ thêm khả năng suy tư, kiến thức... nhưng đồng thời làm lu mờ những khả năng tâm linh, giao cảm, tình cảm... mà điều kiện kinh tế và nếp sống con người trước đây đã giúp bộc lộ và phát triển.

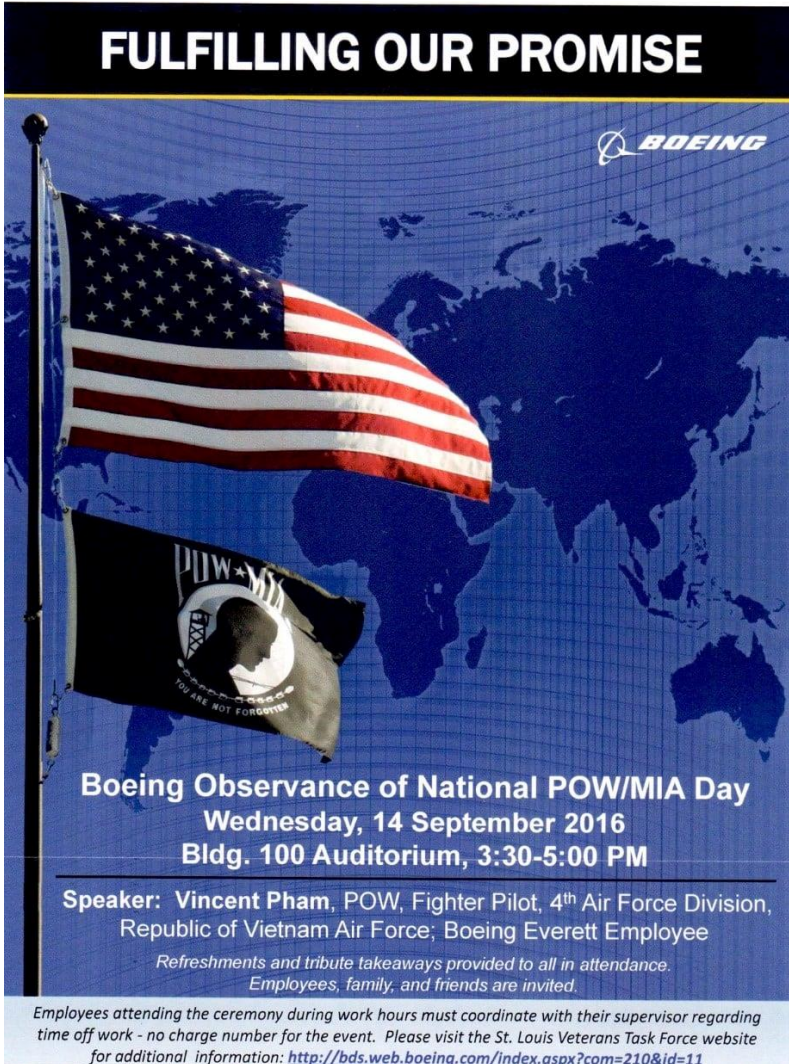
Tóm tắt chỉ là gợi ý cho một nền tảng giáo dục đúng nghĩa. Chẳng những cần nhiều công trình khảo cứu nhìn lại toàn bộ lịch sử của dân tộc Việt và Chánh Thuyết Tiên Rồng bằng một cách trung thực, toàn diện, sống động và khách lệ thiết thực hầu làm căn bản cho Nền Tảng Giáo Dục của con người. Nguyên lý giáo dục “Tương Thân – Phát Triển” chính là động cơ phát huy văn hóa giáo dục con người trong thời đại mới.



KINH

Xin mở link:

https://www.boeing.com/news/frontiers/archive/2013/june/pubData/source/Frontiers_June13.pdf



FULFILLING OUR PROMISE

Boeing

Boeing Observance of National POW/MIA Day
Wednesday, 14 September 2016
Bldg. 100 Auditorium, 3:30-5:00 PM

**Speaker: Vincent Pham, POW, Fighter Pilot, 4th Air Force Division,
Republic of Vietnam Air Force; Boeing Everett Employee**

*Refreshments and tribute takeaways provided to all in attendance.
Employees, family, and friends are invited.*

Employees attending the ceremony during work hours must coordinate with their supervisor regarding time off work - no charge number for the event. Please visit the St. Louis Veterans Task Force website for additional information: <http://bds.web.boeing.com/index.aspx?com=210&id=11>

TẾT



Theo truyền thống dân Việt, Tết là ngày mừng thời tiết ấm áp, mừng vận hành đều hòa trong sự luân lưu của đất trời, hay mừng nắng thuận mưa hòa trong năm. Sở dĩ dân Việt chúng ta mừng mặt trời mặt trăng, vì hai thiên thể đó có ảnh hưởng trực tiếp và chi phối đời sống nông nghiệp quanh năm.

KINH

Và trước thềm Năm Mới, người viết xin kính chúc quý vị và các bạn luôn an khang và thịnh vượng, trong câu Chúc Mừng Năm Mới!

Chúc Mừng Năm Mới – khởi đầu của bài viết mới, khởi đầu của hành trang mới, khởi đầu của hy vọng mới, tuần hoàn mới, thời tiết mới... Tất cả đều mới, mới từ vạn vật cho chí mới tới con người, như lời người xưa thường nói: Nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân (Đổi mới, mỗi ngày một mới, phải luôn đổi mới) mà trong đó con người của chúng ta được nhận là chính, là gốc của vũ trụ vạn vật.

Chúc Mừng Năm Mới – còn là ngày mừng sinh nhật chung của mọi người trong chúng ta. Mọi người mừng cho nhau thêm một tuổi, thêm sống lâu, thêm nhân đức, thêm kinh nghiệm, thêm Ôn Trời!

Tết còn là ngày đoàn tụ của con cháu với tổ tiên ông bà, với bạn hữu và thân bằng quyến thuộc để mỗi người chúng ta được sống trọn vẹn chính mình, và đã thể hiện hay bộc lộ qua những điều kiêng cử nhằm tránh những bận rộn rắc rối hay phiền toái có thể làm cho mình buồn lòng.

1. Lễ Tết

Ở mọi thời mọi nơi, dân tộc nào thì họ cũng có lễ tết, và lễ tết là sự bộc lộ thuần nhiên tâm hồn của con người. Nhưng sự bộc lộ này, lại được văn hóa Việt đặt vào đúng vị trí quan trọng và thích đáng, trong đời sống của dân tộc Việt Nam.

Theo niềm tin dân Việt, chúng ta có bốn ngày đại lễ, và Tết là một trong bốn ngày đại lễ dân tộc. Sở dĩ được gọi là đại

lễ, vì đó là những ngày đặc biệt để chúng ta thờ kính tổ tiên của mỗi người, của dòng tộc, của dân tộc.

Thờ kính các vị Thần Linh trực tiếp làm ơn ích cho chúng ta, trong đó phải kể tới Ông Trời (Thiên Chúa) là đấng nguồn sống của toàn thể vũ trụ.

Nhưng niềm tin Việt lại chỉ ngừng ở dấu hiệu hiển linh, chứ tổ tiên ta không bàn tán, không đi sâu vào cuộc sống tâm linh, thế giới vĩnh hằng, hay bản tính của các đối tượng thuộc về thế giới siêu linh như các tôn giáo. Do đó, Tổ Tiên Việt luôn nhắc nhở con cháu rằng “Chỉ thấy con người, và chỉ lấy con người làm tiêu chuẩn căn bản trong đời sống!”

Thờ kính Tổ Tiên trở thành niềm tin nền tảng sâu xa, và là tâm linh vững chắc nhất của người dân Việt. Dầu còn sống hay đã khuất, Tổ Tiên của chúng ta luôn là những vị chẳng những đã trực tiếp cho chúng ta diễm phúc làm người, mà còn luôn yêu thương bảo bọc, che chở phù trợ, chia sẻ cuộc sống với từng người trong chúng ta.

Thờ kính Tổ Tiên còn nhắc nhở cho những người đang sống cần phải luôn ý thức về những ơn ích mà mình được thừa hưởng; đồng thời, thúc đẩy người ấy phát huy sự nghiệp ân đức của dòng họ, của gia tộc, của dân tộc. Do đó, Tết là ngày đoàn tụ gia đình, chẳng những, giữa những người đang sống mà còn đoàn tụ với Tổ Tiên, với sự hiện diện trong cách sống linh thiêng và hướng về con cháu dân tộc tương lai mai sau.

Đại lễ kính Tổ Tiên lại tăng thêm ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc lễ, khi được kết chung với Tết, với ngày đầu Xuân. Bởi thế, phong tục dân Việt dành suốt hai tuần lễ, từ 23 tháng chạp tới mừng 7 tháng giêng, để vừa kính nhớ Tổ Tiên,

KINH

vừa đoàn tụ gia đình, mà cũng vừa mừng năm mới, mừng tuổi mới của từng người, và để mở đầu cho đời sống mới của dân tộc Việt.

2. Ý Nghĩa Lễ Tết

Ngay từ nghìn xưa dân tộc ta đã đặt Tết vào một địa vị chính yếu trong nếp sống Việt, và mọi sinh hoạt xã hội cũng được tính theo lễ tết. Đại chúng Việt luôn lấy Tết làm mốc thời gian để sắp xếp cho mọi công việc dự liệu trong năm.

Tết chẳng những là sinh hoạt đoàn tụ cho gia đình, cho làng xã, cho đất nước, mà còn là dịp tổ chức long trọng, và mang ý nghĩa nhất trong đời sống con người. Ngày lễ tết là những dịp họp mặt, ăn uống, vui chơi... mà còn để thực hiện một số công tác nhằm nâng cao đời sống xã hội Việt.

Tết thắt chặt thêm tình đồng bào, gắn bó với nhau, giúp nhau cảm thông, hoặc cùng nhau giải quyết những khó khăn trong cuộc sống chung việc làng, việc nước, nhằm tạo cho đời sống cộng đồng thêm hạnh phúc, an vui.

Tết giúp mọi người cùng nhau ôn lại công đức, gương sáng của Tổ Tiên. Tết là dịp nhắc nhở, sống thực những nguyên tắc nền tảng của cuộc sống, và những điểm chính yếu của Nếp Sống Việt.

Tết giúp mỗi người chúng ta nhận định và điều chỉnh cuộc sống, để sống trọn vẹn cuộc sống làm người.

Tết cũng là dịp chúng ta giúp nhau tỏa rộng cuộc sống. Trong Tết, chúng ta lãnh nhận từ quá khứ, sống cho hiện tại, và lưu lại hậu thế mai sau. Chúng ta cũng thừa hưởng công

đức của Tổ Tiên, và đóng góp thêm phần tài trí của mình, nhằm trao lại cho con cháu, chẳng những sản nghiệp, gương sáng, lời dạy dỗ, mà còn phúc đức, sự phù trợ, và nếp sống hạnh phúc toàn vẹn.

Tết là phương thức trực tiếp nung đúc tinh thần, củng cố niềm tin, sống thực Hồn Việt. Tết còn là dịp giúp chúng ta tạo thêm công phúc cho chính mình, cho dòng tộc, cho mọi người.

Tết Dân Tộc là một phần trọng yếu trong cuộc sống của Con Người và Xã Hội Loài Người.

Bởi thế bất cứ loại giặc nào... nội xâm/ ngoại xâm... đều tìm và làm đủ cách để dân tộc Việt phải lãnh đạm mà từ bỏ Tết. Việc ngăn cấm Tết, chẳng những giặc đã thực hiện bằng luật pháp, bằng phương tiện truyền thông, mà còn bằng giáo dục qua những sinh hoạt xã hội đặt nền tảng trên thú vật/ máy móc, hay trên quyền lực/ tôn thờ lãnh tụ mà thay thế di ảnh Tổ Tiên nhằm tiến tới vô thức vô thần.

3. Đối Tượng Lễ Tết

a. Văn hóa Việt nhận diện con người qua cuộc sống và Lễ Tết Dân Tộc, tập trung quanh cuộc sống con người. Và như thế, đối tượng niềm tin dân tộc là tự giới hạn nơi cuộc sống con người.

Trong cuộc sống thường ngày, niềm tin dân Việt bộc lộ qua đạo sống Làm Việc Phúc Đức, với tiêu chuẩn thẩm định giá trị cuộc sống con người là dung độ đức hường, tức là tầm độ đem hạnh phúc đến cho người khác.

KINH

Trong văn hóa Việt, giá trị cuộc sống của con người không được quy định bằng quyền lực, bằng chức tước, bằng giàu sang uy thế... cũng không bằng tài năng, nghề nghiệp, dòng họ, khoa bảng bằng cấp, hay bất cứ gì ngoài con người, mà trên việc con người thể hiện chính mình một cách trọn vẹn.

Điểm quan trọng nhất là chính sách quyền chức của Việt Nam đã không có nhóm đặc quyền. Từ thời Vua Hùng, và qua suốt dòng lịch sử, vua quan ta không dựa vào quyền chức mà chiếm hữu tài sản. Đối với vua quan Việt, chức tước không mang lại đặc quyền vật chất.

Dù cho quyền chức có cao trọng tột bậc tới đâu chẳng nữa, thì cũng không được chia đất phong tước truyền đời. Tất cả các vị hoàng đế đương triều của dân Việt cũng không có tài sản riêng.

Tất cả là của dân nước, đều được điều hành theo quy chế tài sản quốc gia. Vua quan ta chỉ được quyền sử dụng để làm phương tiện mà chu toàn nhiệm vụ.

Chính sách quyền chức của Việt Nam xưa nay đã thể hiện việc tạo hạnh phúc làm người, vừa cho chính mình, vừa cho những người khác, trong cuộc sống cá nhân cũng như xã hội, quê hương dân nước.

Giá trị cuộc sống của con người, chính là ảnh hưởng hạnh phúc của người đó đối với những người xung quanh. Trong cuộc sống, ai làm cho người cùng hưởng hạnh phúc làm người với mình, qua chính mình, thì người đó càng được quý trọng hơn.

Và xã hội ta lại được biểu trưng bằng Một Bọc Trăm Con, nên cuộc sống của mỗi người chúng ta cũng là một cái bọc chứa những người anh em khác. Rồi tùy theo sức chứa ấy, tức là tùy theo tầm độ hữu ích mà người ấy thể hiện được chính mình, đáng quý đáng trọng.

Bất cứ ai, cũng có thể được tôn quý tùy theo sức chứa những người khác trong ảnh hưởng phúc đức của mình, tức tùy thuộc dung độ đức hưởng.

b. Niềm tin phổ quát và sâu xa nhất của người dân Việt là niềm tin vào Ông Trời, Đấng Tạo Hóa, Đấng Sáng Tạo vũ trụ, mà cũng là Đấng trực tiếp liên hệ với cuộc sống của con người. Bởi đó nếp sống Việt bọc lộ niềm tin này như một sự hiển nhiên.

Cũng trong niềm tin nền tảng của văn hóa Việt, là niềm tin vào sự trường cửu của Hồn Thiêng con người, đặc biệt vào sự vĩnh tồn linh thiêng, và độ trì gần gũi của Tổ Tiên. Linh thiêng và cao cả hơn hết, là Hai Vị Khởi Tổ (Tộc Tổ: Mẹ Tiên Cha Rồng) vì luôn luôn độ trì cho Tộc Việt, cho con cháu.

Niềm tin này, đặc biệt tôn quý những Vị đã có cuộc sống cống hiến và giúp ích cho nhiều người. Tuy với tầm độ khác nhau, nhiều Vị đã được thờ làm Thành Hoàng, được nhiều người thờ kính, và tỏ hiện linh qua việc phù trợ cho dân chúng.

Cùng với Thành Hoàng, và cũng được quan niệm như Thành Hoàng, là một số Thiên Thần hiển linh tại Núi Thiêng Sông Linh. Tổ Tiên cũng phân biệt rõ ràng Vị Thần đang hiển linh trên cái núi, cái sông, cái biển... Cũng như những dân tộc khác, Tộc Việt lấy mặt trời làm tâm điểm cho mọi diễn biến của cuộc sống.

KINH

Nhưng văn hóa Việt không hề có dấu vết phụng tự trái đất, hay mặt trời như những vị thần trong các văn hóa khác. Bởi vì quý, trọng, mừng thì khác nghĩa với phụng tự.

Có khuynh hướng cho rằng, niềm tin nêu trên là tin vợ thờ quá? Xin thưa, trong bộ Tân Ước hay sách Khải Huyền (Apoc) của Thiên Chúa Giáo đã xác quyết là những thành phố có những Thiên Thần đặc trách...

Và rồi Sách Phúc Âm cũng nhấn mạnh là mỗi người có một Thiên Thần Giữ Mình/ Thiên Thần Bản Mệnh và có lễ kính hàng năm vào ngày 2 tháng 10. Nhiều thánh đường và giáo xứ khắp nơi trên thế giới đều có Thiên Thần hoặc Nhân Thần, tức là Thánh làm Quan Thày, làm Thành Hoàng...

Niềm tin Việt cũng đã có thời làm cho các nhà truyền giáo Tây phương phải kinh ngạc, sững sốt, vì căn bản của Thiên Chúa giáo, tức là tôn giáo thờ Trời (Ông Trời, Chúa Trời, Chủ Trời).

Và rồi Hồn Thiêng Dân Tộc, Hồn Thiêng của Tổ Tiên, Các Ngài đã qua đi, nhưng Hồn Thiêng của Các Ngài vẫn vĩnh tồn ở thế giới bên kia và phù trợ cho con cháu. Bởi đó, Hồn Nước là tinh thần dân tộc, là truyền thống dân tộc, hướng dẫn mọi người trong nước hành động hữu hiệu cho lợi ích chung của toàn dân.

4. Diễn Đạt Lễ Tết

a. Văn hóa Việt là kết tinh của nhận diện cuộc sống con người qua bộc lộ hiện thực trong cuộc sống.

Do đó cách diễn tả sự liên lạc giữa con người với mọi hiện hữu, kể cả với thế giới siêu linh, thế giới bên kia, cũng đều căn cứ và khuôn rập theo cách bộc lộ của cuộc sống hiện tại. Người đang sống cứ theo cách tốt đẹp nhất của dương gian này mà kính nhớ vị khuất mặt, vị khuất núi... Dương sao âm vậy!

Niềm tin được bộc lộ qua sinh hoạt thường ngày của người dân Việt, qua việc mừng Lễ Tết, và đặc biệt qua Nghi Thức Lễ Tế.

Trong ngôn ngữ Việt, chữ thờ và chữ kính được dùng lẫn lộn nhau, và có cùng một nghĩa. Ca dao Việt Nam: “Tu đâu cho bằng tu nhà, Thờ cha kính mẹ cũng là đi tu.” Hay “Một lòng thờ mẹ kính cha”... Tuy nhiên, ý nghĩa và tầm độ của việc thờ kính này lại thay đổi tùy theo đối tượng.

Không ai trong chúng ta lại lẫn lộn các tầm độ cao quý, tâm thành và thiết yếu, giữa thờ trời và thờ tổ tiên, thờ cha mẹ... Và không người Việt nào lại dám coi tổ tiên là đáng tạo hóa toàn năng.

b. Nền tảng của Tết là lòng thành, tức là lòng tin tưởng, ngưỡng mộ, và sùng bái của con người. Nghi thức lễ tế cũng là phương tiện diễn đạt và tăng triển lòng thành.

Vì vậy các dạng thức diễn tả bên ngoài của nghi thức cũng là phần thiết yếu để bộc lộ niềm tin.

Nghi thức đã đi vào cuộc sống hằng ngày. Dân Việt chúng ta thường bày tỏ lòng kính quý, yêu mến, úy phục bằng cách cúi đầu, cất nón... và dùng những từ ngữ thanh tao, hay những kiêng cử đặc biệt.

KINH

5. Mừng 5 Tết: Ngày Đại Lễ Kính Trời

a. Thờ Trời, đáng sáng tạo vũ trụ, là niềm tin nền tảng của người dân Việt. Qua mọi thời đại, văn hóa Việt đã lấy trời, mệnh trời, ý trời... làm nguồn gốc, làm mẫu mực cho mọi sinh hoạt con người.

Cuộc sống của mỗi người, của mỗi nhà, của mỗi làng, và của cả nước đều lấy ơn trời làm gốc.

Sân trước mỗi nhà đều có bàn Ông Thiên, để thờ Trời. Trong nước, hàng năm đều có cử hành Lễ Tế Trời rất trọng thể, do vua tế tại thủ đô và quan tế tại các tỉnh.

Lễ Tế Trời được tổ chức đặc biệt quan trọng vào ngày mừng 5 Tết, để mọi người cùng nhau cử hành một đại lễ của dân tộc, đúng truyền thống tổ tiên, đúng phẩm giá và trọn vẹn con người.

b. Vấn đề hiện nay của người dân Việt chúng ta, chẳng những là loại bỏ những gán ghép thừa thãi của giặc nhằm tiêu diệt tinh hoa tư tưởng dân tộc, mà còn cần phải diễn giải ý nghĩa và giá trị đích thực của Tết theo ngôn ngữ và cách diễn đạt hợp thời.

Cần nhiều sáng kiến thích đáng, và xử dụng những tuyệt kỹ của các bộ môn nghệ thuật, kỹ thuật, và phương tiện truyền thông, để luôn biến đổi dạng thức trình bày sao cho thích hợp, chẳng những với từng lứa tuổi, với từng hạng người, mà còn với cảm nhận, và hoàn cảnh sinh hoạt thời đại.

Trong nếp sống thời trước, ngày Hội thường có các cuộc thi và trò vui như: thi đồ xôi, nấu cơm, làm bánh, dọn tiệc, dệt

vải, may quần áo... đốt pháo, rước đuốc, bơi thuyền, sáo diều, treo đèn, kéo chữ... làm thơ, hát chèo, hát đúm, hát quan họ, hát trống quân... ca múa, múa xòe, múa rối... đánh vật, đánh phết, đánh côn, leo giầy, lao cầu, leo phao, đu tiên... chọi gà, chọi trâu, chém gà, chém lợn, đánh cá, bắt trạch, thả chim... đánh cờ, đánh bạc, xóc đĩa, tổ tôm, bài chòi...

Ngày nay, chúng ta lại cần nhiều sáng tạo đặc biệt hấp dẫn, ứng hợp với cuộc sống tràn ngập kỹ thuật tốc độ, điện tử, truyền thông... Chúng ta cần luôn sống động hiện thực, vì khi nào trở thành chiếu lệ, lặp lại khuôn thức cũ... là thiếu sức sống, lỗi thời và lạc hậu.

Tổng Quan

Hành trang mới, có như thế Tết mới trở thành một hệ thống giáo dục hữu hiệu, giúp cho toàn thể mọi người học hỏi và sống thực với tâm hồn, phát triển tâm tuệ, đem tinh hoa văn hóa dân tộc vào cuộc sống thường ngày của từng cá nhân, cũng như của toàn dân và của mọi người.

Một lần nữa: **Chúc Mừng Năm Mới!**





Tổ Tiên gieo trồng cây Phúc Đức
Con Cháu vun đắp cây yêu thương

Văn Chúc Tế Tổ

(Cầu trong các Buổi Tế của Tổ Chức)

Chủ Tế: - Phát 4 cây nhang cho mỗi người, rồi tuyên bố:
Trước Bàn Thờ Tổ thiết lập tại Thành Phố Lynnwood,
Tiểu Bang Washington, Hoa Kỳ ngày 17 tháng 2 năm 2019,
nhằm ngày 13 tháng 1 năm 4895 Việt Lịch
Chúng con (thành viên xướng tên họ và danh xưng nếu có,
của từng người) hiệp cùng con cháu Tổ khắp nơi,
đồng tâm kính thỉnh:

Kính Lạy Tổ. @

Nhớ xưa,

- Mẹ Cha Tiên Rồng phối hiệp, tinh hoa Một Bọc Trăm Con,
khơi dòng Việt,
Con cháu Việt Lạc song toàn, tú hiền Trăm Họ Một Nhà,
Mở nước Nam.
- Lướt vượt thời gian, Mười Tám đời Vua Hùng
xây nền đắp gốc,
Mở mang bờ cõi, mấy ngàn năm Việt Nam xẻ núi lấp sông@

* *

- Kính quý phận người, Chánh Thuyết Tiên Rồng ngàn đời
tỏa ngát hương nhân đạo,
Yêu thương con cháu, Hệ Tiên Rồng muôn thuở soi tỏ
hương thăng hoa.
- Được Hiền Tổ truyền ban nếp sống
Thân Thương Cùng Tột,
từ trong nhà ra ngoài xã hội, luôn gìn giữ
Hiếu Hòa Thuận Thảo

KINH

Nhờ con cháu sống thực nguyên tắc Bình Đẳng Căn Cơ,
đầu trung ương cho đến địa phương, cùng chăm lo.
Hiệp Nhiệm Kính Nhường. @

* *

- Trước ác quyền bạo lực, vẫn hiên ngang
ngẩng cao đầu bất khuất,
Trong gian khổ nguy nan, luôn ngạo nghễ cười
ngược mặt kiên cường.
- Đánh nam dẹp bắc, đã so tài trí hùng sức dũng,
Lấp biển phá rừng, cùng thi thố dạ sắt gan vàng.
- Mỗi ngọn cỏ, mỗi cành cây tác đất, đều thấm đượm
máu xương Tiên Bối,
Tùng câu ca, tùng nếp sống lời khuyên, nặng công trình
tim óc Mẹ Cha.
- Ân đức Tiên Nhân trùm khắp,
Công ơn Hiền Tổ cao dày. @

* *

Kính Lạy Tổ, @

Thế nhưng nay,

- Bởi lòng người phân tán, vì thế cuộc đảo điên,
- Một bọn mặt người dạ khỉ, chối Tổ hại dân,
tay sai quỷ đồ, theo tà thuyết phá kỷ cương đạo lý
Những bày trí quần lòng tham, xa nguồn mất gốc,
tôi tớ ngoại bang, dựa ác nhân hại chính nghĩa luân thường.
- Cho nên,
Người hiền đức phải đọa đầy bạc đãi,
Đứa vô luân thì đắc thắng huênh hoang.
- Nghĩa sĩ anh hùng bị giam cầm sát hại,
Dân lành hào kiệt phải đối khổ kẹp cùm.

- Đất nước thảm thương,
Cỏ cây xơ xác.
- Người ở lại đắng cay sầu nhục,
Kẻ ra đi tức tưởi thể lương.
- Đất nước non sông chau mày kiếp nạn,
Tổ Tiên tiên bối trách mắng muôn phen. @

* *

Kính Lạy Tổ, @

Chúng con nguyện,

- Dẫn muôn vạn sao dời vật đổi,
Dù trăm ngàn dâu bể tang thương,
- Lòng thành kính quyết hướng về Hiền Tổ,
Lập công đức đắp xây cho Đại Cuộc,
Dạ trung kiên thể giải cứu Đồng Bào, Đem máu xương
tô thắm mãi Non Sông. @

* *

Kính xin Tổ, cùng các Đấng Thánh Thần Anh Linh, @

- Thương xót độ trì, mở tâm thông tuệ,
Hiển linh phù giúp, thêm sức soi đường.
- Cho Nếp Sống Việt rạng ngời, Đạo Tiên Rồng cao siêu
mau tỏa sáng,
Đẻ Hoa Tiên Rồng mở hội, Người Cứu Nước sứ mạng
sớm hoàn thành.
- Hào Quê Hương thanh bình, Đồng Bào hạnh phúc,
Và Nhân Loại chung hưởng, Hiền Tổ rạng danh. @

* *

Lòng thành kính dâng,
Khấn xin hưởng nhậm. @

* * * *

Ghi chú: Khi có dấu @, mọi người vái 4 vái, với 4 cây nhang



Phục vụ trong hãng Boeing

Giỗ Tổ Hùng Vương

Tiền nhân Việt Nam thường khuyên chúng ta, “Cây có cội, nước có nguồn. Con người phải có tổ tiên ông bà,” “Uống nước nhớ nguồn,” “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”... Lời di huấn ấy đã thành một truyền thống “tri thủ ân nghĩa” hay ghi nhớ công ơn dưỡng dục của cha mẹ và các bậc sinh thành ra chúng ta, một biểu trưng đặc thù của nền Văn Hóa Việt, và thể hiện đời sống văn minh nhân bản của Xã Hội Việt, Xã Hội Tiên Rồng của Chính Thuyết Tiên Rồng.

Từ bao ngàn năm nay, cứ đến ngày 10 tháng 3, con cháu Tiên Rồng khắp nơi rủ nhau trở hội Đền Hùng. Giỗ Tổ là ngày đại lễ mà toàn dân hướng trọn niềm tin, thành tâm thiện ý kính nhớ công đức cao trọng của các vị Thánh Vương Lập Quốc, gọi là Quốc Tổ hay Mười Tám Vua Hùng, dựng nên bờ cõi non sông Việt Nam xinh đẹp như ngày hôm nay.

*“Dầu ai buôn bán ngược xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ rủ nhau ta về
Dầu ai buôn bán trăm nghề
Tháng ba Lễ Tổ ta về cho đông...”*

Cũng nhờ sức phát huy truyền thống của ngày Giỗ Tổ, mà dân tộc ta đã trải qua hơn năm ngàn năm lịch sử, và hơn bốn ngàn năm văn hiến dựng nước, giữ nước, cứu nước, mở nước...cho dù trải qua bao giông tố thịnh suy, đô hộ... Nhưng dòng sinh mệnh của Dân Tộc Việt vẫn trường tồn, vẫn bất khuất, vẫn ưu việt, vẫn mãi luôn ngời sáng.

KINH

I. TỘC TỔ - NGÀY 10 THÁNG 3

Đã qua bao ngàn năm lịch sử, cứ ngày 10 tháng 3 Việt Lịch hàng năm, là ngày đại lễ của dân tộc, một Đại Lễ Giỗ Tổ.

Dù chưa có tài liệu sách vở nào giải thích về lý do Tổ Tiên lại chọn ngày 10 tháng 3 làm ngày lễ kính các Đức Quốc Tổ của cả một dân tộc. Nhưng chắc chắn khi Tổ Tiên chọn ngày 10 tháng 3 làm ngày quốc lễ, cũng phải có lý do quan trọng nào đó, nhằm nhắc nhở con cháu ý nghĩa thiêng tàng, đặc biệt vào những thời đất nước loạn lạc suy vi.

Đúng thế, theo cách tính của Tổ Tiên, thì **tháng 3 là Thìn (Rồng)**, tháng lấy hình tượng Rồng trong thập nhị địa chi (mười hai con giáp) vì thế nguyệt kiến cho 12 tháng mỗi năm được lưu hành tuần tự:

Tháng giêng: kiến dần
Tháng hai: kiến mao
Tháng ba: kiến thìn
Tháng tư: kiến ty
Tháng năm: kiến ngọ
Tháng sáu: kiến mùi
Tháng bảy: kiến thân
Tháng tám: kiến dậu
Tháng chín: kiến tuất
Tháng mười: kiến hợi
Tháng (mười) một: kiến tí
Tháng chạp: kiến sửu

Tiếp đến là tính từ Tý trong 12 con giáp (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) thì **ngày 10 là Dậu (Tiên)**. Và trong 12 địa chi này, Dậu là gà, thuộc loài

chim như biểu hiệu của chim Lạc, là Tiên trên trống đồng Ngọc Lũ hay thập đồng Đào Thịnh.

Do đó địa chỉ Thìn mang nghĩa Rồng, Cha Rồng, Long Quân, thì Dậu mang ý nghĩa Lạc, Mẹ Tiên, Lạc Cơ như Tổ Tiên đã khắc ghi trên Trống Đồng Ngọc Lũ hay Thập Đồng Đào Thịnh trong bao ngàn năm qua.

Đó là ngày Tiên tháng Rồng (ngày 10 tháng 3)

Ngày 10 tháng 3, được Tổ Tiên chọn là để giúp chúng ta dễ nhớ về nguồn gốc của mình: Con Cháu Tiên Rồng. Mẹ Tiên Cha Rồng là Hai Vị Khởi Tổ của các vị Vua Hùng Quốc Tổ và cả một Dân Tộc Việt Nam.

II. QUỐC TỔ

Trong “Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,” sử gia Ngô Sĩ Liên viết vào năm 1479, thì dân tộc ta mở nước vào năm Nhâm Tuất, tức là năm 2879 trước Công Nguyên. Năm 2879 này cũng là năm thứ nhất của Việt Lịch, và tính theo niên hiệu này dân tộc Việt có năm ngàn năm lịch sử, và hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Theo quan niệm lập quốc của dân tộc, Nước Việt Nam được thành lập do nhiều vị Quốc Tổ, mười tám Vua Hùng, chớ không phải một vị vua đầu tiên như nhiều quốc gia khác. Cũng theo quan niệm lập quốc của Tổ Tiên, dân tộc ta nhấn mạnh việc hình thành một dân tộc, một nền văn hóa hơn là việc thành lập một quốc gia theo như định nghĩa chính trị đương thời.

KINH

Truyền thống Giỗ Tổ có từ ngàn đời, dân tộc ta vẫn luôn thờ kính Quốc Tổ. Núi Hy Cương, tỉnh Phú Thọ có Đền Hùng và các thần vị, danh hiệu của mười tám Vua Hùng dựng nước. Trước Đền có một ngôi làng, mà theo tương truyền, đó là mộ của một đấng vua.

Các danh hiệu trong Đền Hùng được dùng như là tên để chỉ từng đời vua. Tuy nhiên đó chỉ là miếu hiệu, tức tước hiệu của mỗi vị nhằm giúp chúng ta dễ dàng tôn kính trong lúc lễ tế.

Theo “Việt Sử Thông Lãm” của Vũ Huy Chấn, xuất bản tại Sài Gòn năm 1973, trang 3 và 74, thì các miếu hiệu này đã được kính nhớ khởi sự từ thời Nhà Lý bao gồm:

(1) Hùng Dương Vương (2) Hùng Hiền Vương (3) Hùng Lân Vương (4) Hùng Hiệp Vương (5) Hùng Hy Vương (6) Hùng Huy Vương (7) Hùng Chiêm Vương (Hùng Vĩ Vương) (9) Hùng Định Vương (10) Hùng Vị Vương (11) Hùng Trịnh Vương (12) Hùng Võ Vương (13) Hùng Việt Vương (14) Hùng Anh Vương (15) Hùng Triệu Vương (16) Hùng Tạo Vương (17) Hùng Nghị Vương (18) Hùng Duệ Vương.

III. QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

1. Vua Hùng

Nhiều người thường nghĩ rằng, mười tám Vua Hùng là con số các vua truyền ngôi liên tục, từ năm 2879 trước công nguyên cho tới năm 258 trước công nguyên. Khoảng thời gian là 2600 năm.

Nếu chúng ta đem con số 2600 năm chia ra cho 18 vị, thì trung bình mỗi vị sẽ trị nước là 150 năm. Con số thời gian 150 năm cầm quyền quá dài, chứng tỏ số 18 vua không phải là những vua liên tục trong lịch sử.

Do đó 18 Vua Hùng là biểu trưng cho các Thánh Vương có công dựng nước và giữa nước nên được toàn dân tôn vinh thờ kính.

Cũng trong Việt Sử Thông Lãm của tác giả Vũ Huy Chấn, trang 94, tại Đền Hùng có câu đối viết vào thời Lê Trung Hưng năm 1532 ghi nhận Thời Hùng thì có 2600 năm và 42 vua. Nguyên văn câu đối:

- Nhi thiên lục bách dư niên dữ Đường Ngu Thương Chu
nhi thượng tử long, Cổ Việt Hồng Bàng khai tịch;

- Tứ thập nhị truyền hiền hiệu lịch Đinh Lý Trần Lê hát
kim sùng tự, Tam Hà Ngũ Linh cao thâm.

Dịch:

- Cõi Việt Hồng Bàng mở nước, khoảng hai ngàn sáu trăm năm hơn, cùng Đường Ngu Thương Chu trước kia ngang thịnh vượng;

- Ba sông năm núi cao sâu, truyền bốn mươi hai ngôi vua đúng, trải Đinh Lý Trần Lê nay nữa vẫn tôn thờ.

Theo câu đối Đền Hùng, có 42 vua, thì con số vua này lại khác xa số 18 được thờ kính cũng ngay trong đền này.

Nếu chúng ta lấy khoảng thời gian 2600 chia cho 42 đời vua, thì thời gian trị vì có chẳng khả dĩ để chấp nhận.

KINH

2. Tộc Tổ

Từ ngàn xưa dân tộc Việt vẫn luôn tự hào mình là Tiên Rồng, là con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng siêu việt. Và đây là niềm tự tin tự hào về nền tảng của nòi giống, từ đó, chúng ta căn cứ vào nguồn gốc mà thấy mình khác biệt, hoặc trội vượt hơn những sắc dân khác xung quanh.

Niềm tự tin tự hào của một dân tộc đã trở thành nền tảng tư tưởng sâu vững trong tâm hồn, trong huyết quản và trong giao tế hay cư xử của mỗi người Việt Nam chúng ta.

Tuy nhiên, ở thời cận đại, đang khi đại chúng Việt hãnh diện và phát huy các biểu tượng Tiên Rồng của Tổ Tiên, thì lớp người trí thức Việt Nam lại tỏ ra lúng túng trong việc giải thích về nguồn gốc và truyền thuyết dân tộc.

3. Sử Sách

Như trong “Thục An Dương Vương Tiên Đế Ngọc Phả Cổ Lục,” của nhiều tác giả do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội năm 1976, trang 243. Sách này lại ghi hai vị đầu tiên trong số mười tám Vua Hùng là An Dương Vương, và Lạc Long Quân. Cái rắc rối của sử sách của Việt Nam thiếu minh bạch là ở những điểm này.

a. An Dương Vương

Chúng ta không thể liệt kê An Dương Vương trong số mười tám Vua Hùng và ông không được thờ kính trong Đền Hùng vì tội làm mất nước về tay Triệu Đà. Mặc dầu theo thần phả ở đền Cổ Loa, An Dương Vương cũng là Hùng gia chi

phái, tức thuộc dòng dõi vua Hùng nhưng không được tôn kính.

An Dương Vương đã lia bỏ truyền thống dân tộc, quyết định xây thành. Chính ông nhờ cậy thần Kim Quy và xin nỏ thần. Chính ông hành hạ dân, từ khước dân.

Chính ông đón rước Trọng Thủy, và đặt nỏ thần trong tầm tay của Trọng Thủy. Chính ông cho Triệu Đà mọi điều kiện đặt ách nô lệ lên toàn dân... thì không lý dân tộc ta lại thờ kính An Dương Vương?

b. Lạc Cơ Long Quân (Mẹ Tiên Cha Rồng)

Là hai vị Khởi Tổ sinh ra nòi giống Tiên Rồng, truyền thuyết Bọc Mẹ Trăm Con – thì không thể mang Cụ Tổ khai sinh dòng giống Việt là Lạc Cơ Long Quân, xếp hàng thứ nhì sau vua bán nước An Dương Vương như sự ghi chép trong sách “Thục An Dương Vương Tiên Đế Ngọc Phả Cổ Lục.”

Trăm Việt là tập hợp các sắc dân chủng Việt cư ngụ ở miền nam sông Dương Tử, mà người Hoa lấn chiếm và bành trướng từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam. Lãnh thổ Trăm Việt còn có tên là nước Xích Quỷ do An Dương Vương cai trị trước khi bị mất về tay Triệu Đà, bắc giáp Hồ Nam, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Tứ Xuyên, đông giáp biển Nam Hải.

Sử thời Xuân Thu Chiến Quốc, thế kỷ III trước công nguyên ghi nhận, các nước Hồ Việt ở Hồ Nam, U Việt ở Triết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Âu Việt ở Quý Châu và Quảng Tây, Điền Việt ở Vân Nam, Lạc Việt ở bắc Việt Nam, Chiêm Việt ở đảo Hải Nam... Trăm Việt nằm kế tiếp nhau từ miền nam sông

KINH

Dương Tử qua lưu vực sông Hồng, xuống tận bình nguyên sông Mã.

Vì Hai Vị Khởi Tổ của các Vua Hùng và Dân Tộc không thể gán ghép danh hiệu của Ngài trong số mười tám Vua Hùng, nên cần điều chỉnh một cách đúng đắn giúp cho các thế hệ sau tìm hiểu và tôn thờ.

c. Mười Tám Vua Hùng

Đã không nhất thiết là chỉ có mười tám vị nối tiếp nhau trị nước trong suốt mấy ngàn năm, là những Thánh Vương, những người có công lao với dân nước, được toàn dân thờ kính một cách đặc biệt, từ thời tiền sử lúc lập quốc.

Sự hình thành nền văn hóa, các Vua Hùng có thể thuộc nhiều lãnh vực hay nhiều phương diện khác biệt nhau, như quân sự, kinh tế, giáo dục, xã hội... chớ không thuần túy nói về phương diện chính trị. Và đây là đặc điểm của văn hóa Việt, không phải hề ai làm vua thì đều coi là vị thần, được thờ kính như bao văn hóa khác.

Đang khi, ngay cả thời hiện nay, như Vua nước Anh thì đương nhiên kiêm nhiệm cả chức Giáo Hoàng Anh giáo. Vua Nhật Bản vẫn được đa số dân phải coi là một vị thần...

Trong việc dựng nước, Mười Tám Vua Hùng là những người đóng góp đặc biệt vào việc hình thành nền văn hóa và dân tộc Việt Nam, cho nên đã được toàn dân tôn vinh thành Quốc Tổ. Trong suốt hai ngàn năm qua, nhiều nhận định về Thời Hùng với những ám ảnh bởi quan niệm phụ hệ của người Hoa.

d. Mẫu Hệ

Tuy nhiên tới nay không ai có thể phủ nhận sự kiện dân Việt Thời Hùng sống trong chế độ mẫu hệ, và cuộc sống xã hội nằm trong ảnh hưởng mẫu quyền.

Gần 250 năm sau Thời Hùng, năm 39 dương lịch, trong số các Anh Hùng Nghĩa Sĩ vùng lên đánh đổ ách đô hộ phương Bắc, vẫn còn có nhiều vị Nữ Tướng như Đức Trưng, Đức Triệu...

Không phải tình cờ, mà suốt trong mấy trăm năm đầu của thời hữu sử, các vị lãnh đạo kháng chiến của dân tộc ta đã được ghi nhận là nữ giới. Ngay cả trong việc đánh tiếng trống đồng khai trương – một biểu hiệu của uy quyền tổ chức – dân ta lại cũng có tục lệ để dành cho một người nữ cầm chịch.

Cô gái Việt đã có nhiều cơ hội lãnh đạo hơn phái nam, và tài năng các cô đã có nhiều điều kiện bộc lộ và phát triển. Từ đó thiết tưởng rằng, với hơn ba bốn ngàn năm trong truyền thống mẫu hệ của Thời Hùng, cũng phải có nhiều vị Vua Hùng thuộc nữ giới, không đúng sao?

4. CHÍNH TRỊ THỜI HÙNG

1. Tinh Thần Thời Hùng

Vào đầu thời hữu sử, năm 214 trước công nguyên, Đồ Thư dẫn 50 vạn quân xâm lấn vùng Lĩnh Nam nước ta. Dầu thủ lĩnh bị tử trận, nhưng dân tộc Việt vẫn liên tục chiến đấu chống ngoại xâm. Sau bốn năm trường kỳ kháng chiến, dân tộc ta đã chiến thắng Đồ Thư và làm cho bao vạn quân giặc bỏ xác.

KINH

Cùng nhau chiến đấu kiên trì để chiến thắng hơn 50 vạn quân Tàu, dân tộc ta thời đó đã tỏ ra có tinh thần sống chung vững vàng, đã có đời sống xã hội phát triển, đã có đủ khả năng hợp tác rộng lớn để bảo vệ những đặc điểm và quyền lợi chung.

2. Văn Hóa Đặc Thù

Vào cuối Thời Hùng, nền văn hóa của dân tộc ta đã vững chắc và phát triển cao. Sau hơn ngàn năm Bắc thuộc, chẳng những Đại Việt đã có thể tự giải thoát ách đô hộ, mà còn trỗi vượt với nhiều đặc điểm văn hóa khác hẳn văn hóa của người Hoa.

Như vậy, những đặc điểm của văn hóa Đại Việt không thể hình thành do ảnh hưởng của người Hoa, mà phải bắt nguồn từ Thời Hùng.

Trong Chính Thuyết Tiên Rồng cũng xác nhận nguồn gốc Thời Hùng của nền văn hóa Việt, đều lấy Vua Hùng làm bảo chứng cho đặc điểm của dân tộc.

Vì vậy, những đặc điểm văn hóa ở thời hữu sử là những bằng chứng hùng hồn của nếp sống Thời Hùng.

3. Đặc Điểm Chính Trị

Để việc thực thi nhiệm vụ được hữu hiệu, thì ở bất cứ thời nào, những người làm Việc Nước cũng phải có một số ưu thế tương xứng trong việc xử dụng phương tiện, quyền lực và nghi thức.

Tuy nhiên, quyền lực thì thường đưa tới lạm dụng, nhất là khi chúng được hỗ trợ bằng một số định chế. Ngay cả chế độ gọi là Dân Chủ hiện nay, nhiều cơ chế “vì dân” như nghiệp đoàn, dân biểu... đã biến thể để phục vụ cho giới đặc quyền.

Do đó, ưu điểm của một nền văn hóa là tạo ra những cấu trúc hạn chế, và ngăn chặn giới cầm quyền áp bức người dân.

Sau đây là những định chế của văn hóa Việt, bắt nguồn từ Thời Hùng và kéo dài suốt lịch sử, để người làm Việc Nước không thể tự chuyên lạm dụng quyền thế, không trở thành giặc.

a. Không Tự Phong Thần

- Người dân tự chủ: Nguồn gốc căn cội của mọi lạm dụng quyền lực là lòng tự kiêu tự phụ. Mọi hình thức độc tài đều xây dựng trên việc lạm nhận tính cách siêu việt của giới quyền thế. Ví dụ với những danh xưng khác nhau, như thiên tử, thần linh, thượng tế... hay đỉnh cao trí tuệ.

Đang khi đó, văn hóa Việt không cho vua chúa được uy quyền tuyệt đối trên cuộc sống người dân. Người làm Việc Nước phải luôn nhớ Thân Phận Là Người của mình.

Người dân đã luôn luôn có tiếng nói, đặc biệt trong những gì trực tiếp liên hệ đến cuộc sống riêng tư. Đối với quyền lực của Nước, mỗi người dân được che chở bởi đại gia đình và bởi làng xã.

Chính quyền trung ương chỉ biết có làng xã, chứ không thi hành quyền lực trên từng người dân.

KINH

Khi góp phần vào việc nước, làng là đơn vị đại diện người dân. Trong truyền thống chính trị Việt, người dân không trực tiếp với vua quan, mà qua làng. Trong tất cả mọi việc, từ tiếp xúc, lệnh truyền, tới sưu thuế, lính tráng... nước chỉ căn cứ vào làng, liên lạc với làng, và theo khả năng của toàn làng mà định phân đóng.

Bởi thế, làng là đơn vị nền tảng của cơ cấu chính trị, chính quyền, nước. Gia đình là đơn vị nền tảng của xã hội, cộng đoàn, dân tộc.

Nhờ đó, khác với các thể chế khác, người dân không phải đơn độc đương đầu trực diện với cơ quan quyền lực, mà còn được làng xóm láng giềng và bà con thân thuộc chia sẻ, trợ giúp, bù đắp, bảo bọc... Miễn là làng chu toàn được công tác chung thì thôi.

Đối với người dân, làng trở thành một bức tường che, một mái ấm, một bảo đảm vừa vật chất vừa tinh thần, vừa thực tế và vừa pháp lý. Đây không phải chỉ là một nếp sống tự phát, mà đã được Tổ Tiên ta biến thành một thể chế chính trị: Định Chế Làng Nước.

Vẫn biết ở bất cứ nơi nào hay thời nào, những kẻ có ưu thế cũng đều muốn củng cố quyền lực của riêng mình. Nhưng văn hóa và đại chúng Việt đã luôn luôn quyết tâm sống thực, bảo vệ, và kiên toàn định chế làng nước qua mấy ngàn năm lịch sử.

Thể chế Làng - Nước, phép vua lệ làng, chẳng những đã giúp người dân nước ta được hưởng nếp sống tự chủ, trong khi vẫn tích cực đóng góp và hoà điệu với nếp sống của cả nước.

Thế chế này là đặc điểm căn cội, làm cho nền Quân Chủ Việt khác hẳn mọi nền quân chủ khác.

b. Vua với Trời, với Tổ

Vua chúa Việt chẳng những không coi mình là siêu nhân, mà còn không thi hành chức vụ với tư cách đại diện Trời Cao (thiên tử). Trái lại vì trách nhiệm lãnh đạo, vua chúa Việt gánh chịu trách nhiệm về mọi hành động của toàn dân.

Vua khẩn cầu và gánh tội thay dân trước mặt Trời. Nhưng vua không đại diện cho Trời mà thống trị dân. Đang khi các văn hóa khác, vua đại diện “Trời” thị uy với dân. Nhưng không đại diện dân mà chịu tội với Trời.

Đối với Tổ cũng vậy. Vua chịu trách nhiệm cho toàn dân trước mặt Tổ, nhưng Tổ trực tiếp với dân. Vua Hùng cầu Tổ trong truyền thuyết Phù Đổng, Tiên Rồng, Tiết Liêu... và Tổ hiện về với dân.

Tổ là biểu trưng cho Tinh Thần, cho Sức Sống tối cao, cho Hồn Thiêng của Dân Tộc. Ngài là nguồn gốc, mà cũng là sự sống còn, là niềm hy vọng, là tụ điểm của toàn dân.

Việc cầu Tổ là bộc lộ niềm tin bất diệt, niềm hy vọng tuyệt đối vào sức sống vô tận và truyền thống siêu việt của Dân Tộc.

Đây chính là nền tảng đích thực của công cuộc Cứu Dân Cứu Nước. Bất cứ nền tảng nào khác đều đưa đến kết quả là biến dân nước thành vong nô của ngoại bang, của tà thuyết, hay của cường quyền bạo lực.

KINH

b. Vua với niềm tin:

Ở nhiều văn hóa khác, vì tự cho mình là siêu nhân, là đỉnh cao trí tuệ, là thần linh, là con Trời, là thượng tế tối cao, là người bảo vệ tối cao của tôn giáo... nên hầu hết vua chúa đã trực tiếp can thiệp vào đời sống tín ngưỡng của người dân.

Dựa vào uy thế tôn giáo, các vua chúa “siêu nhân” đó đã cưỡng ép dân chúng phải tuyệt đối tuân giữ luật lệ và niềm tin của giới quyền thế.

Trái lại, dân Việt được quyền tự do sống theo niềm tin của mình. Chẳng những mỗi người dân thờ kính Tổ Tiên của riêng mình, mà mỗi làng có thể tự tìm cho mình một vị Thành Hoàng để thờ. Người dân trong làng lại còn tự đặt ra những nghi thức riêng cho làng mình.

Vua chúa Việt chỉ chính thức hóa niềm tin của dân, chứ không áp đặt cho dân.

Vì vậy, ở dân Việt, không hề có lợi dụng tín ngưỡng và hệ thống tôn giáo để thống trị người dân. Vua quan không triệt để tuân hành một tôn giáo mà đàn áp những người dân theo tôn giáo khác.

4. Không Tạo Giai Cấp

a. Sống gần gũi dân

Dù sự cách biệt giữa những người cai trị và đại chúng có thể lớn dần với thời gian, nhưng mãi đến cuối Thời Hùng, quyền cai trị thường ở trong tay những người lớn tuổi, chứ không nhất thiết tập trung vào một dòng họ.

Ngoài ra, người lãnh đạo vẫn không sống cách biệt dân. Nhiều sách sử đã nhận định về Thời Hùng: Vua tôi cùng lao động, cùng cấy cấy, không đắp bờ chia ranh, không phân biệt uy quyền cấp bậc... Vua tôi gần gũi thương yêu nhau.

Cả đến năm 990 dương lịch, tức là sau hơn 1200 năm của Thời Hùng, Đức Đại Hành Hoàng Đế sau nhiều năm giữ chức Thập Đạo Tướng Quân, và sau mười năm làm vua mà vẫn còn đi chân đất, ngồi câu cá ở bờ sông, vui chơi với dân.

Cho đến thời hiện đại, các triều đình vua chúa Việt Nam cũng không có đời sống tách rời khỏi nếp sống toàn dân. Vua quan ta đã không có những lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, cũng không có đời sống xa xỉ với loại âm nhạc, văn chương của dành riêng cho cung đình.

Nếp sống gần dân, không phải là tình cờ, mà thực sự đã nhờ một số nguyên tắc chỉ đạo cũng như định chế.

b. Chính sách quan chức

Trong suốt lịch sử Việt, người dân luôn được góp phần vào việc nước, quan trường luôn luôn mở rộng cửa cho mọi người dân có tài năng. Nhân tài được tuyển dụng do tiến cử, hoặc qua các cuộc thi.

Sau thời gian làm quan, họ lại trở về làm dân, sống đời sống thanh bần như mọi người dân khác, chớ không tạo thành giai cấp với những đặc quyền đặc lợi suốt đời. Bởi trong khi có quyền chức mà lại luôn biết mình sẽ trở lại cuộc sống thanh bần, nợ tang bồng tay trắng vỗ tay reo như kẻ sĩ Nguyễn Công Trứ... thì xin hỏi, mấy ai mà dám hà hiếp bóc lột người dân?

KINH

Dầu cũng có những kẻ tham quyền cố vị, nhưng nếp sống dân tộc đã không để cho chúng tồn tại. Suốt mấy ngàn năm lịch sử cũng không có những dòng họ nhờ làm quan mà truyền đời giàu có quyền thế.

c. Không Để Hưởng Thụ

- **Không tạo tư sản:** Điểm quan trọng nhất của chính sách quyền chức, ở Thời Hùng và qua suốt cả dòng lịch sử Việt, là vua quan không dựa vào quyền chức mà chiếm hữu tài sản. Chức tước không mang lại đặc quyền vật chất.

Dầu quyền chức cao trọng tột bậc, cũng không được chia đất phong tước truyền đời.

Cả các vị hoàng đế đương triều của dân Việt cũng không có tài sản riêng. Tất cả đều là của dân nước, đều được điều hành theo quy chế tài sản quốc gia.

- **Phương tiện chu toàn:** Vua quan ta chỉ được quyền sử dụng thêm phương tiện để chu toàn nhiệm vụ.

Khác biệt với chế độ phong kiến Tây phương, sau hơn hai trăm năm thực thi chế độ dân chủ, thì các lâu đài và chức vụ, hay tàn tích từ thời phong kiến bóc lột vẫn còn là tài sản và là vinh dự truyền đời của nhiều dòng họ. Ví dụ tài sản truyền đời của Nữ Hoàng nước Anh cũng đủ để bà được sắp vào hạng người đàn bà quyền lực và giàu có nhất thế giới.

d. Vấn đề thuế vụ

Vì không chú trọng vào tài sản riêng, cho nên vua quan ta cũng không tìm cách khai thác thuế vụ để mà bóc lột dân.

Suốt bao ngàn năm, lịch sử Việt chỉ ghi lại các cuộc kiểm tra dân số, mà không thấy có chứng cứ về ruộng đất. Vua quan ta không chiếm cứ về ruộng đất.

Đành rằng thời nào, hay ở đâu cũng có hà lạm. Nhưng văn hóa Việt không cho hà lạm thành định chế đặc quyền. Trong lịch sử Việt, mỗi khi có vị vua lạm dụng thuế, xa xỉ... là đại chúng nổi lên chống phá, truất phế.

Điều tệ hại của chế độ Dân Chủ hiện tại, là “công bộc” của dân mà lại tự mình định mức tiền lương cho mình. Đàng khi đại chúng “chủ nhân” luôn phải tuân theo, phải nai lưng gánh thuế.

Trái lại, trong thể chế “Dân Chủ Việt,” các làng đều phổ biến mọi chi tiết chi thu, lý do trả lương, giá biểu dịch vụ... và trung cầu dân ý. Ngoài giá trị vật chất, dân tộc ta còn có giá trị tinh thần, cho nên đã khác biệt với phương Tây.

Suru thuế, hiện vật cũng như nhân lực của dân tộc ta, đã chỉ vì nhu cầu của cuộc sống chung. Việc đóng thuế cũng chỉ căn cứ trên khả năng của từng làng, chớ không trực tiếp với từng người dân.

5. Không Chuyên Bạo Lực

a. Quân đội chính quy

Trong nhiều quốc gia, những đội lính tổ chức chặt chẽ và sống chuyên nghề giao chiến, luôn luôn trở thành lực lượng để bảo vệ chính quyền, và giúp chính quyền đàn áp bóc lột người dân.

KINH

Nhưng chúng ta nhìn lại suốt dòng lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc, vua chúa Việt đã không hề có quân đội chính quy. Mãi cho tới năm 1950, Hoàng Đế Bảo Đại mới chính thức thành lập quân đội trong Liên Hiệp Pháp.

Qua các triều đại Việt, số quân chỉ đủ cho nghi thức và an ninh chung. Còn binh lính thì thay phiên nhau mà về làm dân. Gặp thời chiến, quân đội lại thành hình từ toàn dân. Toàn dân giữ nước, và mỗi làng là một đơn vị chiến đấu.

b. Thành lũy/ vũ khí

Thành lũy vũ khí cũng là phương tiện đàn áp bóc lột người dân. Giới thống trị đã có bạo lực quyền chức, lại được thành lũy che chở. Đang khi đó người dân tay không thì không có chỗ ẩn trốn.

Trong suốt Thời Hùng, không hề có dấu vết việc xây thành đắp lũy cho vua quan.

Lịch sử Việt chỉ có một lần xây thành, đó là Cổ Loa của An Dương Vương, và trở thành dấu tích đau thương của cả một dân tộc với nạn mất nước.

Và sau này, dấu gọi là thành lũy, nhưng thành lũy Việt cũng chỉ có những điều kiện của các làng lớn mà thôi. Tiện dụng cho công tác, chứ không là những pháo đài tập trung bạo lực và xa cách người dân.

V. Kết Luận

Thời Hùng là giai đoạn đặt nền tảng cho nếp sống Việt. Trên nền tảng này, suốt mấy ngàn năm, dân Việt Nam vui sống trong những điều kiện hạnh phúc đích thực của con người, là làm người.

Do đó, các Vua Hùng quả thật là Tổ, chẳng những theo huyết thống, mà đặc biệt còn do việc thành hình cơ cấu xã hội và nếp sống của toàn thể Dân Tộc Việt Nam. Các Ngài là Quốc Tổ của Việt Nam, với nghĩa trọn vẹn nhất.

Vì vậy, Đại Lễ Giỗ Tổ cần được tổ chức một cách trang trọng đặc biệt, với nghi thức long trọng mang ý nghĩa dẫn chúng, nhằm hình thành một tụ điểm nối kết Anh Em Tộc Việt khắp nơi.

Washington, ngày Tiên tháng Rồng năm 4886 Việt lịch

Phạm Văn Bản





Tác giả lãnh Huân Chương Danh Dự
Quilt Of Valor

VĂN TẾ

Kính các Đấng Tộc Tổ và Quốc Tổ

1. Cung thỉnh

Chúng con thành tâm khấu đầu
Xin kính lạy
Hai Ngài HIỀN THÁNH KHỞI TỔ Tộc
Việt
Xin kính lạy
Các Ngài THÁNH VƯƠNG QUỐC TỔ Việt Nam
Hôm nay,
Ngày Tiên, tháng Rồng, năm 4886 Việt Lịch
Chúng con hiện diện nơi đây
Xin hiệp cùng toàn thể con cháu Việt khắp nơi
Đồng tâm dâng trọn lòng thành
Đề mừng kính ngày trọng đại nhất
của Dân Tộc Việt Nam, và toàn thể Tộc Việt
Chúng con chân thành kính thỉnh
Hai Ngài Hiền Thánh Khởi Tổ
Cùng các Ngài Thánh Vương Quốc Tổ
Và toàn thể Thần Thánh Việt mọi thời
Hiển linh chứng giám

2. Văn Chúc

Kính lạy
Hai Ngài HIỀN THÁNH KHỞI TỔ
Kính lạy
Các Ngài THÁNH VƯƠNG QUỐC TỔ
Nhớ xưa

KINH

Hai Ngài Hiển Thánh
Được Ôn Trời thương đoái, cho sinh hạ đàn con cháu đông
đúc

Nhờ sông núi linh thiêng, đã phát triển dòng giống Việt
tinh anh

Tuy ngày nay dấu tích chẳng còn
Nhưng bằng chứng hiển nhiên mấy trăm triệu con cháu
Trải suốt mấy ngàn năm, Đại Tộc Việt luôn phát triển,
đặt tinh hoa cuộc sống vẹn toàn

Với trọn niềm kính quý, Hai Thánh Tổ được tôn vinh,
thành biểu tượng Tiên Rồng muôn thừa

Trong toàn thể Tộc Việt,

Hai Ngài

Là Tổ trên hết các Tổ

Là Nguồn sống mọi Thần Thánh Anh Linh

Muôn muôn thừa

Hai Ngài thực cao trọng và uy thế

Ở trần gian và thế giới siêu linh

Trải qua nhiều thế hệ

Cháu con dần dần tăng triển mạnh, đã thêm đông số ngày
một văn minh, mà còn thêm thuần phong mỹ tục. Mọi người
Việt là hào kiệt hiền nhân.

Vùng đất mãi mãi mở mang nhiều, từ Hồ Động Đình ra bờ
Biển Cả, lại đến tận Ngũ Lĩnh Trường Sơn. Toàn tộc dân đều
anh hùng nghĩa sĩ

Tuy nhiên,

Dẫu suốt dài lịch sử, đến muôn vạn anh tài, đã dắt dìu Dân
Tộc tiến

Nhưng ngàn đời con cháu, chỉ các Ngài Quốc Tổ, được
thờ kính hiển linh

Ấy cũng vì Các Ngài đã

Thực sự dẫn đầu việc lợi dân ích nước

Thành tâm xây đắp nền văn hóa cao siêu
Các Ngài là biểu hiệu linh thiêng
Là uy thế luôn dắt dìu con cháu
Ngày nay chúng con
Nhờ Tổ Tiên linh hiển, nên sống thụ vẹn toàn, những tinh
hoa ưu việt.

Bởi nhận diện Con Người qua biểu tượng Tiên Rồng Song
Hiệp, và bầm sinh Một Bọc Trăm Con,
Nên dựng xây cuộc sống, bằng thể hiện Bình Đẳng căn cơ,
với tình nghĩa Thân Thương cùng tốt.

Giữa liên hệ cá nhân, đặt trọng tâm Tình Thương Thân
quảng bác, nên mọi người đã Hiệp Nhất hòa đồng

Trong sinh hoạt xã hội, nêu chủ đích Việc Phát Triển kiện
toàn, khiến cuộc sống được Tương Song thăng tiến.

Thế cho nên,

Mỗi con người phát huy, vừa Tiên vừa Rồng, vừa tinh thần
vừa vật thể, vừa cá biệt đặc thù vừa xã hội bầm sinh.

Hai vợ chồng phối hiệp, trọn tình trọn nghĩa, trọn cuộc
sống trọn tâm hồn, trọn gia đình thân tộc trọn đồng bào làng
nước.

Và lại còn,

Giữa Việc Chung Việc Riêng, trong tương quan gia đình
xã hội, đúng nguyên tắc phân nhiệm chức năng.

Nơi Việc Làng Việc Nước, đã thể hiện dân chủ tự do, theo
định chế Lệ Làng Phép Nước.

Ôi, cuộc sống yên vui,

Mấy ngàn năm lưu truyền phát triển, thành cơ cấu thuần
phong, thêm thống hợp tinh hoa tích lũy.

Toàn dân Việt ứng dụng nổi đời, đúng tâm tình thực tiễn,
giúp mọi người hạnh phúc ấm no.

Kính lạy Các Ngài,

Nhân ngày Lễ trọng đại hôm nay,

KINH

Nguyện gia ân phù giúp,
Cho toàn thể dân Việt chúng con
Biệt thự tâm nối bước Tổ Tiên
Luôn thể hiện tận tình giáo huấn
Dem Văn Hóa kết liên dân Việt, tạo sức hùng hưng phục
Quê Hương,
Quyết loan truyền sứ điệp Tình Người, thành cơ chế cứu
nguy nhân loại.
Đúng Ôn Trời mong muốn,
Thêm rạng rỡ Tổ Tiên.
Lòng thành kính dâng,
Khẩn xin hưởng nhận.

3. Tạ Lễ

Kính lạy Hai Ngài Hiền Thánh Khởi Tổ,
Kính lạy các Vị Thánh Vương Quốc Tổ
Chúng con xin khấu tạ các Ngài.
Kính xin các Ngài
Cho chúng con
Được thêm sức độ trì
Biệt ứng dụng Nếp Sống Tiên Rồng
Đề cải hóa xã hội hôm nay
Hầu mọi người được hưởng yên vui
Và nhân loại thanh bình hạnh phúc
Nguyện các Ngài ngày thêm linh hiển
Chúng con thành tâm cùng bái tạ.



Tình Ca ĐỒNG BÀO

Thôn ấp tôi ...

Miền phì nhiêu Cái Sắn

Giòng An Giang êm ả chở phù sa

Bao nhánh kênh đan nhịp sống chan hòa

Tươi xanh mát đồng lúa khoai muôn dặm

Hàng dừa xanh thăm thẳm

Đã bao năm ...

Rũ bóng chỉ đường

Tiếng hò khoan vọng lại thật thân thương

Ru tôi lớn với mỡ màu từ đất

À ơi! Con tôi hãy ngủ cho ngoan

Cha con giữ nước nuôi đàn con khôn

Song thân tôi ... Tiên Rồng

Hai biểu tượng - siêu linh vật chất

Bọc trăm con tình huynh đệ vuông tròn

Chú bác tôi người xây dựng nước non

Nêu truyền thống đầy kiên cường bất khuất

Đã bao phen quê hương tôi tạm mất

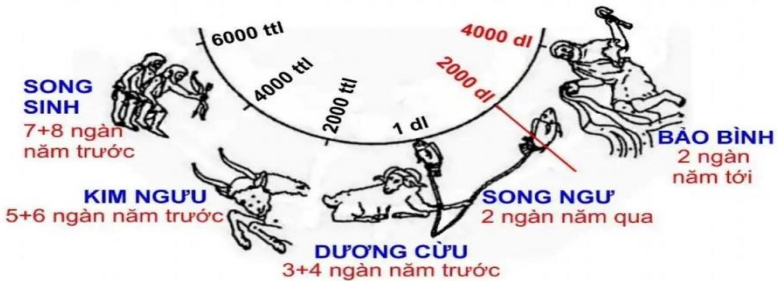
Bởi xâm lăng giặc phương Bắc phương Tây

Bao nông dân áo vải vai gầy

Bình tâm chết dựng Hòn Thiêng Sông Núi!

KINH

Thế giờ đây ... tôi đang buồn tủi
Nơi xít người ôn lại tháng năm xưa
Nớ ngày nao cũng một buổi chiều mưa
Mẹ âu yếm dẫn tôi đến lớp
Thoạt chào thầy mà lòng mình đã khóp
Khóc đòi về chơi với bạn Tý, Cu
Nghe thầy khuyên không biết chữ như mù
Từ thửa ấy tôi đánh vắn “Đồng Bào Nước Việt”
Thẻ lớn khôn nguyện giúp dân cứu nước
Tôi bước lê phở phờng xuôi ngược
Ôm túi hờn của người dân mất nước
Mắt lệ nhòa với bao kỷ niệm trước
Đòi phi công một thuở chiếm trời mây... Á ơi!
“Phúc đức mong góp cho đây
Tiên Rồng Mở Hội – xum vầy ăm no.”



Chiêm Tinh Học Thiên Văn

TÀI LIỆU THAM KHẢO



- Nam Thiên Nguyễn Đức Sách, Kinh Việt, Hoa Tiên Rồng xuất bản, Brisbane, Australia, 1990.
- Thanh Đức Nguyễn Đức Sách, Website Đánh Giặc Tàu, Hoa Tiên Rồng, Durack, Australia, 1993.
- Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn, Thuật Thành Công, Hoa Tiên Rồng xuất bản, Brisbane, Australia, 1996.
- Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn, Chính Trị Thời Đại, Hoa Tiên Rồng xuất bản, Brisbane, Australia, 1997.
- Việt Bào Phạm Văn Bản, Con Người Thời Đại, Con Cháu Tiên Rồng xuất bản, Washington, Hoa Kỳ, 2022.
- Thúc Chi Trần Thế Pháp, Truyện Hồng Bàng trong Lĩnh Nam Chích Quái, Bản Dịch của Lê Hữu Mục, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, Việt Nam, 1961.
- Nguyễn Văn Ngọc & Trần Lê Nhân, Mã Viện Truyện, Cổ Học Tinh Hoa xuất bản, Hà Nội, Việt Nam, 1926.
- Nguyễn Đông Chi, Kho Tàng Truyện Cổ Tích Việt Nam, Hà Nội xuất bản, Việt Nam, 1957.



Người viết Tác Phẩm Đầu Tay “Con Người Thời Đại”
Thân Chào Các Bạn Đọc & Chúc Bạn Một Ngày Vui

PHẠM VĂN BẢN

Cám Ơn Bạn Đọc

Thank You



Trung Úy Phi Công Phạm Văn Bản

Giá Sách:

KINH

GHI ƠN

Sau cùng tác giả xin chân thành ghi ơn Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ, và Ân Nhân Đờ Đâu đã ban cho tôi diễm phúc làm người, qua công ơn sinh thành dưỡng dục từ ấu thơ cho tới trưởng thành. Tiếp đến cũng cảm ơn gia đình yểm trợ các phương diện nhằm hoàn thành sách Kinh, và cảm ơn vợ tôi đã mang tập Kinh từ Trại Tù Cải Tạo Xuyên Mộc về nhà cất giữ bảo quản an toàn trên đường vượt biên 1982 từ Việt Nam tới Thái Lan rồi gìn giữ tới ngày in ấn sách này như trong hình gia đình sau đây:



HẾT